

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Ban hành kèm theo Quyết định số 561-25/QĐ-DSG-ĐT ngày 08/09/2025 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn

1. Thông tin chung

- [1] Tên chương trình: Cử nhân Thiết kế Công nghiệp
- [2] Trình độ đào tạo: Đại học
- [3] Ngành đào tạo: **THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP**
- [4] Chuyên ngành đào tạo: Thiết kế Công nghiệp, chuyên ngành Thiết kế Sản phẩm
Thiết kế Công nghiệp, chuyên ngành Thiết kế Thời trang
Thiết kế Công nghiệp, chuyên ngành Thiết kế Đồ họa
Thiết kế Công nghiệp, chuyên ngành Thiết kế Nội thất
- [5] Mã ngành đào tạo: [7210402]
- [6] Loại hình đào tạo: Chính quy tập trung
- [7] Khóa học: 2025 - 2029
- [8] Tên Khoa: Khoa Design
- [9] Trường cấp bằng: Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn
- [10] Cơ sở tổ chức giảng dạy: Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn
- [11] Tổ chức kiểm định chương trình đào tạo: Chương trình đào tạo ngành Thiết kế công nghiệp đã hoàn thành báo cáo tự đánh giá, đánh giá ngoài, thẩm định kết quả đánh giá ngoài và đã được đánh giá đạt chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo theo bộ tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, giai đoạn 2024 – 2029. Chương trình đào tạo này được Trung tâm Kiểm định Chất lượng Giáo dục – Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh tổ chức đánh giá và kiểm định. Tháng 10/2024 tới đây, nhà trường sẽ tổ chức lễ đón nhận Giấy chứng nhận đạt chuẩn kiểm định chất lượng của chương trình này.

2. Mục tiêu đào tạo

- [1] **Mục tiêu chung:**
 - + Mục tiêu và nhiệm vụ của Khoa Design, Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn là đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực thiết kế, đáp ứng các nhu cầu mới của thị trường và môi trường thiết kế công nghiệp hiện đại của Việt Nam, đặc biệt là khu vực phía Nam.
 - + Hệ đại học chính quy ngành Design đào tạo ra những nhà thiết kế đa năng, chuyên nghiệp và sáng tạo, có phẩm chất chính trị, đạo đức, có kiến thức và năng lực thực hành nghề nghiệp tương ứng với trình độ đào tạo, có sức khỏe và đáp ứng được yêu cầu xây dựng và phát triển đất nước.
- [2] **Chuẩn đầu ra:**
 - + Kiến thức:
 - CDR_A01: Tóm tắt và giải thích được các kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, chính trị và pháp luật.

- CDR_A02: Phân tích, lý giải, phân biện về xu hướng thiết kế, ảnh hưởng văn hoá, vấn đề xã hội vào trong các đồ án thiết kế, sản phẩm thiết kế.
- CDR_A03: Thiết lập và định hướng ý tưởng ban đầu (Concept Design) cho đến Thiết kế hoàn chỉnh sản phẩm chuyên ngành.
- + Kỹ năng:
 - CDR_B01: Sử dụng thành thạo công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc của một nhà thiết kế.
 - CDR_B02: Lập kế hoạch và triển khai sản xuất hoàn thiện sản phẩm Design.
 - CDR_B03: Truyền đạt ý tưởng thiết kế hiệu quả và Tư vấn thiết kế theo chuyên ngành được đào tạo.
 - CDR_B04: Sử dụng ngoại ngữ giao tiếp cơ bản và đọc hiểu tài liệu chuyên ngành; tương đương bậc 3/6 khung Năng lực Ngoại ngữ Việt Nam.
- + Mức độ tự chủ và trách nhiệm.
 - CDR_C01: Chủ động học hỏi và thích nghi, tư duy sáng tạo trong lĩnh vực thiết kế và liên ngành.
 - CDR_C02: Làm việc độc lập, làm việc nhóm hiệu quả và thể hiện tinh thần chuyên nghiệp trong việc giải quyết các đồ án thực tế.

[3] Vị trí làm việc, công tác khi ra trường:

- + Vị trí việc làm (Job Positions): Cử nhân Thiết kế Công nghiệp có thể đảm nhận vị trí sau:
 - Chuyên viên thiết kế sản phẩm (Product Designer): tham gia nghiên cứu, phát triển và thiết kế sản phẩm công nghiệp như đồ gia dụng, thiết bị điện tử, đồ chơi, phương tiện giao thông, gốm sứ, trang sức, đèn trang trí...
 - Nhà thiết kế nội thất (Interior Designer): thiết kế và thi công không gian sống, làm việc, giải trí, thương mại, đảm bảo tính thẩm mỹ, công năng và phong cách.
 - Nhà thiết kế thời trang (Fashion Designer): sáng tạo mẫu mã, bộ sưu tập, trang phục ứng dụng, trang phục trình diễn, thời trang công sở, nội y, thể thao, lễ hội... cho các thương hiệu trong và ngoài nước.
 - Nhà thiết kế đồ họa (Graphic Designer): thiết kế hệ thống nhận diện thương hiệu, quảng cáo, bao bì, dàn trang, minh họa nhân vật, thiết kế kỹ thuật số, web và truyền thông đa phương tiện.
 - Chuyên viên nghiên cứu & phát triển sản phẩm (R&D Specialist) tại các doanh nghiệp sản xuất, các phòng ban đổi mới sáng tạo.
 - Chuyên viên tư vấn thiết kế độc lập (Freelance Designer): hợp tác với nhiều doanh nghiệp, studio thiết kế, hoặc khởi nghiệp trong lĩnh vực thiết kế.
 - Tiếp tục học tập nâng cao trình độ chuyên môn, người tốt nghiệp có thể làm cán bộ giảng dạy, nghiên cứu tại các trường đại học, cơ sở đào tạo, trung tâm sáng tạo.
- + Triển vọng nghề nghiệp (Career Prospects)
 - Nhu cầu nhân lực cao: Trong bối cảnh hội nhập quốc tế và cách mạng công nghiệp 4.0, thị trường lao động đang rất cần những nhà thiết kế sáng tạo, có khả năng ứng dụng công nghệ số, AI, in 3D, VR/AR trong thiết kế.
 - Mức thu nhập cạnh tranh: Thiết kế công nghiệp được đánh giá là một trong những ngành có tiềm năng thu nhập cao, nhất là trong lĩnh vực thời trang, nội thất, quảng cáo và truyền thông số.
 - Cơ hội thăng tiến: Cử nhân thiết kế công nghiệp có thể phát triển lên các vị trí quản lý dự án, giám đốc sáng tạo (Creative Director), trưởng bộ phận thiết kế (Head of Design).
 - Khởi nghiệp sáng tạo: Với nền tảng kiến thức đa ngành và kỹ năng thực hành, cử nhân thiết kế công nghiệp có thể tự khởi nghiệp trong lĩnh vực thiết kế sản phẩm, thiết kế nội thất, studio đồ họa hoặc thương hiệu thời trang riêng.

- Hội nhập quốc tế: Bằng cấp và năng lực nghề nghiệp đáp ứng chuẩn kiểm định chất lượng, mở ra cơ hội làm việc trong các tập đoàn, công ty thiết kế nước ngoài, cũng như tham gia các cuộc thi, dự án quốc tế.
- Tính ứng dụng rộng: Cử nhân thiết kế công nghiệp có thể hoạt động trong nhiều lĩnh vực gắn với đời sống và sản xuất, từ thiết kế tiêu dùng, công nghiệp văn hóa, đến công nghệ sáng tạo và phát triển đô thị thông minh.

3. Thời gian đào tạo:

- [1] Khóa học là thời gian thiết kế để sinh viên hoàn thành một CTĐT; hay còn gọi là thời gian đào tạo chính khóa.
- [2] Thời gian tối đa hoàn thành CTĐT bao gồm: Thời gian đào tạo chính khóa và thời gian được phép kéo dài. Sinh viên không hoàn thành CTĐT và đã vượt quá thời gian tối đa được phép học tại Trường sẽ bị buộc thôi học. Trong một số trường hợp đặc biệt vượt quá thời gian tối đa hoàn thành chương trình đào tạo theo quy định tại khoản này, Hiệu trưởng có thể xem xét và quyết định gia hạn cho sinh viên; tuy nhiên, tổng thời gian hoàn thành chương trình không được vượt quá gấp đôi thời gian đào tạo chính khóa theo kế hoạch.
- [3] Thời gian đào tạo chính khóa và thời gian được phép kéo dài để sinh viên hoàn thành CTĐT được quy định theo từng bậc học. Cụ thể như sau:
- | | | |
|---------|------------------------------|-------------------|
| Bậc học | Thời gian đào tạo chính khóa | Thời gian kéo dài |
| Đại học | 4,0 năm | 2,0 năm |

4. Cấu tạo và tổ chức của chương trình:

- [1] **Khối lượng kiến thức toàn khóa: 152 tín chỉ.**
- [2] **Cấu tạo và tổ chức của chương trình:**
- + Kiến thức giáo dục chuyên biệt: Môn học cấp chứng chỉ, hay cấp chứng nhận; không tính số tín chỉ trong chương trình đào tạo.
 - Giáo dục thể chất;
 - Giáo dục Quốc phòng - An ninh.
 - + Kiến thức giáo dục đại cương:
 - Kiến thức khoa học tự nhiên, công nghệ thông tin;
 - Kiến thức khoa học xã hội, chính trị, pháp luật, ngoại ngữ.
 - + Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp:
 - Kiến thức cơ sở ngành (của khối ngành, nhóm ngành, và ngành);
 - Kiến thức chuyên ngành;
 - Kiến thức bổ trợ (nếu có)
 - Thực tập tốt nghiệp, đồ án/khóa luận/bài thi tốt nghiệp.
 - + Nhóm môn tự chọn (danh sách môn học tự chọn, liệt kê các môn học mà sinh viên phải chọn lựa): Môn học tự chọn có thể thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương; hoặc giáo dục chuyên nghiệp.
- [3] **Nhóm các môn học trong chương trình:**
- Các môn học lý thuyết;
 - Các môn học lý thuyết có bài tập, thí nghiệm, thực hành;
 - Các môn học thí nghiệm, thực hành, thực tập tại phòng thí nghiệm, phòng thực hành và xưởng thực tập;
 - Các môn học có đi thực tập và có làm bài tập lớn;
 - Thực tập tại cơ sở ngoài trường và Thực tập tốt nghiệp;
 - Các môn học tự chọn và môn học bắt buộc;

- Môn học Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh (môn học cấp chứng chỉ, chứng nhận).

[4] Phân bố các khối kiến thức trong chương trình đào tạo (CTĐT) các chuyên ngành:

+ Ngành Thiết kế công nghiệp, chuyên ngành Thiết kế sản phẩm

Khối kiến thức	Tổng số tín chỉ		Phân bố số tiết, % lý thuyết - thực hành						
			Tổng số		Lý thuyết		Thực hành		Tự học
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
Môn học ngoài CTĐT	0		300		135	45,00	165	55,00	300
Giáo dục chuyên nghiệp	0		300		135	45,00	165	55,00	300
- Giáo dục Quốc phòng - An ninh	0		165		90	54,55	75	45,45	240
- Giáo dục thể chất	0		135		45	33,33	90	66,67	135
Môn học trong chương trình đào tạo	132	100.00	3285	100.00	990	30.14	2295	69.86	3180
Kiến thức Giáo dục đại cương	27	20.45	495	15.07	300	60.61	195	39.39	720
- [1] Khoa học tự nhiên	3	02.27	75	02.28	15	20.00	60	80.00	60
- [2] Khoa học xã hội	24	18.18	420	12.79	285	67.86	135	32.14	660
Kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp	96	72.73	2385	72.60	690	28.93	1695	71.07	2325
- [3] Cơ sở ngành	75	56.82	1800	54.79	555	30.83	1245	69.17	1845
- [4] Chuyên ngành	21	15.91	585	17.81	135	23.08	450	76.92	480
Bài thi tốt nghiệp	9	06.82	405	12.33	0	00.00	405	100.00	135
- [5] Thực tập tốt nghiệp	2	01.52	90	02.74	0	00.00	90	100.00	30
- [5] Đồ án, khóa luận, thi tốt nghiệp	7	05.30	315	09.59	0	00.00	315	100.00	105

+ Ngành Thiết kế công nghiệp, chuyên ngành Thiết kế thời trang

Khối kiến thức	Tổng số tín chỉ		Phân bố số tiết trong khối kiến thức, % lý thuyết - thực hành						
			Tổng số		Lý thuyết		Thực hành		Tự học
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
Môn học ngoài CTĐT	0		300		135	45,00	165	55,00	300
Giáo dục chuyên nghiệp	0		300		135	45,00	165	55,00	300
- Giáo dục Quốc phòng - An ninh	0		165		90	54,55	75	45,45	240
- Giáo dục thể chất	0		135		45	33,33	90	66,67	135
Môn học trong chương trình đào tạo	131		3300		960	29.09	2340	70.91	3090
Kiến thức Giáo dục đại cương	27		495		300	60.61	195	39.39	720
- [1] Khoa học tự nhiên	3		75		15	20.00	60	80.00	60
- [2] Khoa học xã hội	24		420		285	67.86	135	32.14	660
Kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp	95		2400		660	27.50	1740	72.50	2235
- [3] Cơ sở ngành	68		1635		480	29.36	1155	70.64	1620
- [4] Chuyên ngành	27		765		180	23.53	585	76.47	615
Bài thi tốt nghiệp	9		405		0	00.00	405	100.00	135
- [5] Thực tập tốt nghiệp	2		90		0	00.00	90	100.00	30
- [5] Đồ án, khóa luận, thi tốt nghiệp	7		315		0	00.00	315	100.00	105

+ **Ngành Thiết kế công nghiệp, chuyên ngành Thiết kế đồ họa**

Khối kiến thức	Tổng số tín chỉ		Phân bố số tiết trong khối kiến thức, % lý thuyết - thực hành						
			Tổng số		Lý thuyết		Thực hành		Tự học
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
Môn học ngoài CTĐT	0		300		135	45,00	165	55,00	300
Giáo dục chuyên nghiệp	0		300		135	45,00	165	55,00	300
– Giáo dục Quốc phòng - An ninh	0		165		90	54,55	75	45,45	240
– Giáo dục thể chất	0		135		45	33,33	90	66,67	135
Môn học trong chương trình đào tạo	132	100.00	3255	100.00	1020	31.34	2235	68.66	3105
Kiến thức Giáo dục đại cương	27	20.45	495	15.21	300	60.61	195	39.39	720
– [1] Khoa học tự nhiên	3	02.27	75	02.30	15	20.00	60	80.00	60
– [2] Khoa học xã hội	24	18.18	420	12.90	285	67.86	135	32.14	660
Kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp	96	72.73	2355	72.35	720	30.57	1635	69.43	2250
– [3] Cơ sở ngành	77	58.33	1800	55.30	585	32.50	1215	67.50	1815
– [4] Chuyên ngành	19	14.39	555	17.05	135	24.32	420	75.68	435
Bài thi tốt nghiệp	9	06.82	405	12.44	0	00.00	405	100.00	135
– [5] Thực tập tốt nghiệp	2	01.52	90	02.76	0	00.00	90	100.00	30
– [5] Đồ án, khóa luận, thi tốt nghiệp	7	05.30	315	09.68	0	00.00	315	100.00	105

+ **Ngành Thiết kế công nghiệp, chuyên ngành Thiết kế nội thất**

Khối kiến thức	Tổng số tín chỉ		Phân bố số tiết trong khối kiến thức, % lý thuyết - thực hành						
			Tổng số		Lý thuyết		Thực hành		Tự học
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
Môn học ngoài CTĐT	0		300		135	45,00	165	55,00	300
Giáo dục chuyên nghiệp	0		300		135	45,00	165	55,00	300
– Giáo dục Quốc phòng - An ninh	0		165		90	54,55	75	45,45	240
– Giáo dục thể chất	0		135		45	33,33	90	66,67	135
Môn học trong chương trình đào tạo	134	100.00	3285	100.00	1080	32.88	2205	67.12	3135
Kiến thức Giáo dục đại cương	27	20.15	495	15.07	300	60.61	195	39.39	720
– [1] Khoa học tự nhiên	3	02.24	75	02.28	15	20.00	60	80.00	60
– [2] Khoa học xã hội	24	17.91	420	12.79	285	67.86	135	32.14	660
Kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp	98	73.13	2385	72.60	780	32.70	1605	67.30	2280
– [3] Cơ sở ngành	66	49.25	1560	47.49	525	33.65	1035	66.35	1530
– [4] Chuyên ngành	32	23.88	825	25.11	255	30.91	570	69.09	750
Bài thi tốt nghiệp	9	06.72	405	12.33	0	00.00	405	100.00	135
– [5] Thực tập tốt nghiệp	2	01.49	90	02.74	0	00.00	90	100.00	30
– [5] Đồ án, khóa luận, thi tốt nghiệp	7	05.22	315	09.59	0	00.00	315	100.00	105

5. Đối tượng tuyển sinh:

Học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông (hoặc tương đương) và qua kỳ thi tuyển hoặc xét tuyển đầu vào của Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn.

6. Đối tượng tuyển sinh:

Học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông (hoặc tương đương) và qua kỳ thi tuyển hoặc xét tuyển đầu vào của Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn.

7. Quy trình đào tạo

- [1] Quy trình đào tạo được thiết kế theo đào tạo tín chỉ, lấy môn học với các học phần làm cơ sở tích lũy kiến thức và tích lũy đủ số tín chỉ của ngành. Sinh viên tự đăng ký môn học và thời khóa biểu theo sự tư vấn của cố vấn học tập.
- [2] Các môn học được bố trí theo học kỳ, năm học và khóa học. Mỗi năm có 02 học kỳ chính, gồm 15 tuần dành cho việc giảng dạy và học tập (bao gồm cả kiểm tra giữa kỳ); 02 - 03 tuần dành cho việc thi, kiểm tra đánh giá kết quả môn học. Ngoài học kỳ chính, còn có thể tổ chức học kỳ phụ (còn gọi là học kỳ hè). Học kỳ hè có 02 - 04 tuần dành cho việc giảng dạy và học tập, 01 tuần cho việc đánh giá tập trung.
- [3] Quy định khi đăng ký môn học và số tín chỉ đăng ký trong mỗi học kỳ được quy định tại Điều 13, Chương 2 Tổ chức đào tạo, Quy chế đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ, ban hành kèm theo Quyết định số 527-25/QĐ-DSG-ĐT ngày 03/09/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn.
 - + Quy định về khối lượng học tập tối thiểu của một sinh viên đăng ký trong học kỳ:
 - 14 tín chỉ cho mỗi học kỳ, trừ học kỳ cuối khóa học, đối với những sinh viên được xếp hạng học lực bình thường.
 - 10 tín chỉ cho mỗi học kỳ, trừ học kỳ cuối khóa học, đối với những sinh viên đang trong thời gian bị xếp hạng học lực yếu.
 - Không quy định khối lượng học tập tối thiểu đối với sinh viên ở học kỳ phụ.
 - + Quy định về khối lượng học tập tối đa của một sinh viên đăng ký trong học kỳ:
 - Sinh viên đang trong thời gian bị xếp hạng học lực yếu chỉ được đăng ký khối lượng học tập không quá 18 tín chỉ cho mỗi học kỳ. Nếu sinh viên có nhu cầu đăng ký nhiều hơn số tín chỉ quy định, sinh viên phải làm đơn gửi cố vấn học tập xin ý kiến và chuyển đơn đến Phòng Đào tạo xem xét giải quyết tiếp. Sinh viên nhận kết quả trả lời đơn tại Phòng Đào tạo.
 - Không hạn chế khối lượng đăng ký học tập của sinh viên xếp hạng học lực bình thường.
 - Đối với học kỳ phụ (học kỳ hè), sinh viên không được đăng ký nhiều hơn 12 tín chỉ/đợt học.
- [4] Một giờ tín chỉ được tính bằng 50 phút học tập; sau đây gọi chung là TIẾT.
 - + Tín chỉ được quy định bằng:
 - 15 giờ học lý thuyết + 30 giờ tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn;
 - 30 giờ thực tập/thực hành/thí nghiệm/thảo luận + 15 giờ tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn;
 - 45 giờ thực tập tại cơ sở/thực tập tốt nghiệp;
 - 45 giờ làm tiểu luận/bài tập lớn/đồ án;
 - 45 giờ làm đồ án tốt nghiệp/khóa luận tốt nghiệp/luận văn tốt nghiệp/luận án tốt nghiệp/bài thi tốt nghiệp.
 - Số tín chỉ của mỗi môn học phải là một số nguyên.
- [5] Điều kiện tốt nghiệp:
 - + Sinh viên đạt yêu cầu theo Điều 33, Chương 5 Xét và công nhận tốt nghiệp cuối khóa, Quy chế đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ, ban hành kèm theo Quyết định số 527-25/QĐ-DSG-ĐT ngày 03/09/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn.

8. Thang điểm đánh giá:

[1] Yêu cầu chung của môn học theo quy chế:

- + Sinh viên tham dự lớp học đầy đủ, tham gia thảo luận xây dựng bài trên lớp và chuẩn bị bài tập kỹ năng ở nhà để tự củng cố kiến thức cho bản thân;
- + Sinh viên nghiêm túc thực hiện các yêu cầu của giảng viên đối với môn học;
- + Sinh viên nghiêm túc thực hiện bài kiểm tra giữa kỳ và bài thi kết thúc môn học;
- + Sinh viên vi phạm quy chế thi sẽ bị xử lý theo quy định.

[2] Để hoàn tất môn học, sinh viên phải “đạt”:

- + Điểm tổng kết môn học $\geq 5,0$ (năm) điểm theo thang điểm 10,0 (mười);
- + Điểm được quy đổi về thang điểm chữ và thang điểm 4,0 trong bảng điểm tổng kết;
- + Thực hiện đầy đủ yêu cầu đánh giá môn học theo trọng số (%) của điểm thành phần như sau:

Điểm thành phần	Thang điểm 10	Trọng số	Điều kiện
Điểm quá trình	a	x%	$x + y + z = 100\%$; $x + y \leq 50\%$
Điểm kiểm tra giữa kỳ	b	y%	$x + y + z = 100\%$; $x + y \leq 50\%$
Điểm thi cuối kỳ	c	z%	$x + y + z = 100\%$; $z \geq 50\%$
Điểm tổng kết môn học	$a * x\% + b * y\% + c * z\%$		

9. Nội dung chương trình: Kế hoạch triển khai chi tiết trong phụ lục 01

[1] **Ngành Thiết kế Công nghiệp, chuyên ngành Thiết kế sản phẩm**

Học kỳ	MSMH	Khối kiến thức ----- Tên môn học	Nhóm môn	Mô tả tin chỉ	Tín chỉ	Số tiết thực hiện			
						Số tiết	Lý thuyết	Thực hành	Tự học
		Kiến thức giáo dục chuyên biệt		0	300	135	165	375	
HK4	MI03002	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	0[6.3.16]	0	165	90	75	240	HK4
HK2	GS99005	Giáo dục thể chất 1	0[0.2.1]	0	45	15	30	45	HK2
HK3	GS99006	Giáo dục thể chất 2 (tự chọn bắt buộc)	0[0.2.1]	0	45	15	30	45	HK3
HK4	GS93007	Giáo dục thể chất 3 (tự chọn bắt buộc)	0[0.2.1]	0	45	15	30	45	HK4
		Kiến thức giáo dục đại cương			27	495	300	195	720
HK1	DE09046	Tin học đại cương và thực hành	TN	3[1.2.4]	3	75	15	60	60
HK1	GS19007	Tiếng Anh 1	XH	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
HK2	GS19008	Tiếng Anh 2	XH	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
HK3	GS19009	Tiếng Anh 3	XH	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
HK4	GS19010	Tiếng Anh 4	XH	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
HK1	GS79005	Triết học Mác - Lênin	XH	3[3.0.6]	3	45	45	0	90
HK1	GS79006	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	XH	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
HK3	GS79007	Chủ nghĩa xã hội khoa học	XH	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
HK4	GS79008	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	XH	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
HK5	GS79009	Tư tưởng Hồ Chí Minh	XH	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
HK5	GS29001	Pháp luật Việt Nam đại cương	XH	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
HK6	GS09010	Môn học tự chọn 1_KHXHNV	XH	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			96	2385	690	1695	2325
HK1	DE09001	Design đại cương	CS	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
HK1	DE09002	Hình họa 1	CS	3[1.2.4]	3	90	15	75	60
HK1	DE09003	Lược sử mỹ thuật Thế giới và Việt Nam	CS	3[3.0.6]	3	45	45	0	90
HK1	DE09047	Nguyên lý thị giác	CS	3[2.1.5]	3	60	30	30	75

Học kỳ	MSMH	Khối kiến thức ----- Tên môn học	Nhóm môn	Mô tả tín chỉ	Tín chỉ	Số tiết thực hiện			
						Số tiết	Lý thuyết	Thực hành	Tự học
HK2	DE09006	Hình họa 2	CS	3[1.2.4]	3	90	15	75	60
HK2	DE09008	Thực tập cơ sở	CS	1[0.1.1]	1	45	0	45	15
HK2	DE09048	Vẽ kỹ thuật	CS	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
HK2	DE13033	Lịch sử TKSP	CS	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
HK2	DE19001	Kỹ thuật mô hình sản phẩm	CS	3[1.2.4]	3	75	15	60	60
HK2	DE19003	Mô tuýp và màu sắc trong TKSP	CS	3[1.2.4]	3	75	15	60	60
HK2	DE19008	Nguyên lý thiết kế sản phẩm	CS	2[1.1.4]	2	30	15	15	60
HK2	DE09005	Ergonomics	CS	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
HK3	DE09009	Hình họa chuyên ngành 1_TKSP	CS	3[1.2.4]	3	90	15	75	60
HK3	DE13034	Kỹ thuật thể hiện đồ án TKSP 1	CS	3[1.2.4]	3	75	15	60	60
HK3	DE13035	Hình khối và chất liệu	CS	3[1.2.5]	3	75	15	60	75
HK3	DE19006	Văn hóa và phong cách trong TKSP	CS	3[1.2.4]	3	75	15	60	60
HK3	DE19016	Tư duy thiết kế	CS	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
HK4	DE09013	Nghệ thuật ảnh	CS	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
HK4	DE09014	Hình họa chuyên ngành 2_TKSP	CS	3[1.2.4]	3	90	15	75	60
HK4	DE13036	Kỹ thuật thể hiện đồ án TKSP 2	CS	3[1.2.6]	3	75	15	60	90
HK4	DE19010	Vật liệu trong TKSP	CS	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
HK4	DE19011	Thực tập chuyên ngành	CS	2[0.2.2]	2	90	0	90	30
HK5	DE09018	Cơ sở văn hóa Việt Nam	CS	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
HK5	DE09020	Ảnh studio	CS	2[0.2.2]	2	60	0	60	30
HK5	DE13037	Kỹ thuật thể hiện đồ án TKSP 3	CS	3[1.2.6]	3	105	15	90	90
HK6	DE09019	Lịch sử văn minh thế giới	CS	3[3.0.6]	3	45	45	0	90
HK6	DE13020	Chuyên đề 1_TKSP	CS	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
HK6	DE13038	Kỹ thuật thể hiện đồ án TKSP 4	CS	2[1.1.6]	2	60	15	45	90
HK7	DE13023	Chuyên đề 2_TKSP	CS	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
HK8	DE09023	Luật sở hữu trí tuệ	CS	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
HK3	DE19018	Thực hành thiết bị	CN	2[0.2.3]	2	45	0	45	45
HK4	DE13039	Đồ án Thiết kế thiết bị cầm tay	CN	2[1.1.3]	2	60	15	45	45
HK4	DE13040	Đồ án TKSP Gốm Sứ	CN	2[1.1.3]	2	60	15	45	45
HK5	DE13041	Đồ án Thiết kế Trang sức	CN	2[1.1.3]	2	60	15	45	45
HK5	DE13042	Đồ án Thiết kế đồ chơi	CN	2[1.1.3]	2	60	15	45	45
HK6	DE13026	Đồ án Thiết kế vật dụng nội thất	CN	2[1.1.3]	2	60	15	45	45
HK6	DE19020	Đồ án Thiết kế đèn trang trí	CN	2[1.1.3]	2	60	15	45	45
HK7	DE13027	Đồ án tự chọn_TKSP	CN	2[1.1.3]	2	60	15	45	45
HK7	DE13028	TH TKSP thủ công truyền thống	CN	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
HK7	DE13029	Đồ án tổng hợp_TKSP	CN	3[1.2.5]	3	75	15	60	75
		Nhóm môn bài thi tốt nghiệp			9	405	0	405	135
HK8	DE19151	Thực tập tốt nghiệp	TN	2[0.2.2]	2	90	0	90	30
HK8	DE13153	Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp	TN	7[0.7.7]	7	315	0	315	105
		Danh sách môn học tự chọn							
		Kiến thức giáo dục đại cương							
HK6	GS09011	KHXX_Tiếng Việt thực hành	XH	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
HK6	GS09012	KHXX_Kỹ năng giao tiếp	XH	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
HK6	GS09021	KHXX_Tiếng Anh chuyên ngành	XH	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp							
HK6	DE09024	Mỹ thuật trang trí công cộng	CS	2[1.1.3]	2	45	15	30	45

Học kỳ	MSMH	Khối kiến thức ----- Tên môn học	Nhóm môn	Mô tả tín chỉ	Tín chỉ	Số tiết thực hiện			
						Số tiết	Lý thuyết	Thực hành	Tự học
HK6	DE09028	Xây dựng quy trình thiết kế thời trang	CS	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
HK6	DE09030	Nghệ thuật bố cục trình bày	CS	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
HK6	DE09036	Nghệ thuật sắp đặt và trưng bày SP	CS	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
HK7	DE09037	Phong thủy	CS	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
HK7	DE09038	ƯD KT thể hiện tranh in đương đại	CS	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
HK7	DE09039	PP nhận diện ADN của thương hiệu	CS	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
HK7	DE19012	Phương pháp tìm ý trong thiết kế	CS	2[1.1.4]	2	30	15	15	60
HK7	DE13030	Đồ án Thiết kế giày dép	CN	2[1.1.3]	2	60	15	45	45
HK7	DE13031	Đồ án Thiết kế phương tiện giao thông	CN	2[1.1.3]	2	60	15	45	45

[2] Ngành Thiết kế Công nghiệp, chuyên ngành Thiết kế Thời trang

Học kỳ	MSMH	Khối kiến thức ----- Tên môn học	Nhóm môn	Mô tả tín chỉ	Tín chỉ	Số tiết thực hiện			
						Số tiết	Lý thuyết	Thực hành	Tự học
		Kiến thức giáo dục chuyên biệt		0	300	135	165	375	
HK4	MI03002	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	0[6.3.16]	0	165	90	75	240	HK4
HK2	GS99005	Giáo dục thể chất 1	0[0.2.1]	0	45	15	30	45	HK2
HK3	GS99006	Giáo dục thể chất 2 (tự chọn bắt buộc)	0[0.2.1]	0	45	15	30	45	HK3
HK4	GS93007	Giáo dục thể chất 3 (tự chọn bắt buộc)	0[0.2.1]	0	45	15	30	45	HK4
		Kiến thức giáo dục đại cương			27	495	300	195	720
HK1	DE09046	Tin học đại cương và thực hành	TN	3[1.2.4]	3	75	15	60	60
HK1	GS19007	Tiếng Anh 1	XH	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
HK2	GS19008	Tiếng Anh 2	XH	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
HK3	GS19009	Tiếng Anh 3	XH	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
HK4	GS19010	Tiếng Anh 4	XH	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
HK1	GS79005	Triết học Mác - Lênin	XH	3[3.0.6]	3	45	45	0	90
HK1	GS79006	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	XH	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
HK3	GS79007	Chủ nghĩa xã hội khoa học	XH	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
HK4	GS79008	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	XH	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
HK5	GS79009	Tư tưởng Hồ Chí Minh	XH	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
HK5	GS29001	Pháp luật Việt Nam đại cương	XH	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
HK6	GS09010	Môn học tự chọn 1_KHXHNV	XH	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			95	2400	660	1740	2235
HK1	DE09001	Design đại cương	CS	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
HK1	DE09002	Hình họa 1	CS	3[1.2.4]	3	90	15	75	60
HK1	DE09003	Lược sử mỹ thuật Thế giới và Việt Nam	CS	3[3.0.6]	3	45	45	0	90
HK1	DE09047	Nguyên lý thị giác	CS	3[2.1.5]	3	60	30	30	75
HK2	DE09005	Ergonomics	CS	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
HK2	DE09006	Hình họa 2	CS	3[1.2.4]	3	90	15	75	60
HK2	DE09008	Thực tập cơ sở	CS	1[0.1.1]	1	45	0	45	15
HK2	DE09048	Vẽ kỹ thuật	CS	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
HK2	DE29002	Mô tuýp và màu sắc trong TKTT	CS	3[1.2.5]	3	75	15	60	75
HK2	DE29006	Nguyên lý TKTT	CS	3[1.2.5]	3	60	15	45	75
HK3	DE09010	Hình họa chuyên ngành 1_TKTT	CS	3[1.2.4]	3	90	15	75	60
HK3	DE23027	Quy trình TKTT	CS	3[1.2.5]	3	60	15	45	75
HK3	DE29004	Kỹ thuật mô hình thời trang 1	CS	3[1.2.5]	3	75	15	60	75

Học kỳ	MSMH	Khối kiến thức ----- Tên môn học	Nhóm môn	Mô tả tín chỉ	Tín chỉ	Số tiết thực hiện			
						Số tiết	Lý thuyết	Thực hành	Tự học
HK3	DE29007	Văn hóa và phong cách trong TKTT	CS	3[1.2.5]	3	75	15	60	75
HK4	DE09013	Nghệ thuật ảnh	CS	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
HK4	DE09015	Hình họa chuyên ngành 2_TKTT	CS	3[1.2.4]	3	90	15	75	60
HK4	DE29009	Chất liệu và xử lý chất liệu TKTT	CS	3[1.2.5]	3	75	15	60	75
HK4	DE29010	Kỹ thuật mô hình thời trang 2	CS	3[1.2.5]	3	75	15	60	75
HK4	DE29011	Thực tập chuyên ngành	CS	2[0.2.2]	2	90	0	90	30
HK5	DE09018	Cơ sở văn hóa Việt Nam	CS	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
HK5	DE09020	Ảnh studio	CS	2[0.2.2]	2	60	0	60	30
HK5	DE29005	Kỹ thuật thể hiện đồ án thời trang (2)	CS	3[1.2.5]	3	75	15	60	75
HK6	DE09019	Lịch sử văn minh thế giới	CS	3[3.0.6]	3	45	45	0	90
HK6	DE23017	Chuyên đề 1_TKTT	CS	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
HK7	DE23020	Chuyên đề 2_TKTT	CS	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
HK7	DE23028	Tư duy sáng tạo TKTT	CS	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
HK8	DE09023	Luật sở hữu trí tuệ	CS	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
HK2	DE29003	Kỹ thuật cắt may 1	CN	3[1.2.4]	3	90	15	75	60
HK3	DE29008	Kỹ thuật cắt may 2	CN	3[1.2.5]	3	75	15	60	75
HK4	DE29012	Đồ án Thiết kế trang phục trẻ em	CN	2[1.1.3]	2	60	15	45	45
HK4	DE29013	ĐA TK trang phục cho dáng người đặc biệt	CN	2[1.1.3]	2	60	15	45	45
HK5	DE29014	Đồ án Thiết kế trang phục công sở	CN	2[1.1.3]	2	60	15	45	45
HK5	DE29015	Đồ án Thiết kế trang phục nội y	CN	2[1.1.3]	2	60	15	45	45
HK5	DE29016	Nghệ thuật trang điểm	CN	2[1.1.3]	2	60	15	45	45
HK6	DE23018	Đồ án Thiết kế trang phục lễ hội	CN	2[1.1.3]	2	60	15	45	45
HK6	DE23019	Đồ án Thiết kế trang phục thể thao	CN	2[1.1.3]	2	60	15	45	45
HK6	DE23023	Lịch sử thời trang	CN	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
HK7	DE23021	Đồ án tổng hợp_TKTT	CN	3[1.2.5]	3	75	15	60	75
HK7	DE23022	Đồ án tự chọn_TKTT	CN	2[1.1.3]	2	60	15	45	45
		Nhóm môn bài thi tốt nghiệp			9	405	0	405	135
HK8	DE29151	Thực tập tốt nghiệp	TN	2[0.2.2]	2	90	0	90	30
HK8	DE23153	Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp	TN	7[0.7.7]	7	315	0	315	105
		Danh sách môn học tự chọn							
		Kiến thức giáo dục đại cương			7	105	90	15	210
HK6	GS09011	KHXX_Tiếng Việt thực hành	XH	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
HK6	GS09012	KHXX_Kỹ năng giao tiếp	XH	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
HK6	GS09021	KHXX_Tiếng Anh chuyên ngành	XH	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			20	465	150	315	465
HK6	DE09024	Nghệ thuật trang trí công cộng	CS	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
HK6	DE09028	Xây dựng quy trình thiết kế thời trang	CS	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
HK6	DE09030	Nghệ thuật bố cục trình bày	CS	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
HK6	DE09036	Nghệ thuật sắp đặt và trưng bày SP	CS	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
HK7	DE09033	Kỹ thuật mô hình thời trang nâng cao	CS	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
HK7	DE09035	Mình họa thời trang	CS	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
HK7	DE09038	UWD KT thể hiện tranh in đương đại	CS	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
HK7	DE09039	PP nhận diện ADN của thương hiệu	CS	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
HK7	DE23024	ĐA TK trang phục trình diễn ấn tượng	CN	2[1.1.3]	2	60	15	45	45
HK7	DE23025	Tham gia thi thiết kế thời trang	CN	2[1.1.3]	2	60	15	45	45
HK7	DE23026	Thiết kế phụ kiện	CN	2[1.1.3]	2	60	15	45	45

[3] Ngành Thiết kế Công nghiệp, chuyên ngành Thiết kế Đồ họa

Học kỳ	MSMH	Khối kiến thức ----- Tên môn học	Nhóm môn	Mô tả tín chỉ	Tín chỉ	Số tiết thực hiện			
						Số tiết	Lý thuyết	Thực hành	Tự học
		Kiến thức giáo dục chuyên biệt		0	300	135	165	375	
HK4	MI03002	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	0[6.3.16]	0	165	90	75	240	HK4
HK2	GS99005	Giáo dục thể chất 1	0[0.2.1]	0	45	15	30	45	HK2
HK3	GS99006	Giáo dục thể chất 2 (tự chọn bắt buộc)	0[0.2.1]	0	45	15	30	45	HK3
HK4	GS93007	Giáo dục thể chất 3 (tự chọn bắt buộc)	0[0.2.1]	0	45	15	30	45	HK4
		Kiến thức giáo dục đại cương			27	495	300	195	720
HK1	DE09046	Tin học đại cương và thực hành	TN	3[1.2.4]	3	75	15	60	60
HK1	GS19007	Tiếng Anh 1	XH	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
HK2	GS19008	Tiếng Anh 2	XH	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
HK3	GS19009	Tiếng Anh 3	XH	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
HK4	GS19010	Tiếng Anh 4	XH	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
HK1	GS79005	Triết học Mác - Lênin	XH	3[3.0.6]	3	45	45	0	90
HK1	GS79006	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	XH	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
HK3	GS79007	Chủ nghĩa xã hội khoa học	XH	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
HK4	GS79008	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	XH	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
HK5	GS79009	Tư tưởng Hồ Chí Minh	XH	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
HK5	GS29001	Pháp luật Việt Nam đại cương	XH	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
HK6	GS09010	Môn học tự chọn 1_KHXHNV	XH	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			96	2355	720	1635	2250
HK1	DE09001	Design đại cương	CS	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
HK1	DE09002	Hình họa 1	CS	3[1.2.4]	3	90	15	75	60
HK1	DE09003	Lược sử mỹ thuật Thế giới và Việt Nam	CS	3[3.0.6]	3	45	45	0	90
HK1	DE09047	Nguyên lý thị giác	CS	3[2.1.5]	3	60	30	30	75
HK2	DE09006	Hình họa 2	CS	3[1.2.4]	3	90	15	75	60
HK2	DE09008	Thực tập cơ sở	CS	1[0.1.1]	1	45	0	45	15
HK2	DE33029	Tư duy sáng tạo	CS	2[1.1.3]	2	30	15	15	45
HK2	DE33030	Lịch sử TKĐH	CS	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
HK2	DE33031	Mô hình đồ họa	CS	3[1.2.4]	3	90	15	75	60
HK2	DE33032	Mô tuýp và màu sắc trong TKĐH	CS	3[1.2.5]	3	75	15	60	75
HK2	DE39002	Kỹ thuật thể hiện đồ án đồ họa 1	CS	3[1.2.4]	3	75	15	60	60
HK3	DE09011	Hình họa chuyên ngành 1_TKĐH	CS	3[1.2.4]	3	90	15	75	60
HK3	DE33033	Quảng cáo đại cương	CS	3[2.1.4]	3	45	30	15	60
HK3	DE33034	Nguyên lý TKĐH	CS	2[1.1.4]	2	45	15	30	60
HK3	DE39004	Kỹ thuật thể hiện đồ án đồ họa 2	CS	3[1.2.4]	3	75	15	60	60
HK3	DE39006	Nghệ thuật chữ	CS	3[2.1.5]	3	60	30	30	75
HK3	DE39008	Văn hóa và phong cách trong TKĐH	CS	3[1.2.5]	3	75	15	60	75
HK4	DE09013	Nghệ thuật ảnh	CS	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
HK4	DE09016	Hình họa chuyên ngành 2_TKĐH	CS	3[1.2.4]	3	90	15	75	60
HK4	DE33035	Kỹ thuật thể hiện đồ án đồ họa 3	CS	3[1.2.5]	3	60	15	45	75
HK4	DE39009	Mình họa nhân vật	CS	2[1.1.3]	2	60	15	45	45
HK4	DE39011	Thực tập chuyên ngành	CS	2[0.2.2]	2	90	0	90	30
HK5	DE09018	Cơ sở văn hóa Việt Nam	CS	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
HK5	DE09020	Ảnh studio	CS	2[0.2.2]	2	60	0	60	30
HK5	DE09029	Kỹ thuật in ấn	CS	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
HK5	DE33036	Nguyên lý thiết kế bao bì	CS	2[1.1.4]	2	45	15	30	60

Học kỳ	MSMH	Khối kiến thức ----- Tên môn học	Nhóm môn	Mô tả tín chỉ	Tín chỉ	Số tiết thực hiện			
						Số tiết	Lý thuyết	Thực hành	Tự học
HK6	DE09019	Lịch sử văn minh thế giới	CS	3[3.0.6]	3	45	45	0	90
HK6	DE33018	Chuyên đề 1_TKĐH	CS	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
HK6	DE33037	Kỹ thuật thể hiện đồ án đồ họa 4	CS	3[1.2.5]	3	60	15	45	75
HK7	DE33021	Chuyên đề 2_TKĐH	CS	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
HK8	DE09023	Luật sở hữu trí tuệ	CS	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
HK4	DE39012	Đồ án Chữ và tín hiệu	CN	2[1.1.3]	2	60	15	45	45
HK4	DE39013	Đồ án Đồ họa hệ thống	CN	2[1.1.3]	2	60	15	45	45
HK5	DE39016	Đồ án Minh họa	CN	2[1.1.3]	2	60	15	45	45
HK5	DE39017	Đồ án Quảng cáo	CN	2[1.1.3]	2	60	15	45	45
HK6	DE33019	Đồ án Bao bì	CN	2[1.1.3]	2	60	15	45	45
HK6	DE33020	Đồ án Dân trang	CN	2[1.1.3]	2	60	15	45	45
HK7	DE33022	Đồ án tổng hợp_TKĐH	CN	3[1.2.5]	3	75	15	60	75
HK7	DE33023	Đồ án tự chọn_TKĐH	CN	2[1.1.3]	2	60	15	45	45
HK7	DE33024	Kỹ thuật tranh khắc trong TKĐH	CN	2[1.1.3]	2	60	15	45	45
		Nhóm môn bài thi tốt nghiệp			9	405	0	405	135
HK8	DE39151	Thực tập tốt nghiệp	TN	2[0.2.2]	2	90	0	90	30
HK8	DE33153	Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp	TN	7[0.7.7]	7	315	0	315	105
		Danh sách môn học tự chọn							
		Kiến thức giáo dục đại cương			7	105	90	15	210
HK6	GS09011	KHXX_Tiếng Việt thực hành	XH	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
HK6	GS09012	KHXX_Kỹ năng giao tiếp	XH	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
HK6	GS09021	KHXX_Tiếng Anh chuyên ngành	XH	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			20	465	150	315	465
HK6	DE09024	Nghệ thuật trang trí công cộng	CS	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
HK6	DE09028	Xây dựng quy trình thiết kế thời trang	CS	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
HK6	DE09030	Nghệ thuật bố cục trình bày	CS	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
HK6	DE09036	Nghệ thuật sắp đặt và trưng bày SP	CS	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
HK6	DE09049	Vẽ kỹ thuật số (Digital Painting)	CS	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
HK7	DE09037	Phong thủy	CS	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
HK7	DE09038	ƯD KT thể hiện tranh in đương đại	CS	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
HK7	DE09039	PP nhận diện ADN của thương hiệu	CS	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
HK7	DE19012	Phương pháp tìm ý trong TK sản phẩm	CS	2[1.1.4]	2	30	15	15	60
HK7	DE33025	Đồ án Tổ chức sự kiện	CN	2[1.1.3]	2	60	15	45	45
HK7	DE33026	Đồ án Thiết kế web	CN	2[1.1.3]	2	60	15	45	45
HK7	DE33027	Đồ án Quảng cáo tương tác	CN	2[1.1.3]	2	60	15	45	45

[4] Ngành Thiết kế Công nghiệp, chuyên ngành Thiết kế Nội thất

Học kỳ	MSMH	Khối kiến thức ----- Tên môn học	Nhóm môn	Mô tả tín chỉ	Tín chỉ	Số tiết thực hiện			
						Số tiết	Lý thuyết	Thực hành	Tự học
		Kiến thức giáo dục chuyên biệt		0	300	135	165	375	
HK4	MI03002	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	0[6.3.16]	0	165	90	75	240	HK4
HK2	GS99005	Giáo dục thể chất 1	0[0.2.1]	0	45	15	30	45	HK2
HK3	GS99006	Giáo dục thể chất 2 (tự chọn bắt buộc)	0[0.2.1]	0	45	15	30	45	HK3
HK4	GS93007	Giáo dục thể chất 3 (tự chọn bắt buộc)	0[0.2.1]	0	45	15	30	45	HK4
		Kiến thức giáo dục đại cương			27	495	300	195	720

Học kỳ	MSMH	Khối kiến thức ----- Tên môn học	Nhóm môn	Mô tả tín chỉ	Tín chỉ	Số tiết thực hiện			
						Số tiết	Lý thuyết	Thực hành	Tự học
HK1	DE09046	Tin học đại cương và thực hành	TN	3[1.2.4]	3	75	15	60	60
HK1	GS19007	Tiếng Anh 1	XH	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
HK2	GS19008	Tiếng Anh 2	XH	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
HK3	GS19009	Tiếng Anh 3	XH	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
HK4	GS19010	Tiếng Anh 4	XH	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
HK1	GS79005	Triết học Mác - Lênin	XH	3[3.0.6]	3	45	45	0	90
HK1	GS79006	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	XH	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
HK3	GS79007	Chủ nghĩa xã hội khoa học	XH	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
HK4	GS79008	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	XH	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
HK5	GS79009	Tư tưởng Hồ Chí Minh	XH	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
HK5	GS29001	Pháp luật Việt Nam đại cương	XH	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
HK6	GS09010	Môn học tự chọn 1_KHXHNV	XH	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			98	2385	780	1605	2280
HK1	DE09001	Design đại cương	CS	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
HK1	DE09002	Hình họa 1	CS	3[1.2.4]	3	90	15	75	60
HK1	DE09003	Lược sử mỹ thuật Thế giới và Việt Nam	CS	3[3.0.6]	3	45	45	0	90
HK1	DE09047	Nguyên lý thị giác	CS	3[2.1.5]	3	60	30	30	75
HK2	DE09005	Ergonomics	CS	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
HK2	DE09006	Hình họa 2	CS	3[1.2.4]	3	90	15	75	60
HK2	DE09008	Thực tập cơ sở	CS	1[0.1.1]	1	45	0	45	15
HK2	DE09048	Vẽ kỹ thuật	CS	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
HK2	DE43028	Cơ sở kiến trúc nội thất	CS	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
HK2	DE43029	Trang trí chuyên ngành 1	CS	3[2.1.5]	3	60	30	30	75
HK2	DE49003	Kỹ thuật thể hiện đồ án nội thất 1	CS	3[1.2.4]	3	75	15	60	60
HK3	DE09012	Hình họa chuyên ngành 1_TK Nội thất	CS	3[1.2.4]	3	90	15	75	60
HK3	DE43030	Trang trí chuyên ngành 2	CS	3[2.1.5]	3	60	30	30	75
HK3	DE49004	Nguyên lý thiết kế nội thất	CS	3[2.1.5]	3	60	30	30	75
HK3	DE49007	Kỹ thuật thể hiện đồ án nội thất 2	CS	3[1.2.4]	3	90	15	75	60
HK4	DE09013	Nghệ thuật ảnh	CS	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
HK4	DE09017	Hình họa chuyên ngành 2_TK Nội thất	CS	3[1.2.4]	3	90	15	75	60
HK4	DE49009	Thực tập chuyên ngành	CS	2[0.2.2]	2	90	0	90	30
HK4	DE49013	Kỹ thuật thể hiện đồ án nội thất 3	CS	3[1.2.4]	3	75	15	60	60
HK5	DE09018	Cơ sở văn hóa Việt Nam	CS	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
HK5	DE09020	Ảnh studio	CS	2[0.2.2]	2	60	0	60	30
HK5	DE43031	Kỹ thuật thể hiện đồ án nội thất 4	CS	3[1.2.4]	3	75	15	60	60
HK6	DE09019	Lịch sử văn minh thế giới	CS	3[3.0.6]	3	45	45	0	90
HK6	DE43017	Chuyên đề 1_TK Nội thất	CS	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
HK7	DE09023	Luật sở hữu trí tuệ	CS	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
HK7	DE43021	Chuyên đề 2_TK Nội thất	CS	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
HK3	DE49006	Vật liệu nội thất	CN	3[2.1.5]	3	60	30	30	75
HK3	DE49017	Cấu tạo kiến trúc	CN	3[2.1.5]	3	60	30	30	75
HK4	DE43032	Đồ án Ngoại thất sân vườn cảnh quan	CN	2[1.1.3]	2	60	15	45	45
HK4	DE49010	Cấu tạo nội thất	CN	3[2.1.5]	3	60	30	30	75
HK4	DE49012	Đồ án Nội thất công trình nhà ở	CN	2[1.1.3]	2	60	15	45	45
HK5	DE43033	Nghệ thuật chiếu sáng	CN	2[1.1.3]	2	45	15	30	45

Học kỳ	MSMH	Khối kiến thức ----- Tên môn học	Nhóm môn	Mô tả tín chỉ	Tín chỉ	Số tiết thực hiện			
						Số tiết	Lý thuyết	Thực hành	Tự học
HK5	DE49014	Đồ án Nội thất công trình Trưng bày - Thương mại	CN	2[1.1.3]	2	60	15	45	45
HK5	DE49015	Đồ án Nội thất công trình văn phòng	CN	2[1.1.3]	2	60	15	45	45
HK6	DE43019	Đồ án Nội thất công trình dịch vụ giải trí	CN	2[1.1.3]	2	60	15	45	45
HK6	DE43020	Đồ án Nội thất công trình văn hóa giáo dục	CN	2[1.1.3]	2	60	15	45	45
HK6	DE43034	Dự toán Nội thất	CN	2[1.1.3]	2	60	15	45	45
HK7	DE43023	Đồ án tổng hợp_TK Nội thất	CN	3[1.2.5]	3	75	15	60	75
HK7	DE43024	Đồ án tự chọn_TK Nội thất	CN	2[1.1.3]	2	60	15	45	45
HK7	DE43035	Quản lý dự án Nội thất	CN	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
		Nhóm môn bài thi tốt nghiệp			9	405	0	405	135
HK8	DE49151	Thực tập tốt nghiệp	TN	2[0.2.2]	2	90	0	90	30
HK8	DE43153	Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp	TN	7[0.7.7]	7	315	0	315	105
		Danh sách môn học tự chọn							
		Kiến thức giáo dục đại cương			7	105	90	15	210
HK6	GS09011	KHXX_Tiếng Việt thực hành	XH	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
HK6	GS09012	KHXX_Kỹ năng giao tiếp	XH	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
HK6	GS09021	KHXX_Tiếng Anh chuyên ngành	XH	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			20	465	150	315	465
HK6	DE09024	Nghệ thuật trang trí công cộng	CS	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
HK6	DE09028	Xây dựng quy trình thiết kế thời trang	CS	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
HK6	DE09030	Nghệ thuật bố cục trình bày	CS	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
HK6	DE09036	Nghệ thuật sắp đặt và trưng bày SP	CS	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
HK7	DE09037	Phong thủy	CS	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
HK7	DE09038	ƯD KT thể hiện tranh in đương đại	CS	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
HK7	DE09039	PP nhận diện ADN của thương hiệu	CS	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
HK7	DE19012	Phương pháp tìm ý trong TK sản phẩm	CS	2[1.1.4]	2	30	15	15	60
HK7	DE43025	Đồ án Sản phẩm tái chế	CN	2[1.1.3]	2	60	15	45	45
HK7	DE43026	Đồ án Tổ chức sự kiện	CN	2[1.1.3]	2	60	15	45	45
HK7	DE43027	Đồ án Tạo dáng sản phẩm nội thất	CN	2[1.1.3]	2	60	15	45	45

10. Kế hoạch giảng dạy:

- [1] Kế hoạch giảng dạy chi tiết: Xem chi tiết trong Phụ lục 01.A
- [2] Bảng phân bổ môn học chung, riêng theo hướng chuyên ngành: Phân bổ môn học theo chuyên ngành, học kỳ; chọn chuyên ngành từ năm thứ nhất – học kỳ 2 của chương trình đào tạo. Xem chi tiết trong Phụ lục 01.B

MSMH	Môn học	Mô tả	Nhóm	Học kỳ thực hiện			
				TKSP	TKTT	TKDH	TKNT
	Kiến thức giáo dục chuyên biệt						
MI03002	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	0[6.3.16]	QP	4	4	4	4
GS99005	Giáo dục thể chất 1	0[0.2.1]	TC	2	2	2	2
GS99006	Giáo dục thể chất 2 (tự chọn bắt buộc)	0[0.2.1]	TC	3	3	3	3
GS93007	Giáo dục thể chất 3 (tự chọn bắt buộc)	0[0.2.1]	TC	4	4	4	4
	Kiến thức giáo dục đại cương						
DE09046	Tin học đại cương và thực hành	3[1.2.4]	TN	1	1	1	1

MSMH	Môn học	Mô tả	Nhóm	Học kỳ thực hiện			
				TKSP	TKTT	TKĐH	TKNT
GS19007	Tiếng Anh 1	2[1.1.3]	XH	1	1	1	1
GS19008	Tiếng Anh 2	2[1.1.3]	XH	2	2	2	2
GS19009	Tiếng Anh 3	2[1.1.3]	XH	3	3	3	3
GS19010	Tiếng Anh 4	2[1.1.3]	XH	4	4	4	4
GS79005	Triết học Mác - Lênin	3[3.0.6]	XH	1	1	1	1
GS79006	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2[2.0.4]	XH	1	1	1	1
GS79007	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2[2.0.4]	XH	3	3	3	3
GS79008	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2[2.0.4]	XH	4	4	4	4
GS79009	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2[2.0.4]	XH	5	5	5	5
GS29001	Pháp luật Việt Nam đại cương	3[2.1.6]	XH	5	5	5	5
GS09010	Môn học tự chọn 1_KHXHNV	2[2.0.4]	XH	6	6	6	6
	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp						
DE09001	Design đại cương	2[2.0.4]	CS	1	1	1	1
DE09002	Hình họa 1	3[1.2.4]	CS	1	1	1	1
DE09003	Lược sử mỹ thuật Thế giới và Việt Nam	3[3.0.6]	CS	1	1	1	1
DE09047	Nguyên lý thị giác	3[2.1.5]	CS	1	1	1	1
DE09006	Hình họa 2	3[1.2.4]	CS	2	2	2	2
DE09008	Thực tập cơ sở	1[0.1.1]	CS	2	2	2	2
DE09013	Nghệ thuật ảnh	2[1.1.3]	CS	4	4	4	4
DE09018	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2[2.0.4]	CS	5	5	5	5
DE09020	Ảnh studio	2[0.2.2]	CS	5	5	5	5
DE09019	Lịch sử văn minh thế giới	3[3.0.6]	CS	6	6	6	6
DE09023	Luật sở hữu trí tuệ	2[2.0.4]	CS	8	8	8	7
DE09048	Vẽ kỹ thuật	2[1.1.3]	CS	2	2		2
DE09005	Ergonomics	2[1.1.3]	CS	2	2		2
	Nhóm môn giáo dục chuyên nghiệp_TKSP						
DE13033	Lịch sử thiết kế sản phẩm	3[2.1.6]	CS	2			
DE19001	Kỹ thuật mô hình sản phẩm	3[1.2.4]	CS	2			
DE19003	Mô tuýp và màu sắc trong thiết kế sản phẩm	3[1.2.4]	CS	2			
DE19008	Nguyên lý thiết kế sản phẩm	2[1.1.4]	CS	2			
DE09009	Hình họa chuyên ngành 1_TK Sản phẩm	3[1.2.4]	CS	3			
DE13034	Kỹ thuật thể hiện đồ án TKSP 1	3[1.2.4]	CS	3			
DE13035	Hình khối và chất liệu	3[1.2.5]	CS	3			
DE19006	Văn hóa và phong cách trong thiết kế sản phẩm	3[1.2.4]	CS	3			
DE19016	Tư duy thiết kế	3[2.1.6]	CS	3			
DE19018	Thực hành thiết bị	2[0.2.3]	CN	3			
DE09014	Hình họa chuyên ngành 2_TK Sản phẩm	3[1.2.4]	CS	4			
DE13036	Kỹ thuật thể hiện đồ án TKSP 2	3[1.2.6]	CS	4			
DE19010	Vật liệu trong Thiết kế sản phẩm	2[1.1.3]	CS	4			

MSMH	Môn học	Mô tả	Nhóm	Học kỳ thực hiện			
				TKSP	TKTT	TKĐH	TKNT
DE19011	Thực tập chuyên ngành	2[0.2.2]	CS	4			
DE13039	Đồ án Thiết kế thiết bị cầm tay	2[1.1.3]	CN	4			
DE13040	Đồ án Thiết kế sản phẩm Gốm Sứ	2[1.1.3]	CN	4			
DE13037	Kỹ thuật thể hiện đồ án TKSP 3	3[1.2.6]	CS	5			
DE13041	Đồ án Thiết kế Trang sức	2[1.1.3]	CN	5			
DE13042	Đồ án Thiết kế đồ chơi	2[1.1.3]	CN	5			
DE13038	Kỹ thuật thể hiện đồ án TKSP 4	2[1.1.6]	CS	6			
DE13020	Chuyên đề 1 _TK Sản phẩm	2[1.1.3]	CS	6			
DE13026	Đồ án Thiết kế Vật dụng nội thất	2[1.1.3]	CN	6			
DE19020	Đồ án Thiết kế đèn trang trí	2[1.1.3]	CN	6			
DE13023	Chuyên đề 2 _TK Sản phẩm	2[1.1.3]	CS	7			
DE13027	Đồ án tự chọn _TK Sản phẩm	2[1.1.3]	CN	7			
DE13028	Thực hành TK sản phẩm thủ công truyền thống	2[1.1.3]	CN	7			
DE13029	Đồ án tổng hợp _TK Sản phẩm	3[1.2.5]	CN	7			
	Nhóm môn giáo dục chuyên nghiệp_TKTT						
DE29002	Mô tuýp và màu sắc trong thiết kế thời trang	3[1.2.5]	CS		2		
DE29006	Nguyên lý thiết kế thời trang	3[1.2.5]	CS		2		
DE29003	Kỹ thuật cắt may 1	3[1.2.4]	CN		2		
DE09010	Hình họa chuyên ngành 1 _TK Thời trang	3[1.2.4]	CS		3		
DE23027	Quy trình thiết kế thời trang	3[1.2.5]	CS		3		
DE29004	Kỹ thuật mô hình thời trang 1	3[1.2.5]	CS		3		
DE29007	Văn hóa và phong cách trong thiết kế thời trang	3[1.2.5]	CS		3		
DE29008	Kỹ thuật cắt may 2	3[1.2.5]	CN		3		
DE09015	Hình họa chuyên ngành 2 _TK Thời trang	3[1.2.4]	CS		4		
DE29009	Chất liệu và xử lý chất liệu TK Thời trang	3[1.2.5]	CS		4		
DE29010	Kỹ thuật mô hình thời trang 2	3[1.2.5]	CS		4		
DE29011	Thực tập chuyên ngành	2[0.2.2]	CS		4		
DE29012	Đồ án Thiết kế trang phục trẻ em	2[1.1.3]	CN		4		
DE29013	Đồ án TK trang phục cho dáng người đặc biệt	2[1.1.3]	CN		4		
DE29005	Kỹ thuật thể hiện đồ án thời trang (KTTKTT 2)	3[1.2.5]	CS		5		
DE29014	Đồ án Thiết kế trang phục công sở	2[1.1.3]	CN		5		
DE29015	Đồ án Thiết kế trang phục nội y	2[1.1.3]	CN		5		
DE29016	Nghệ thuật trang điểm	2[1.1.3]	CN		5		
DE23017	Chuyên đề 1 _TK Thời trang	2[1.1.3]	CS		6		
DE23018	Đồ án Thiết kế trang phục lễ hội	2[1.1.3]	CN		6		
DE23019	Đồ án Thiết kế trang phục thể thao	2[1.1.3]	CN		6		
DE23023	Lịch sử thời trang	2[1.1.3]	CN		6		
DE23020	Chuyên đề 2 _TK Thời trang	2[1.1.3]	CS		7		
DE23028	Tư duy sáng tạo TKTT	2[1.1.3]	CS		7		

MSMH	Môn học	Mô tả	Nhóm	Học kỳ thực hiện			
				TKSP	TKTT	TKĐH	TKNT
DE23021	Đồ án tổng hợp_TK Thời trang	3[1.2.5]	CN		7		
DE23022	Đồ án tự chọn_TK Thời trang	2[1.1.3]	CN		7		
	Nhóm môn giáo dục chuyên nghiệp_TKĐH						
DE33029	Tư duy sáng tạo	2[1.1.3]	CS			2	
DE33030	Lịch sử thiết kế Đồ họa	2[2.0.4]	CS			2	
DE33031	Mô hình đồ họa	3[1.2.4]	CS			2	
DE33032	Mô tuýp và màu sắc trong thiết kế đồ họa	3[1.2.5]	CS			2	
DE39002	Kỹ thuật thể hiện đồ án đồ họa 1	3[1.2.4]	CS			2	
DE09011	Hình họa chuyên ngành 1_TK Đồ họa	3[1.2.4]	CS			3	
DE33033	Quảng cáo đại cương	3[2.1.4]	CS			3	
DE33034	Nguyên lý thiết kế đồ họa	2[1.1.4]	CS			3	
DE39004	Kỹ thuật thể hiện đồ án đồ họa 2	3[1.2.4]	CS			3	
DE39006	Nghệ thuật chữ	3[2.1.5]	CS			3	
DE39008	Văn hóa và phong cách trong thiết kế đồ họa	3[1.2.5]	CS			3	
DE09016	Hình họa chuyên ngành 2_TK Đồ họa	3[1.2.4]	CS			4	
DE33035	Kỹ thuật thể hiện đồ án đồ họa 3	3[1.2.5]	CS			4	
DE39009	Mình họa nhân vật	2[1.1.3]	CS			4	
DE39011	Thực tập chuyên ngành	2[0.2.2]	CS			4	
DE39012	Đồ án Chữ và tín hiệu	2[1.1.3]	CN			4	
DE39013	Đồ án Đồ họa hệ thống	2[1.1.3]	CN			4	
DE09029	Kỹ thuật in ấn	2[1.1.3]	CS			5	
DE33036	Nguyên lý thiết kế bao bì	2[1.1.4]	CS			5	
DE39016	Đồ án Minh họa	2[1.1.3]	CN			5	
DE39017	Đồ án Quảng cáo	2[1.1.3]	CN			5	
DE33018	Chuyên đề 1_TK Đồ họa	2[1.1.3]	CS			6	
DE33037	Kỹ thuật thể hiện đồ án đồ họa 4	3[1.2.5]	CS			6	
DE33019	Đồ án Bao bì	2[1.1.3]	CN			6	
DE33020	Đồ án Dân trang	2[1.1.3]	CN			6	
DE33021	Chuyên đề 2_TK Đồ họa	2[1.1.3]	CS			7	
DE33022	Đồ án tổng hợp_TK Đồ họa	3[1.2.5]	CN			7	
DE33023	Đồ án tự chọn_TK Đồ họa	2[1.1.3]	CN			7	
DE33024	Kỹ thuật tranh khắc trong thiết kế đồ họa	2[1.1.3]	CN			7	
	Nhóm môn giáo dục chuyên nghiệp_TKNT						
DE43028	Cơ sở kiến trúc nội thất	3[2.1.6]	CS				2
DE43029	Trang trí chuyên ngành 1	3[2.1.5]	CS				2
DE49003	Kỹ thuật thể hiện đồ án nội thất 1	3[1.2.4]	CS				2
DE09012	Hình họa chuyên ngành 1_TK Nội thất	3[1.2.4]	CS				3
DE43030	Trang trí chuyên ngành 2	3[2.1.5]	CS				3
DE49004	Nguyên lý thiết kế nội thất	3[2.1.5]	CS				3

MSMH	Môn học	Mô tả	Nhóm	Học kỳ thực hiện			
				TKSP	TKTT	TKĐH	TKNT
DE49007	Kỹ thuật thể hiện đồ án nội thất 2	3[1.2.4]	CS				3
DE49006	Vật liệu nội thất	3[2.1.5]	CN				3
DE49017	Cấu tạo kiến trúc	3[2.1.5]	CN				3
DE09017	Hình họa chuyên ngành 2_TK Nội thất	3[1.2.4]	CS				4
DE49009	Thực tập chuyên ngành	2[0.2.2]	CS				4
DE49013	Kỹ thuật thể hiện đồ án nội thất 3	3[1.2.4]	CS				4
DE43032	Đồ án Ngoại thất sân vườn cảnh quan	2[1.1.3]	CN				4
DE49010	Cấu tạo nội thất	3[2.1.5]	CN				4
DE49012	Đồ án Nội thất công trình nhà ở	2[1.1.3]	CN				4
DE43031	Kỹ thuật thể hiện đồ án nội thất 4	3[1.2.4]	CS				5
DE43033	Nghệ thuật chiếu sáng	2[1.1.3]	CN				5
DE49014	Đồ án Nội thất công trình Trung bày - Thương mại	2[1.1.3]	CN				5
DE49015	Đồ án Nội thất công trình văn phòng	2[1.1.3]	CN				5
DE43017	Chuyên đề 1_TK Nội thất	2[1.1.3]	CS				6
DE43019	Đồ án Nội thất công trình dịch vụ giải trí	2[1.1.3]	CN				6
DE43020	Đồ án Nội thất công trình văn hóa giáo dục	2[1.1.3]	CN				6
DE43034	Dự toán Nội thất	2[1.1.3]	CN				6
DE43021	Chuyên đề 2_TK Nội thất	2[1.1.3]	CS				7
DE43023	Đồ án tổng hợp_TK Nội thất	3[1.2.5]	CN				7
DE43024	Đồ án tự chọn_TK Nội thất	2[1.1.3]	CN				7
DE43035	Quản lý dự án Nội thất	2[1.1.3]	CN				7
	Nhóm môn tốt nghiệp						
DE19151	Thực tập tốt nghiệp	2[0.2.2]		8			
DE29151	Thực tập tốt nghiệp	2[0.2.2]			8		
DE39151	Thực tập tốt nghiệp	2[0.2.2]				8	
DE49151	Thực tập tốt nghiệp	2[0.2.2]					8
DE13153	Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp	7[0.7.7]		8			
DE23153	Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp	7[0.7.7]			8		
DE33153	Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp	7[0.7.7]				8	
DE43153	Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp	7[0.7.7]					8
	Nhóm môn tự chọn						
GS09011	KHXHNV_Tiếng Việt thực hành	2[2.0.4]		x	x	x	x
GS09012	KHXHNV_Kỹ năng giao tiếp	2[1.1.3]		x	x	x	x
GS09021	KHXHNV_Tiếng Anh chuyên ngành	3[2.1.6]		x	x	x	x
DE09024	Nghệ thuật trang trí công cộng	2[1.1.3]		x	x	x	x
DE09028	Xây dựng quy trình thiết kế thời trang	2[1.1.3]		x	x	x	x
DE09030	Nghệ thuật bố cục trình bày	2[1.1.3]		x	x	x	x
DE09033	Kỹ thuật mô hình thời trang nâng cao	2[1.1.3]			x		
DE09035	Minh họa thời trang	2[1.1.3]			x		

MSMH	Môn học	Mô tả	Nhóm	Học kỳ thực hiện			
				TKSP	TKTT	TKĐH	TKNT
DE09036	Nghệ thuật sắp đặt và trưng bày sản phẩm	2[1.1.3]		x	x	x	x
DE09037	Phong thủy	2[1.1.3]		x		x	x
DE09038	Ứng dụng kỹ thuật thể hiện tranh in đương đại	2[1.1.3]		x	x	x	x
DE09039	Phương pháp nhận diện ADN của thương hiệu	2[1.1.3]		x	x	x	x
DE19012	Phương pháp tìm ý trong thiết kế	2[1.1.4]		x		x	x
DE13030	Đồ án Thiết kế giày dép	2[1.1.3]		x			
DE13031	Đồ án Thiết kế phương tiện giao thông	2[1.1.3]		x			
DE23024	Đồ án Thiết kế trang phục trình diễn ấn tượng	2[1.1.3]			x		
DE23025	Tham gia thi thiết kế thời trang	2[1.1.3]			x		
DE23026	Thiết kế phụ kiện	2[1.1.3]			x		
DE09049	Vẽ kỹ thuật số (Digital Painting)	2[1.1.3]			x		
DE33025	Đồ án Tổ chức sự kiện	2[1.1.3]				x	
DE33026	Đồ án Thiết kế web	2[1.1.3]				x	
DE33027	Đồ án Quảng cáo tương tác	2[1.1.3]				x	
DE43025	Đồ án Sản phẩm tái chế	2[1.1.3]					x
DE43026	Đồ án Tổ chức sự kiện	2[1.1.3]					x
DE43027	Đồ án Tạo dáng sản phẩm nội thất	2[1.1.3]					x

11. Bảng đối sánh môn học và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo:

Xem chi tiết trong Phụ lục 2

12. Sơ đồ biểu diễn mối liên hệ – tiến trình môn học trong chương trình đào tạo:

Xem chi tiết trong Phụ lục 3

13. Phương pháp giảng dạy

Chương trình đào tạo ngành Thiết kế Công nghiệp được tổ chức theo định hướng ứng dụng – thực tiễn, lấy sinh viên làm trung tâm và nhấn mạnh quá trình rèn luyện tay nghề liên tục. Mỗi học phần không chỉ truyền đạt kiến thức lý thuyết mà còn gắn với bài tập, đồ án hoặc tác phẩm thiết kế hoàn chỉnh, qua đó sinh viên phát triển năng lực sáng tạo, kỹ năng nghề nghiệp và xây dựng portfolio cá nhân ngay trong quá trình học tập.

Hệ thống phương pháp giảng dạy ngành Thiết kế Công nghiệp được định hình theo triết lý: “Mỗi bài học là một tác phẩm – mỗi tác phẩm là một bước rèn nghề – mỗi sinh viên tốt nghiệp là một nhà thiết kế thực hành sáng tạo.”

Các phương pháp giảng dạy vừa bảo đảm sinh viên nắm vững kiến thức (CDR_A), vừa rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp (CDR_B), vừa phát triển tư duy sáng tạo, tinh thần tự chủ và phong cách làm việc chuyên nghiệp (CDR_C), đáp ứng trọn vẹn yêu cầu của môi trường thiết kế hiện đại và hội nhập quốc tế.

[1] Thuyết trình kết hợp trao đổi (Lecture & Discussion):

- + Giảng viên trình bày có hệ thống các khái niệm, nguyên lý, quy trình thiết kế và bối cảnh phát triển ngành. Trong quá trình giảng dạy, giảng viên đồng thời đặt ra các câu hỏi mở,

tổ chức trao đổi nhóm và thảo luận lớp để kích thích tư duy phản biện. Sinh viên không chỉ tiếp nhận kiến thức mà còn học cách phân tích, lý giải và phản hồi ý kiến.

- + Mục đích nhằm bảo đảm sinh viên nắm vững kiến thức cơ bản và kiến thức chuyên ngành (CĐR_A01–A03), đồng thời phát triển kỹ năng diễn đạt và tư vấn thiết kế (CĐR_B03).

[2] Học qua tình huống (Case Study):

- + Các tình huống thiết kế thực tế từ doanh nghiệp, studio hoặc dự án sáng tạo được sử dụng để giảng dạy. Sinh viên phải phân tích bối cảnh, xác định vấn đề, đánh giá các giải pháp hiện có và đề xuất ý tưởng mới. Quá trình này giúp sinh viên kết nối tri thức lý thuyết với thực tiễn, đồng thời nhận thức rõ vai trò của yếu tố xã hội – văn hóa trong thiết kế.
- + Mục đích nhằm phát triển năng lực phân tích, phản biện bối cảnh thiết kế (CĐR_A02) và rèn luyện tư duy sáng tạo, khả năng thích nghi trong môi trường đa dạng (CĐR_C01).

[3] Học theo dự án – đồ án (Project/Studio-Based Learning):

- + Đây là phương pháp giảng dạy cốt lõi của ngành Thiết kế Công nghiệp. Sinh viên được giao thực hiện các dự án hoặc đồ án cụ thể, trải qua toàn bộ quy trình: nghiên cứu – phát triển ý tưởng – phác thảo – dựng mô hình 2D/3D – tạo sản phẩm mẫu – thuyết trình. Mỗi đồ án vừa là phương tiện học tập vừa là sản phẩm minh chứng năng lực của sinh viên.
- + Mục đích nhằm rèn luyện năng lực sáng tạo và triển khai ý tưởng thành sản phẩm hoàn chỉnh (CĐR_A03), năng lực ứng dụng công nghệ thông tin (CĐR_B01), năng lực tổ chức và triển khai sản phẩm (CĐR_B02), cũng như kỹ năng hợp tác nhóm và phong cách làm việc chuyên nghiệp (CĐR_C02).

[4] Học theo vấn đề (Problem-Based Learning – PBL):

- + Giảng viên đặt ra các vấn đề thiết kế có nhiều hướng giải quyết, chẳng hạn như phát triển sản phẩm tái chế, thiết kế nội thất thông minh, bộ sưu tập thời trang theo chủ đề văn hóa hoặc hệ thống nhận diện thương hiệu mới. Sinh viên chủ động tìm kiếm thông tin, thảo luận nhóm, đưa ra giải pháp và bảo vệ ý tưởng của mình trước lớp. Đây là phương pháp tạo động lực để sinh viên tự nghiên cứu, sáng tạo và dám thử nghiệm các giải pháp mới.
- + Mục đích nhằm phát triển tư duy sáng tạo, tính độc lập trong học tập (CĐR_C01) và kỹ năng tư vấn, phản biện trong thiết kế (CĐR_B03).

[5] Studio-based Learning (Học theo mô hình xưởng thiết kế):

- + Lớp học được vận hành như một xưởng/studio chuyên nghiệp, nơi sinh viên vừa học lý thuyết, vừa sáng tác và trưng bày sản phẩm ngay trong lớp. Giảng viên đóng vai trò mentor hoặc giám đốc sáng tạo, định hướng và phản biện ý tưởng, còn sinh viên thực hành như những nhà thiết kế trẻ. Môi trường học tập này tái hiện không khí nghề nghiệp, giúp sinh viên hình thành tác phong chuyên nghiệp từ sớm.
- + Mục đích nhằm phát triển kỹ năng triển khai sản phẩm thiết kế (CĐR_B02), năng lực truyền đạt và bảo vệ ý tưởng (CĐR_B03), cũng như tinh thần hợp tác nhóm và sự chuyên nghiệp trong công việc (CĐR_C02).

[6] Mô phỏng và thực hành trong xưởng/lab (Simulation & Workshop):

- + Sinh viên được trực tiếp thao tác trong phòng lab, xưởng thực hành và studio công nghệ với các công cụ hiện đại như CAD/CAM, in 3D, CNC, VR/AR, đồng thời rèn luyện kỹ năng thủ công như vẽ tay, chế tác mô hình. Mỗi buổi học không chỉ mang tính luyện tập kỹ năng mà còn hướng tới việc chuyển hóa ý tưởng thành sản phẩm gần gũi với thực tế.
- + Mục đích nhằm giúp sinh viên sử dụng thành thạo công nghệ thông tin và công cụ thiết kế (CĐR_B01), đồng thời phát triển năng lực hiện thực hóa ý tưởng thành sản phẩm cụ thể (CĐR_B02).

[7] **Học tập trải nghiệm và thực tế nghề nghiệp (Experiential Learning & Internship):**

- + Sinh viên tham gia hoạt động trải nghiệm như tham quan triển lãm, bảo tàng, dự án cộng đồng, workshop sáng tạo, cũng như các đợt thực tập tại doanh nghiệp. Những trải nghiệm này được chuyển hóa thành các sản phẩm thiết kế, bộ sưu tập hoặc báo cáo dự án, vừa rèn kỹ năng nghề nghiệp vừa tăng khả năng thích nghi với môi trường làm việc thực tế.
- + Mục đích nhằm giúp sinh viên phát triển tư duy sáng tạo liên ngành và khả năng thích nghi (CĐR_C01), đồng thời rèn luyện tác phong chuyên nghiệp và tinh thần trách nhiệm trong môi trường nghề nghiệp (CĐR_C02).

[8] **Rèn luyện qua triển lãm và phản biện (Exhibition & Critique):**

- + Sau mỗi học kỳ, sản phẩm của sinh viên được trưng bày trong triển lãm hoặc phản biện trước hội đồng. Đây là dịp sinh viên rèn luyện kỹ năng trình bày, phản biện, tiếp nhận góp ý và hoàn thiện sản phẩm. Hoạt động triển lãm cũng là cơ hội để sinh viên công bố sản phẩm thiết kế ra cộng đồng học thuật và xã hội.
- + Mục đích nhằm phát triển kỹ năng trình bày và bảo vệ ý tưởng (CĐR_B03), đồng thời rèn luyện tinh thần hợp tác nhóm, tác phong chuyên nghiệp và khả năng tự tin trong môi trường công khai (CĐR_C02).

[9] **Học trực tuyến kết hợp (Blended Learning):**

- + Sinh viên được học tập thông qua sự kết hợp giữa lớp học trực tiếp và trực tuyến, sử dụng nền tảng LMS, E-learning và công cụ AI trong sáng tạo. Hình thức này giúp mở rộng không gian học tập, cung cấp tài nguyên học liệu phong phú và linh hoạt về thời gian, đồng thời khuyến khích sinh viên chủ động tự học và thích ứng với xu thế công nghệ số trong giáo dục.
- + Mục đích nhằm giúp sinh viên phát triển năng lực ứng dụng công nghệ thông tin (CĐR_B01) và năng lực tự học, thích nghi với công nghệ mới (CĐR_C01).

14. Phương pháp kiểm tra – đánh giá (Assessment Methods)

Trong ngành Thiết kế Công nghiệp, hoạt động kiểm tra – đánh giá được xem là một thành tố quan trọng trong quá trình đào tạo. Việc đánh giá không chỉ nhằm xác định mức độ tiếp thu kiến thức mà còn phản ánh năng lực tư duy sáng tạo, khả năng triển khai sản phẩm và thái độ nghề nghiệp của sinh viên. Do đó, hệ thống đánh giá được thiết kế toàn diện, liên tục và đa chiều, kết hợp giữa đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết, giữa lý thuyết và thực hành, giữa cá nhân và nhóm, nhằm bảo đảm sinh viên đạt được đầy đủ các chuẩn đầu ra: A – Kiến thức, B – Kỹ năng, C – Tự chủ và trách nhiệm.

Hệ thống kiểm tra, đánh giá của ngành Thiết kế Công nghiệp được xây dựng trên triết lý: “Đánh giá không chỉ là chấm điểm, mà là xác nhận năng lực sáng tạo, sự trưởng thành nghề nghiệp và bản lĩnh hội nhập của sinh viên.”

Các phương pháp kiểm tra – đánh giá

[1] **Đánh giá quá trình (Formative Assessment):**

- + Sinh viên được đánh giá thông qua điểm chuyên cần, mức độ tham gia thảo luận, kết quả các bài tập nhỏ, phác thảo và tiến độ thực hiện đồ án. Đây là phương pháp theo dõi sự tiến bộ học tập và rèn luyện nghề nghiệp của sinh viên trong từng học phần, đồng thời tạo động lực duy trì sự chủ động và tích cực trong suốt học kỳ.
- + Mục đích nhằm củng cố kiến thức nền tảng (CĐR_A01–A02) và phát triển năng lực tự học, thái độ chủ động thích nghi với yêu cầu mới (CĐR_C01).

[2] **Kiểm tra giữa kỳ (Midterm Tests):**

- + Các bài kiểm tra giữa kỳ được tổ chức dưới nhiều hình thức như thi viết, vấn đáp hoặc thực hành (vẽ, dựng mô hình, thao tác trên phần mềm). Hoạt động này đánh giá mức độ nắm bắt kiến thức và khả năng vận dụng kỹ năng cơ bản trong giai đoạn giữa học phần, qua đó giúp giảng viên và sinh viên kịp thời điều chỉnh quá trình dạy và học. Mục đích nhằm rèn luyện khả năng vận dụng kiến thức chuyên ngành (CĐR_A03) và phát triển kỹ năng sử dụng công cụ thiết kế cơ bản (CĐR_B01).
- [3] **Đánh giá đồ án và tác phẩm thiết kế (Project/Studio Assessment):**
- + Đây là phương pháp đánh giá đặc thù của ngành. Mỗi học phần thường kết thúc bằng một đồ án hoặc tác phẩm thiết kế hoàn chỉnh. Sinh viên phải thể hiện toàn bộ quy trình thiết kế: từ nghiên cứu, phát triển ý tưởng, phác thảo, dựng mô hình 2D/3D cho đến sản phẩm mẫu. Hội đồng giảng viên đánh giá dựa trên các tiêu chí sáng tạo, công năng, thẩm mỹ và tính ứng dụng thực tế.
 - + Mục đích nhằm giúp sinh viên phát triển năng lực biến ý tưởng thành sản phẩm hoàn chỉnh (CĐR_A03), năng lực lập kế hoạch và triển khai thiết kế (CĐR_B02), kỹ năng thuyết minh và bảo vệ ý tưởng (CĐR_B03), đồng thời rèn luyện tinh thần hợp tác và tác phong chuyên nghiệp (CĐR_C02).
- [4] **Phản biện và thuyết trình (Presentation & Critique):**
- + Sinh viên phải thuyết trình và bảo vệ sản phẩm trước giảng viên hoặc hội đồng, đồng thời tiếp nhận phản hồi để hoàn thiện sản phẩm. Đây là hình thức đánh giá trực tiếp năng lực giao tiếp học thuật, kỹ năng trình bày ý tưởng và khả năng điều chỉnh thiết kế dựa trên nhận xét chuyên môn.
 - + Mục đích nhằm nâng cao kỹ năng trình bày, tư vấn và bảo vệ ý tưởng thiết kế (CĐR_B03), đồng thời hình thành phong cách làm việc chuyên nghiệp và khả năng phối hợp nhóm (CĐR_C02).
- [5] **Bài tập lớn và tiểu luận (Assignments & Essays):**
- + Một số học phần lý thuyết hoặc nghiên cứu yêu cầu sinh viên thực hiện bài tập lớn hoặc tiểu luận, trong đó phân tích xu hướng thiết kế, ảnh hưởng văn hóa – xã hội hoặc ứng dụng công nghệ trong lĩnh vực thiết kế. Đây là phương pháp giúp sinh viên phát triển tư duy nghiên cứu, khả năng viết học thuật và lập luận khoa học.
 - + Mục đích nhằm rèn luyện năng lực phân tích, phản biện bối cảnh thiết kế (CĐR_A02) và phát triển khả năng tự học, sáng tạo, nghiên cứu độc lập (CĐR_C01).
- [6] **Đánh giá qua triển lãm và công bố sản phẩm (Exhibition-Based Assessment):**
- + Các sản phẩm và đồ án tiêu biểu của sinh viên được trưng bày trong triển lãm nội bộ hoặc sự kiện học thuật. Đây là hình thức đánh giá không chỉ sản phẩm sáng tạo mà còn cả khả năng công bố và truyền thông kết quả học tập trước cộng đồng.
 - + Mục đích nhằm giúp sinh viên chứng minh năng lực triển khai sản phẩm trong thực tiễn (CĐR_B02), đồng thời rèn luyện tác phong chuyên nghiệp, tinh thần trách nhiệm và năng lực hội nhập xã hội (CĐR_C02).
- [7] **Đánh giá thực tập và báo cáo nghề nghiệp (Internship Assessment):**
- + Trong thời gian thực tập tại doanh nghiệp hoặc studio, sinh viên được đánh giá dựa trên hiệu quả công việc, thái độ nghề nghiệp, khả năng hợp tác và báo cáo tổng kết. Đây là hình thức gắn kết trực tiếp giữa đào tạo và yêu cầu thực tiễn của thị trường lao động.
 - + Mục đích nhằm phát triển kỹ năng triển khai thiết kế trong môi trường thực tế (CĐR_B02) và rèn luyện khả năng thích nghi, tinh thần trách nhiệm, hợp tác nhóm (CĐR_C01–C02).
- [8] **Thi cuối kỳ và đồ án/khóa luận tốt nghiệp (Final Exam & Graduation Project/Thesis):**

- + Các môn lý thuyết được đánh giá bằng hình thức thi viết hoặc vấn đáp; các học phần chuyên ngành kết thúc bằng đồ án hoặc khóa luận tốt nghiệp. Đây là phương pháp đánh giá tổng hợp, phản ánh đầy đủ năng lực nghiên cứu, tư duy sáng tạo và khả năng triển khai thiết kế ở mức độ cao nhất.
- + Mục đích nhằm giúp sinh viên tích hợp toàn diện kiến thức chuyên ngành (CĐR_A03), thể hiện kỹ năng sử dụng công cụ và triển khai sản phẩm (CĐR_B01–B03), đồng thời khẳng định năng lực tự học, sáng tạo và tác phong chuyên nghiệp (CĐR_C01–C02).

[9] Thang điểm đánh giá

- + Thang điểm đánh giá áp dụng thống nhất theo quy định:
 - Điểm quá trình (x%): bao gồm chuyên cần, bài tập, thảo luận, tiến độ đồ án.
 - Điểm kiểm tra giữa kỳ (y%): có thể là thi viết, vấn đáp hoặc thực hành.
 - Điểm cuối kỳ (z%): bao gồm thi viết hoặc bảo vệ đồ án/khóa luận.
- + Việc phân bổ như vậy thể hiện nguyên tắc: Sinh viên phải duy trì nỗ lực liên tục trong suốt học kỳ (x + y), nhưng chỉ được công nhận hoàn thành học phần khi chứng minh được năng lực tổng hợp thông qua kết quả cuối kỳ ($x + y \leq \%$; $z \geq 50\%$).
- + Đây là cách đảm bảo sự hài hòa giữa rèn luyện quá trình và năng lực tổng kết, phù hợp đặc thù ngành thiết kế vốn gắn liền với sản phẩm thực hành sáng tạo.

15. Hướng dẫn thực hiện chương trình đào tạo:

[1] Nội dung chương trình đào tạo gồm các phần:

- + Phần chung toàn trường:
 - Tất cả các ngành đều có một số môn học chung – đó là phần chung toàn trường, ví dụ như các môn Khoa học Chủ nghĩa Mác – Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Toán cao cấp, Vật lý, Ngoại ngữ, Tin học đại cương ... đây là những môn học bắt buộc đối với mọi sinh viên.
- + Phần chung của một số ngành:
 - Giữa một số ngành liên quan có thể có các môn học chung. Các môn học này có thể được tổ chức giảng dạy ngay từ đầu học kỳ thứ nhất, hoặc có môn được dạy vào cả học kỳ cuối cùng trong chương trình đào tạo.
 - Việc giảng dạy của một số môn học này có thể không thuộc Khoa quản lý ngành phụ trách, mà lại do một Khoa khác phụ trách.
- + Các môn học của ngành:
 - Các môn học của ngành được trình bày dưới dạng “tiến trình diễn biến” trong các chương trình đào tạo, tức bố trí dạy trước sau theo một thứ tự hợp lý.

[2] Phân loại môn học – ký hiệu phân loại môn học:

- + Môn học bắt buộc ----- Ký hiệu: [BB]
 - Môn học chứa đựng những nội dung kiến thức chính yếu của mỗi chương trình và bắt buộc sinh viên phải tích lũy.
- + Môn học tự chọn ----- Ký hiệu: [TC]
 - Môn học chứa đựng những nội dung kiến thức cần thiết, nhưng sinh viên được tự chọn theo hướng dẫn của trường nhằm đa dạng hóa hướng chuyên môn hoặc được tự chọn tùy ý để tích lũy đủ số học phần quy định cho mỗi chương trình.
- + Môn học thay thế = Môn học tương đương----- Ký hiệu: [TT/TD]
 - Môn học thuộc CTĐT của khóa – ngành đang được tổ chức giảng dạy tại Trường mà sinh viên được phép học, tích lũy để thay thế cho môn học khác trong CTĐT của ngành đào tạo. Khái niệm môn học thay thế được sử dụng khi môn học vốn có

trong CTĐT nhưng nay không còn tổ chức giảng dạy (hoặc trong học kỳ đang xét không tổ chức giảng dạy) và được thay thế bằng môn học khác. Môn học thay thế sẽ do Khoa/Ban chuyên môn phụ trách ngành đề xuất trong quá trình triển khai CTĐT trong thực tế.

- Trong chương trình đào tạo của các ngành có một số môn học mà việc tổ chức giảng dạy và học tập không phải do Khoa quản lý ngành phụ trách mà do một Khoa khác chịu trách nhiệm. Điều đó cũng có nghĩa là trong các chương trình đào tạo có thể có một số môn học trùng tên nhau (Ví dụ như môn Tin học chuyên ngành 1 ở các ngành khác nhau), nhưng nội dung được xây dựng có nhiều phần khác nhau, nhằm phục vụ cho những đối tượng khác (đương nhiên cũng có nhiều phần giống nhau). Việc xét tương đương môn học khi sinh viên chuyển ngành, chuyển khóa đào tạo sẽ do Khoa/Ban chuyên môn phụ trách ngành đề xuất.
- + Môn học trước, môn học song hành, môn học sau, môn học tiên quyết:
 - Việc sắp xếp các môn học trong mỗi học kỳ là nhằm định hướng sinh viên học theo trình tự đó. Điều này cũng nêu lên tính chất tiên quyết của các môn học.
 - Ví dụ: Một môn học X nào đó được tổ chức học tập tại học kỳ thứ (i), có nghĩa là ở các học kỳ trước đó (i – 1) đã phải tổ chức học tập một hay vài môn học nhằm chuẩn bị kiến thức cơ sở cho việc học môn X. Do đó phải tuân thủ tiến trình sắp xếp các môn học trong chương trình đào tạo. Và đôi khi, môn X có thể có tác dụng chuẩn bị để học môn Y sau đó ở học kỳ thứ (i + 1)
 - Cũng có một vài trường hợp đặc biệt, do không sắp xếp được, nên có khái niệm môn học song hành – môn học B là song hành với môn học A là môn học mà lẽ ra phải được học trước, ít ra với một số phần, so với môn A nhưng do những lý do bất khả kháng, phải bố trí cho sinh viên theo học đồng thời với môn học A.
 - Môn học tiên quyết ----- Ký hiệu: [TQ]
 - Môn học trước ----- Ký hiệu: [Tr]
 - Môn học song hành ----- Ký hiệu: [SH]
- + Quy ước về điểm số của môn học trước hay môn học tiên quyết:
 - Sinh viên phải có điểm số của môn học trước lớn hơn 0,0 điểm (không điểm) theo thang điểm 10,0 mới được đăng ký học môn học sau.
 - Sinh viên phải có điểm số của môn học tiên quyết hơn 5,0 điểm (năm điểm – điểm đạt) theo thang điểm 10,0 mới được đăng ký học môn học sau.

[3] Ký hiệu liên quan đến môn học:

- + Môn học được thể hiện:
 - Mã số môn học: -----[GS59001]
 - Tên môn học: ----- Tin học đại cương
 - Tín chỉ: -----2[2.0.4]
- + Có thể đọc và hiểu như sau:
 - Môn Tin học đại cương, 2 tín chỉ gồm khối lượng học tập trong 1 học kỳ như sau:
 - Mã số “GS5” thể hiện Khoa/Ban chuyên môn phụ trách giảng dạy môn học.
 - 2 x 15 tiết lý thuyết/bài tập trên lớp;
 - 0 x 30 tiết thí nghiệm/thực hành /thảo luận tại phòng thí nghiệm/xưởng thực hành/phòng chuyên đề/phòng học/phòng máy;
 - 4 x 15 giờ tự học, tự nghiên cứu ở nhà.

16. Mô tả tóm tắt môn học:

Ghi chú viết tắt: thiết kế (TK); sản phẩm (SP)

[1] **Khởi kiến thức Giáo dục chuyên biệt**

[MI03002] Giáo dục Quốc phòng - An ninh -----0[6.3.16]

[GS99005] Giáo dục thể chất 1 -----0[0.2.3]

- + Phần lý thuyết: Một số vấn đề về quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng và nhà nước về công tác thể dục thể thao trong giai đoạn mới, mục đích, nhiệm vụ và yêu cầu của Giáo dục thể chất với sinh viên, các nguyên tắc và phương pháp tập luyện thể dục thể thao.
- + Phần thực hành: Trang bị cho sinh viên những kỹ năng vận động, thể lực chung của môn điền kinh (chạy 5 phút tùy sức) và thể dục (bài tập thể dục phát triển chung 50 động tác).

[GS99006] & [GS99007] Giáo dục thể chất 2 & 3 (Tự chọn bắt buộc) -----0[0.2.3]

+ **Chọn 02 trong 05 nội dung sau:**

+ **Môn Aerobic:**

- Nhận thức được về sự ảnh hưởng của việc tập luyện thể dục thể thao đối với sức khỏe con người; vai trò của Giáo dục thể chất trong mục tiêu đào tạo con người phát triển toàn diện; cách phòng tránh chấn thương trong tập luyện và thi đấu; sơ lược lịch sử phát triển và tác dụng của các bài tập Aerobic đối với việc rèn luyện nhân cách và tăng cường sức khỏe cho người tập; hiểu biết một số điều luật cơ bản của môn Thể dục Aerobic. Thực hiện tốt bài Aerobic cơ bản mẫu, hiểu luật và có thể biên soạn được bài Aerobic.

+ **Môn Bóng bàn cơ bản:**

- Phần lý thuyết: Lịch sử ra đời môn bóng bàn, luật môn bóng bàn, phương pháp tổ chức thi đấu và công tác trọng tài.
- Phần thực hành: Tập luyện nguyên lý kỹ thuật cơ bản môn Bóng bàn (cách cầm vợt đứng trong bóng bàn, tư thế di chuyển đơn, kép, bước chéo. Tư thế chuẩn bị đánh bóng. Kỹ thuật lúp bóng thuận tay, đẩy bóng trái tay cơ bản, giao bóng thuận tay, trái tay (không xoáy) cơ bản, giao bóng thuận tay xoáy lên, giao bóng trái tay xoáy lên, các bài tập phát triển thể lực.

+ **Bóng chuyền cơ bản:**

- Phần lý thuyết: Lịch sử ra đời môn bóng chuyền, luật bóng chuyền, phương pháp tổ chức thi đấu và công tác trọng tài.
- Phần thực hành: Tập luyện kỹ thuật cơ bản (tư thế chuẩn bị, cách di chuyển, đệm bóng, chuyền bóng, phát bóng và đập bóng).

+ **Bóng rổ cơ bản:**

- Phần lý thuyết: Lịch sử ra đời môn bóng rổ, luật bóng rổ, phương pháp tổ chức thi đấu và công tác trọng tài.
- Phần thực hành: Tập luyện kỹ thuật cơ bản (tư thế chuẩn bị, cách di chuyển, tại chỗ ném rổ một tay trên vai, hai bước ném rổ một tay trên vai).

+ **Cầu lông cơ bản:**

- Phần lý thuyết: Lịch sử ra đời môn Cầu lông, luật Cầu lông, phương pháp tổ chức thi đấu và công tác trọng tài.
- Phần thực hành: Tập luyện nguyên lý kỹ thuật cơ bản môn Cầu lông (cách cầm vợt, tư thế di chuyển đơn bước, đa bước, giao cầu trái tay, giao cầu thuận tay, đánh cầu cao thuận tay (lốp cầu), đánh cầu thấp hai bên và phía trước (đánh cầu mạnh cuối sân), các bài tập phát triển thể lực.

[2] **Kiến thức Giáo dục đại cương**

[DE09046] Tin học đại cương và thực hành-----3[1.2.4]

- + Cung cấp cho sinh viên các kiến thức căn bản về tin học và truyền thông bao gồm các kiến thức về hệ điều hành, soạn thảo văn bản, phần mềm trình chiếu, các phần mềm xử

- lý đồ họa ở mức độ nhập môn. Từ đó giúp sinh viên nâng cao hiểu biết về tin học và vận dụng các kiến thức ấy vào từng môn học chuyên ngành.
- + Phần 1: Tin học đại cương
 - Cung cấp những kiến thức căn bản nhất để hiểu được về hệ điều hành, tệp và thư mục, các định dạng, công cụ tìm kiếm, ...
 - + Phần 2: Các phần mềm cơ bản
 - Microsoft Word: Cung cấp kiến thức về sử dụng phần mềm, kỹ năng soạn thảo.
 - Microsoft Powerpoint: Cung cấp cho sinh viên kiến thức sử dụng phần mềm và kỹ năng trình bày, trình chiếu tài liệu thuyết trình cho các đề tài nghiên cứu.
 - + Phần 3: Các phần mềm đồ họa cơ bản thiết yếu
 - Adobe Illustrator: Hướng dẫn cho sinh viên nắm bắt được các công cụ thiết yếu và kiến thức trực tiếp để giải quyết bài tập thực hành và đồ án bộ môn.
 - Adobe Photoshop: Hướng dẫn cho sinh viên nắm bắt được các công cụ thiết yếu trong quá trình xử lý hình ảnh, quy trình xử lý file, kết nối với các phần mềm khác nhằm tạo ra sản phẩm đủ chất lượng, đạt kết quả thực tế từng bộ môn.

[GS19007] Tiếng Anh 1 -----2[1.1.3]

- + Môn học Tiếng Anh 1 cung cấp kiến thức và các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trong tiếng Anh ở trình độ sơ cấp, giúp người học sử dụng được các từ ngữ và cấu trúc ngữ pháp cơ bản nhằm đáp ứng nhu cầu giao tiếp về các chủ đề liên quan đến con người, nơi chốn, các đồ vật trong gia đình, số đếm, số thứ tự, các thông tin cơ bản về một số quốc gia trên thế giới, thời gian rảnh, thức ăn, tiền tệ, phân biệt tiếng Anh của người Anh và tiếng Anh của người Mỹ.

[GS19008] Tiếng Anh 2 -----2[1.1.3]

- + Môn học Tiếng Anh 2 cung cấp kiến thức và các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trong tiếng Anh trình độ sơ cấp, giúp người học sử dụng được các từ ngữ và cấu trúc ngữ pháp cơ bản nhằm đáp ứng nhu cầu giao tiếp về các chủ đề liên quan đến du lịch, ngoại hình, phim ảnh, nghệ thuật, các lĩnh vực khoa học và công nghệ, ngành du lịch và môi trường trên trái đất.

[GS19009] Tiếng Anh 3 -----2[1.1.3]

- + Môn học Tiếng Anh 3 cung cấp kiến thức và các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trong tiếng Anh ở trình độ trung cấp, giúp người học sử dụng được các từ ngữ và cấu trúc ngữ pháp nhằm đáp ứng nhu cầu giao tiếp và trình bày về các chủ đề liên quan đến sức khỏe, những cuộc thi đấu, phương tiện giao thông, sự phiêu lưu, môi trường và những giai đoạn trong cuộc đời.

[GS19010] Tiếng Anh 4 -----2[1.1.3]

- + Môn học Tiếng Anh 4 cung cấp kiến thức và các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trong tiếng Anh ở trình độ trung cấp, giúp người học sử dụng được các từ ngữ và cấu trúc ngữ pháp nhằm đáp ứng nhu cầu giao tiếp và trình bày về các chủ đề liên quan đến công việc, công nghệ, ngày nghỉ, du lịch, sản phẩm, lịch sử và thiên nhiên.

[GS29001] Pháp luật Việt Nam đại cương-----3[2.1.6]

- + Cung cấp những khái niệm cơ bản về Nhà nước và Pháp luật; Vai trò và giá trị xã hội của Nhà nước và Pháp luật trong đời sống xã hội.
- + Cung cấp những nội dung cơ bản về tổ chức Bộ máy nhà nước CHXHCNVN.
- + Cung cấp những nội dung cơ bản của các ngành luật: Luật Hiến pháp; Luật Hình sự, Luật Tố tụng hình sự; Luật Dân sự, Luật tố tụng Dân sự; Luật Lao động; Luật Hôn nhân gia đình; và khái quát các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam.

[GS79005] Triết học Mác - Lênin-----3[3.0.6]

- + Triết học Mác - Lênin nghiên cứu quy luật chung nhất của tự nhiên, xã hội và tư duy.

- + Chương 1 trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác - Lênin và vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội. Chương 2 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế - xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng; ý thức xã hội; triết học về con người.

[GS79006] Kinh tế chính trị Mác - Lênin-----2[2.0.5]

- + Kinh tế chính trị học Mác - Lênin nghiên cứu những quy luật kinh tế của xã hội, đặc biệt là những quy luật kinh tế của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Vận dụng của Đảng ta vào việc xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; phát triển nền công nghiệp hóa, hiện đại hóa; vấn đề hội nhập kinh tế thế giới và lợi ích trong nền kinh tế.

[GS79007] Chủ nghĩa xã hội khoa học-----2[2.0.5]

- + Chủ nghĩa xã hội khoa học nghiên cứu làm sáng tỏ những quy luật khách quan của quá trình cách mạng xã hội chủ nghĩa.
- + Nội dung môn học gồm 7 chương: chương 1, trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của CNXHKKH (quá trình hình thành, phát triển của CNXHKKH); từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung cơ bản của CNXHKKH nhằm làm sáng tỏ những quy luật khách quan của quá trình cách mạng xã hội chủ nghĩa.

[GS79008] Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam -----3[3.0.6]

- + Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là môn học mang tính tích cực tri thức từ các môn học khoa học Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh và một số môn học chuyên ngành khác. Nghĩa là, ngoài việc tiếp cận theo phương pháp lịch sử cần vận dụng tri thức của các môn học gắn với đặc thù của từng chuyên ngành đào tạo.
- + Trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920 - 1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 - 1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 - 2018). Qua đó khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.
- + Ngoài chương mở đầu, chương kết luận, nội dung gồm 3 chương:
 - Chương I: Đảng cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945)
 - Chương II: Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 - 1975)
 - Chương III: Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 - 2018)
 - Chương kết luận: Những thắng lợi lịch sử và một số bài học lớn.

[GS79009] Tư tưởng Hồ Chí Minh -----2[2.0.5]

- + Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh gồm 6 chương cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về: đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh; về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; về Đảng Cộng sản và nhà nước Việt Nam; về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; về văn hóa, đạo đức, con người.

[GS09010] Môn học tự chọn 1_KHXHNV-----2[2.0.4]

- + Chọn một trong những môn học sau:

- [GS09003] KHXHNV_Kỹ năng giao tiếp-----3[2.1.6]
- [GS09011] KHXHNV_Tiếng Việt thực hành-----2[2.0.4]
- [GS09021] KHXHNV_Tiếng Anh chuyên ngành-----3[2.1.6]

[3] Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

Nhóm môn chung các chuyên ngành

[DE09001] Design đại cương-----2[2.0.4]

- + Môn học nhằm giúp cho sinh viên nắm được những kiến thức, hiểu biết cơ bản về lĩnh vực design như một ngành khoa học nghệ thuật ứng dụng có nhiều đóng góp cho xã hội, các ngành kinh tế và sản xuất công nghiệp.
- + Giúp sinh viên nắm được tổng quan về khái niệm, định nghĩa, phân hệ, chức năng và tiêu chí, các chuyên ngành design ứng dụng, những đặc điểm của design như designer, tác phẩm/sản phẩm/hàng hóa design, ngôn ngữ design, đặc điểm thẩm mỹ của design, những nguyên lý design cơ bản,... qua đó giúp cho sinh viên định hướng đúng đắn trong việc lựa chọn ngành nghề tương lai và nâng cao thể giới quan design.

[DE09018] Cơ sở văn hóa Việt Nam -----2[2.0.4]

- + Học phần giúp sinh viên nắm được vấn đề cơ bản của văn hóa Việt Nam; xác định tọa độ văn hóa Việt Nam, tiến trình văn hóa, các vùng văn hóa; và các thành tố văn hóa như văn hóa nhận thức, văn hóa tổ chức đời sống vật chất xã hội, văn hóa tổ chức đời sống tinh thần tâm linh.

[DE09003] Lược sử mỹ thuật Thế giới và Việt Nam-----3[3.0.6]

- + Khái lược về các giai đoạn hình thành và phát triển của nghệ thuật tạo hình thế giới luôn gắn liền với lịch sử tư tưởng thẩm mỹ và lịch sử văn minh thế giới từ các nền văn minh Cổ đại (Lưỡng Hà, Ai Cập, Angko, Ấn Độ, Trung Hoa, Hy Lạp, La Mã, ...) đến Mỹ thuật phục hưng, cổ điển, hiện thực tại Châu Âu cùng một số các nền mỹ thuật đặc sắc như Nhật bản, Nga, tới khuynh hướng, trường phái nghệ thuật Mô đéc và Hậu Mô đéc.
- + Khái lược về các giai đoạn phát triển của lịch sử mỹ thuật Việt Nam (kiến trúc, điêu khắc, đồ họa, ...) từ thời dựng nước (Đông Sơn), đến các thời: Lý, Trần, Hồ, Mạc, Lê, Nguyễn, Tây Sơn, ... Đặc biệt, điểm lược đề cập đến mỹ thuật tạo hình dân gian (Điêu khắc Đình làng, Tranh Dân gian, ...). Trình bày lược sử phát triển của nền mỹ thuật tạo hình Việt Nam hiện đại bắt đầu từ sự ra đời của trường Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương (1925); Mỹ thuật Việt Nam trong suốt hai cuộc kháng chiến từ năm 1954 – 1975; Từ khi đất nước thống nhất năm 1976 đến mở đầu thời kỳ Đổi mới 1986 và tiếp tục phát triển cho tới nay.

[DE09019] Lịch sử văn minh thế giới -----3[3.0.6]

- + Học phần này giúp sinh viên nắm được những đặc trưng văn hóa và thành tựu các nền văn minh Ai Cập, Lưỡng Hà, Ba Tư, A rập, Ấn Độ, Trung Hoa, văn minh Phương Tây.

[DE09023] Luật sở hữu trí tuệ-----2[2.0.4]

- + Luật sở hữu trí tuệ bảo vệ các quyền tài sản và nhân thân của các cá nhân, tổ chức liên quan đến tài sản trí tuệ - loại tài sản đặc biệt phát sinh từ hoạt động sáng tạo trong các lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, khoa học, sản xuất, kinh doanh. Bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đã được chứng minh là công cụ đắc lực cho phát triển kinh tế, đặc biệt là nền kinh tế tri thức mà Việt Nam đang hướng đến. Việc công nhận và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ nhằm khuyến khích hoạt động sáng tạo văn hóa, nghệ thuật, kỹ thuật, đổi mới khoa học, công nghệ, bảo đảm việc phân chia và sử dụng hiệu quả tài sản trí tuệ, hài hoà lợi ích giữa chủ thể sáng tạo, đầu tư và các chủ thể khác trong xã hội.
- + Đào tạo về sở hữu trí tuệ trong các trường đại học, đặc biệt là khối các trường đào tạo chuyên ngành luật và các chuyên ngành có liên quan đến sáng tạo nghệ thuật đã trở thành xu hướng tất yếu hiện nay trên thế giới. Môn học luật sở hữu trí tuệ nhằm trang bị cho

sinh viên những kiến thức lí luận nền tảng về việc bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đồng thời tạo cơ sở cho sinh viên hình thành và phát triển kỹ năng áp dụng pháp luật sở hữu trí tuệ để giải quyết các vấn đề thực tiễn.

[DE09047] Nguyên lý thị giác-----3[2.1.5]

- + Nguyên lý thị giác là môn khoa học cơ bản của mọi ngành nghệ thuật thị giác, được cấu thành từ các khoa học sinh học, khoa học tâm lý thị giác của con người.
- + Nguyên lý thị giác giúp sinh viên hiểu biết về tâm lý cảm thụ thị giác và các mặc định về cảm nhận thị giác, những giới hạn nhận biết của thị giác trong trường nhìn thị giác.
- + Giúp sinh viên có kiến thức nền tảng về nhận thức thị giác với những yếu tố gốc của design, để chuẩn bị cho sinh viên tiếp thu dễ dàng những bài học chuyên ngành nâng cao và trau tượng hơn. Chuẩn bị cho cả những kỹ năng thao tác sử lý chất liệu với tâm lý thị giác, phục vụ cho việc thể hiện sáng tạo những mô hình môn học chuyên ngành.

[DE09013] Nghệ thuật ảnh-----2[1.1.3]

- + Nghệ thuật ảnh là môn học thiên về nghệ thuật thị giác là một trong những kỹ năng rất gần gũi với sinh viên học ngành thiết kế và mỹ thuật (Mỹ thuật tạo hình, Mỹ thuật công nghiệp, thiết kế kiến trúc, Xây dựng, ...).
- + Nắm bắt các kiến thức căn bản của nhiếp ảnh và kỹ năng sử dụng thành thạo sử dụng máy ảnh kỹ thuật số. Đó là điều kiện tiên quyết cho môn học kế tiếp là Ảnh Studio.

[DE09020] Ảnh studio -----2[0.2.2]

- + Các kỹ thuật căn bản và ánh sáng trong việc chụp ảnh ở Studio
- + Ưu điểm và nhược điểm của việc chụp ảnh trong studio và ngoại cảnh
- + Giới thiệu và làm quen các loại thiết bị trong studio ảnh
- + Các phương thức chuẩn bị và tổ chức để chụp ảnh trong Studio.

[DE09048] Vẽ kỹ thuật -----2[1.1.3]

- + Nội dung của học phần cung cấp kiến thức cơ bản về các tiêu chuẩn, cách trình bày và biểu diễn vật thể trên bản vẽ kỹ thuật, cơ thể học của chữ, một số phương pháp vẽ hình học, hình chiếu trục đo, hình chiếu phối cảnh.

[DE09005] Ergonomics-----2[1.1.3]

- + Ergonomics là môn khoa học liên ngành, được cấu thành từ các khoa học về con người.
- + Ergonomics giúp sinh viên hiểu rõ hơn về các giới hạn tự nhiên của con người, mối quan hệ giữa con người (sức khỏe) với môi trường (sự an toàn và thuận tiện) để tạo sự phù hợp, thuận tiện trong mọi hoạt động lao động, sinh hoạt, vui chơi... của con người.
- + Thông qua môn học, sinh viên hiểu được tầm quan trọng của nhân trắc học trong thiết kế công nghiệp, bước đầu hình thành tư duy ứng dụng số liệu và các nghiên cứu nhân trắc nhân trắc vào lĩnh vực thiết kế ứng dụng.

[DE09002] Hình họa 1 -----3[1.2.4]

- + Hình họa 1 là một trong những môn học cơ sở đầu tiên trang bị kiến thức và kỹ năng vẽ tay. Thông qua môn học này, sinh viên được luyện tập khả năng phân tích hình khối trong không gian ba chiều với những quy luật về ánh sáng, phối cảnh, tỷ lệ, cấu trúc. Trên cơ sở đó, sinh viên sẽ thực hành phác họa và mô phỏng các khối, mẫu bằng chất liệu chì trên giấy. Đồng thời, sinh viên được nghiên cứu và thực hành diễn tả một số loại vật liệu thường gặp trong đời sống như gốm, sứ, kim loại, thủy tinh... Ngoài ra, sinh viên cũng được tập làm quen với môi trường thực hành tại xưởng, rèn luyện thái độ nghiêm túc, chịu khó trong học tập.

[DE09006] Hình họa 2 -----3[1.2.4]

- + Hình họa 2 tiếp tục trang bị những kiến thức và kỹ năng vẽ tay cơ bản, đặc biệt chú trọng đến vẽ vật thực bằng chất liệu màu nước/màu bột. Trọng tâm chủ yếu của môn học này

là cung cấp kiến thức và kỹ năng sử dụng màu để diễn tả sự vật. Thông qua môn học, sinh viên tiếp tục được luyện tập khả năng phân tích hình khối trong không gian 3 chiều với những quy luật về ánh sáng, phối cảnh, tỷ lệ, cấu trúc... Đồng thời, sinh viên được nghiên cứu và thực hành diễn tả một số loại vật liệu thường gặp trong đời sống như gốm, sứ, kim loại, thủy tinh... bằng chất liệu màu nước/màu bột. Cuối môn học, sinh viên có 3 tuần để thực hành vẽ ký họa ngoài trời nhằm chuẩn bị kiến thức và kỹ năng cho kỳ thực tập mỹ thuật cơ sở.

[DE09008] Thực tập cơ sở -----1[0.1.1]

- + Thực tập cơ sở là môn học được tổ chức vào cuối năm thứ nhất, với mục đích giúp cho sinh viên làm quen với phương pháp lấy tư liệu thực tế. Vận dụng những kiến thức và kỹ năng có được sau hai học phần hình họa cơ bản, sinh viên sẽ được tham quan những cảnh quan đẹp, đặc trưng để ghi chép, ký họa, chụp ảnh dưới sự hướng dẫn trực tiếp của giảng viên hình họa và nhiếp ảnh. Ngoài ra, thông qua quá trình làm việc và sinh hoạt tập thể, sinh viên có cơ hội rèn luyện tính kỷ luật, ý thức, trách nhiệm.

[DE19011] Thực tập chuyên ngành_TKSP -----2[0.2.2]

- + Thực tập chuyên ngành là môn học được tổ chức vào học kỳ hè năm thứ hai, với mục đích giúp cho sinh viên làm quen với môi trường thực tế, ứng dụng những kiến thức đã học vào công việc cụ thể tại một doanh nghiệp, cơ sở sản xuất chuyên môn để khi ra trường có được một nền tảng kinh nghiệm nhất định, ứng dụng những kiến thức đã học qua việc thực hiện một số đồ án vào môi trường làm việc cụ thể. Môn học giúp cho việc lựa chọn đề tài cho việc thực hiện đồ án tốt nghiệp sau này của mỗi sinh viên, sinh viên có cơ hội rèn luyện tính kỷ luật, ý thức, trách nhiệm. Xây dựng kỹ năng học được từ thực tế thông qua trình thực tập, đối chiếu với những kiến thức đã học trong nhà trường và rút ra kinh nghiệm cho bản thân.

[DE29011] Thực tập chuyên ngành_TKTT -----2[0.2.2]

- + Thực tập chuyên ngành là môn học được tổ chức vào học kỳ hè năm hai, với mục đích giúp cho sinh viên làm quen với môi trường thực tế, ứng dụng những kiến thức đã học vào công việc cụ thể tại một doanh nghiệp, cơ sở sản xuất chuyên môn. Thông qua môi trường làm việc thực tế này, môn học còn hướng đến giúp người học rèn luyện tính kỷ luật, ý thức, trách nhiệm, xây dựng kỹ năng học được từ thực tế thông qua trình thực tập, đối chiếu với những kiến thức đã học trong nhà trường và rút ra những kinh nghiệm cho bản thân.

[DE39011] Thực tập chuyên ngành_TKĐH -----2[0.2.2]

- + Môn học Thực tập chuyên ngành giúp cho sinh viên vận dụng kiến thức ở trường vào công việc thực. Khi đăng ký môn học, sinh viên sẽ phải làm việc như một nhân viên thiết kế, một người lao động thực thụ tại doanh nghiệp, agency, hoặc cơ quan đơn vị có liên quan đến ngành nghề đã học.
- + Nội dung môn học được cá nhân hóa và hoàn toàn tùy thuộc vào kế hoạch được thỏa thuận giữa sinh viên, nhà tuyển dụng và nhà trường. Chương trình thực tập phải được nhà tuyển dụng chấp thuận trước khi sinh viên đăng ký môn học.
- + Số giờ thực tập được tính là 45 giờ = 1 tín chỉ. Sinh viên được đăng ký tối đa 6 tín chỉ (tương đương 6 tuần hoặc 270 giờ thực tập để đủ điều kiện làm đồ án tốt nghiệp).

[DE49011] Thực tập chuyên ngành_TKNT -----2[0.2.2]

- + Thực tập chuyên ngành là môn học được tổ chức vào học kỳ hè năm hai, với mục đích giúp cho sinh viên làm quen với môi trường thực tế, ứng dụng những kiến thức đã học vào công việc cụ thể tại một doanh nghiệp chuyên về kiến trúc – nội thất hoặc liên quan thiết kế xây dựng, cơ sở sản xuất chuyên môn. Thông qua môi trường làm việc thực tế này, môn học còn hướng đến giúp người học rèn luyện tính kỷ luật, ý thức, trách nhiệm,

xây dựng kỹ năng học được từ thực tế thông qua trình thực tập, đối chiếu với những kiến thức đã học trong nhà trường và rút ra những kinh nghiệm cho bản thân.

Nhóm môn của chuyên ngành Thiết kế sản phẩm

[DE13033] Lịch sử TKSP -----3[2.1.6]

- + Nội dung của học phần cung cấp kiến thức cơ bản về lịch sử hình thành và phát triển của ngành tạo dáng sản phẩm, bao gồm những khái niệm, định nghĩa cho đến quá trình hình thành, phát triển theo dòng thời gian, những biến động lịch sử về sau.
- + Bên cạnh đó, môn học cũng cung cấp cho sinh viên cái nhìn bao quát về những đặc thù trong phát triển (xu hướng, phong cách, tâm lý tiêu dùng, ảnh hưởng từ thị trường, kinh tế, xã hội...) của ngành TKSP tại một số quốc gia trên thế giới. Môn học đồng thời thể hiện và khẳng định rõ vai trò vô cùng trọng yếu của Design trong cuộc sống hàng ngày cũng như sự đóng góp không hề nhỏ cho nền văn minh, tính nhân văn.. của nhân loại, cho đến ngày nay.

[DE19001] Kỹ thuật mô hình sản phẩm-----3[1.2.4]

- + Kỹ thuật mô hình sản phẩm là môn học nhằm cung cấp kiến thức và phương pháp chế tạo mô hình sản phẩm với những chất liệu khác nhau như đất sét, thạch cao, gỗ, giấy, plastic. Trên cơ sở đó, có khả năng giả định những loại vật liệu khác nhau để phục vụ cho những mô hình thiết kế của mình.
- + Môn học cũng giúp cho sinh viên tiếp cận, làm quen với một số trang thiết bị, máy móc hỗ trợ cho quá trình thể hiện mô hình sản phẩm của mình.

[DE19003] Mô tuýp và màu sắc trong TKSP -----3[1.2.4]

- + Mô tuýp và màu sắc trong TKSP là môn học trang bị kiến thức cho sinh viên có kiến thức và kỹ năng về màu sắc và xây dựng đường nét trong thiết kế từ cơ bản đến nâng cao. Từ học phần này, người học ý thức được tỉ lệ, màu sắc, điểm, nét, mảng trong sáng tạo. Thông qua môn học, sinh viên ý thức được vai trò của người làm thiết kế, tự học, tự nghiên cứu để bổ sung kiến thức chuyên ngành, thường xuyên cập nhật xu hướng thiết kế mới trên thế giới, xu hướng sử dụng màu, phong cách thiết kế.

[DE19008] Nguyên lý thiết kế sản phẩm-----2[1.1.4]

- + Nguyên lý thiết kế sản phẩm là môn học trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về ngôn ngữ tạo hình trong thiết kế sản phẩm, quy luật về bố cục đường nét, hình dáng, chất liệu, màu sắc của đồ vật/sản phẩm nhằm giúp sinh viên bước đầu hình thành được ý tưởng thiết kế sản phẩm bằng bản vẽ.

[DE09009] Hình họa chuyên ngành 1_TKSP -----3[1.2.4]

- + Nội dung của môn học cung cấp kiến thức và kỹ năng cơ bản về hình họa, ký họa theo phong cách diễn họa sản phẩm tạo dáng. Học phần thiết lập kỹ năng quan sát và phân tích hình khối cấu tạo đối tượng; kỹ năng diễn họa nét, diễn họa màu, ký họa bằng các chất liệu thường được dùng trong thiết kế như bút chì, bút sắt, màu nước, chì màu, marker... Đối tượng tập trung nghiên cứu và thể hiện là các sản phẩm thiết kế tạo dáng có kích thước nhỏ cấu tạo đơn giản đến kích thước lớn cấu tạo phức tạp, các sản phẩm lao động cầm tay và điện tử.

[DE09014] Hình họa chuyên ngành 2_TKSP -----3[1.2.4]

- + Môn học cung cấp kiến thức và kỹ năng cơ bản về hình họa và ký họa hình thể người toàn thân và các bộ phận của cơ thể người. Thông qua môn học, sinh viên nắm bắt được cách dựng hình tượng và người toàn thân, nghiên cứu sâu về dáng và động tác bàn tay. Đồng thời nghiên cứu sự tương tác giữa bàn tay-cơ thể người với vật dụng. Trên cơ sở, đó nhận diện mối liên hệ giữa hình dáng cấu tạo của vật dụng với đặc điểm cấu tạo cơ thể và các

bộ phận, nhằm phục vụ cho mục đích thiết kế sau này, tạo ra những sp có hình dáng dễ sử dụng và công năng thuận tiện, thoải mái nhất cho người sử dụng.

[DE13034] Kỹ thuật thể hiện đồ án TKSP 1-----3[1.2.4]

- + Môn học Kỹ thuật thể hiện đồ án 1 cung cấp cho sinh viên những kiến thức tin học chuyên ngành (thông qua công cụ máy vi tính) hỗ trợ cho việc thể hiện và trình bày ý tưởng thiết kế về một sản phẩm tạo dáng cơ bản, đi từ hình thức phác thảo – sketch đến việc đưa ra bản vẽ kỹ thuật chi tiết, chính xác để có thể thi công sản phẩm trong thực tế.

[DE13036] Kỹ thuật thể hiện đồ án TKSP 2 -----3[1.2.6]

- + Môn học Kỹ thuật thể hiện đồ án 2 cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và nâng cao trong thiết kế 2D và 3D:
 - Phát triển ý tưởng từ PSD, sketchup và autocad.
 - Dùng phần mềm Rhino mức độ cơ bản tạo mẫu 3D trên máy tính.
 - Thiết lập bản vẽ và phân tích bản vẽ.

[DE13037] Kỹ thuật thể hiện đồ án TKSP 3-----3[1.2.6]

- + Trang bị cho sinh viên kiến thức, kỹ năng sử dụng phần mềm Rhino nâng cao, phối hợp với phần mềm Keyshot/ Matrix, đây là các phần mềm hỗ trợ hiệu quả trong việc tạo xử lý hình ảnh vật liệu, các bề mặt có độ uốn lượn phức tạp và ứng dụng trong nhiều lĩnh vực khác nhau như TKSP, in 3d, thiết kế trang sức, thiết kế nhân vật, ...

[DE13038] Kỹ thuật thể hiện đồ án TKSP 4-----2[1.1.6]

- + Thông qua việc trang bị kiến thức sử dụng phần mềm Illustrator và phần mềm Photoshop đã học ở môn, sinh viên được cung cấp kiến thức về dàn trang layout, bố cục sắp xếp thông tin - chữ, hình ảnh một cách hợp lý để hỗ trợ cho việc thuyết minh đồ án, dựa trên mức độ hoàn thiện trong việc xử lý hình ảnh sản phẩm

[DE13035] Hình khối và chất liệu -----3[1.2.5]

- + Hình khối và chất liệu tạo bề mặt trong TKSP là môn học trang bị kiến thức cho sinh viên có kiến thức và kỹ năng về chất liệu và xây dựng hình khối trong thiết kế bề mặt sản phẩm nâng cao. Từ học phần này, người học ý thức được tỉ lệ, màu sắc, chất liệu, hình khối trong sáng tạo bề mặt của sản phẩm. Thông qua môn học, sinh viên ý thức được vai trò của người làm thiết kế, tự học, tự nghiên cứu để bổ sung kiến thức chuyên ngành, thường xuyên cập nhật xu hướng thiết kế mới trên thế giới, xu hướng sử dụng màu, khối, chất liệu trong các phong cách thiết kế.

[DE19006] Văn hóa và phong cách trong thiết kế sản phẩm-----3[1.2.4]

- + Nội dung của học phần cung cấp kiến thức cơ bản về những yếu tố lịch sử, văn hóa tác động đến tính thẩm mỹ trong TKSP qua từng thời kỳ phát triển. Đồng thời, cập nhật kiến thức về các xu hướng hiện nay trong lĩnh vực thiết kế sáng tạo, ứng dụng yếu tố văn hóa truyền thống trong trang trí sản phẩm, đồ nội thất.

[DE19016] Tư duy thiết kế -----3[2.1.6]

- + Tư duy thiết kế là môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng, quy tắc nền tảng về logic và phương pháp tư duy để hình thành và phát triển ý tưởng. Giới thiệu cho Sinh viên các tính chất, quy luật, nguyên lý tư duy con người và sau đó tập trung ứng dụng các nguyên lý này vào việc suy nghĩ, quyết định, giải quyết vấn đề một cách chính xác, chủ động, sáng tạo và hiệu quả. Tìm hiểu đặc điểm tư duy của người Việt.

[DE19010] Vật liệu trong TKSP -----2[1.1.3]

- + Vật liệu trong TKSP là môn học nhằm cung cấp kiến thức tổng quan về vật liệu chế tạo sản phẩm, từ khái niệm, phân loại, mục đích, tính chất vật lý, tính kinh tế và tính thẩm

mỹ cho đến ngôn ngữ vật liệu trong thiết kế tạo dáng sản phẩm công nghiệp. Ứng dụng vật liệu vào bài tập tạo mẫu đầu tiên.

[DE19018] Thực hành thiết bị -----2[0.2.3]

- + Môn học thực hành dành cho sinh viên Thiết kế sản phẩm tại nhà thực hành.
- + Môn học này hướng dẫn cho sinh viên hệ thống và quy trình làm việc và thực hành tại nhà thực hành của bộ môn.
- + Nhà thực hành cung cấp tất cả các máy móc: Máy cưa, cắt, uốn, máy cắt CNC, lò nung gốm, máy sơn, thiết bị chế tác chi tiết, ... để từ đây, sinh viên có thể thực hiện các sản phẩm của mình thiết kế thành sản phẩm thật.
- + Sinh viên hiểu rõ quy trình thực hiện sản phẩm theo dây chuyền thực tế.

[DE13039] Đồ án Thiết kế thiết bị cầm tay -----2[1.1.3]

- + Thiết kế thiết bị cầm tay là môn học đồ án nhằm cung cấp kiến thức tổng quan về các sản phẩm thiết bị cầm tay, từ đó sinh viên đưa ra các giải pháp thiết kế, tạo dáng sản phẩm thiết bị cầm tay, sao cho đạt được tiêu chí đặt ra cho môn học này.

[DE13040] Đồ án TKSP Gốm sứ -----2[1.1.3]

- + Môn học Đồ án TKSP gốm sứ cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quan về lịch sử phát triển của đồ gốm và giới thiệu một số dòng gốm tiêu biểu trên thế giới. Môn học cũng trình bày khái quát về lịch sử phát triển nghệ thuật gốm sứ Việt Nam, cũng như thực trạng làng nghề và doanh nghiệp gốm ở Việt Nam trong thời điểm hiện tại.
- + Thiết kế Gốm sứ là môn học dạng đồ án nhằm cung cấp kiến thức và kỹ năng tổng quan về các sản phẩm làm bằng chất liệu gốm sứ như: ly tách, chén bát, vật dụng trang trí gia đình, sản phẩm trang trí nội ngoại thất. Sinh viên được tìm hiểu và tiếp xúc với kỹ thuật chế tác, tạo hình bằng đất sét, kỹ thuật phủ men và cuối cùng là nung thành phẩm thật.
- + Đặc biệt, môn học cung cấp kiến thức về những phương pháp kỹ thuật và vật liệu trong quá trình thi công, chế tác sản phẩm gốm sứ. Đây là những kiến thức nền tảng để sinh viên có thể vừa thiết kế, vừa là người trực tiếp chế tác nên sản phẩm của mình.

[DE13041] Đồ án Thiết kế Trang sức -----2[1.1.3]

- + Đồ án thiết kế trang sức là một đồ án chuyên ngành cung cấp kiến thức về lịch sử phát triển ngành trang sức, cách thức phân loại các loại trang sức, gọi tên từng phong cách thiết kế trang sức và các yếu tố liên quan xung quanh lĩnh vực thiết kế trang sức, sản xuất và sử dụng các sản phẩm về trang sức như: nhân trắc học, vật liệu, kỹ thuật kim hoàn, qui trình sản xuất, các hình thức trưng bày theo một số phong cách, trào lưu, ... từ đó thiết kế trang sức một cách phù hợp.

[DE13042] Đồ án Thiết kế đồ chơi -----2[1.1.3]

- + Thiết kế đồ chơi là môn học dạng đồ án nhằm cung cấp kiến thức tổng quan về các sản phẩm đồ chơi dành cho trẻ em ở mọi lứa tuổi. Sinh viên được tìm hiểu và tiếp xúc với một dạng đối tượng đặc biệt từ tâm sinh lý, ergonomic. Từ đó phân tích được nhu cầu và phương pháp giáo dục cho từng độ tuổi của đối tượng đó. Cuối cùng, sinh viên đưa ra được những giải pháp thiết kế một sản phẩm đồ chơi, sao cho đạt được những tiêu chí đặt ra trong môn học cũng như thực tiễn xã hội.

[DE13026] Đồ án Thiết kế vật dụng nội thất -----2[1.1.3]

- + Đồ án Thiết kế vật dụng nội thất cung cấp kiến thức về các phong cách thiết kế vật dụng nội thất tiêu biểu trên thế giới qua các thời kỳ lịch sử. Ngoài ra, còn cung cấp các kiến thức về mối liên hệ giữa công năng, vật liệu, kỹ thuật, dây chuyền sản xuất, công thái học ... có ảnh hưởng đến việc thiết kế và thi công vật dụng nội thất.

[DE19020] Đồ án Thiết kế đèn trang trí -----2[1.1.3]

- + thiết kế đèn trang trí là môn học dạng đồ án nhằm cung cấp kiến thức tổng quan về các sản phẩm đèn trang trí nội và ngoại thất dành cho các loại hình không gian khác nhau. Sinh viên được tìm hiểu và tiếp xúc với một dạng sản phẩm trang trí được phát sáng. Từ đó, phân tích được nhu cầu, tính năng và đặc điểm của các loại đèn trang trí khác nhau. Cuối cùng, sinh viên đưa ra được những giải pháp thiết kế một sản phẩm đèn trang trí, sao cho đạt được những tiêu chí đặt ra trong môn học cũng như thực tiễn xã hội.

[DE13028] Thực hành TKSP thủ công truyền thống-----2[1.1.3]

- + Môn học cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng khai thác nguồn tài nguyên địa phương, ứng dụng kỹ thuật và nghệ thuật vào sản xuất sản phẩm tại địa phương. Từ đó, tạo cho người học một góc nhìn mới về giá trị truyền thống các làng nghề, nghệ nhân, và sản phẩm địa phương độc đáo.

[DE13020] Chuyên đề 1_TKSP -----2[1.1.3]

- + Chọn một trong những môn học sau:
 - [DE09024] Nghệ thuật trang trí công cộng -----2[1.1.3]
 - [DE09028] Xây dựng quy trình TKTT -----2[1.1.3]
 - [DE09030] Nghệ thuật bố cục trình bày -----2[1.1.3]
 - [DE09036] Nghệ thuật sắp đặt và trưng bày sản phẩm -----2[1.1.3]

[DE13023] Chuyên đề 2_TKSP -----2[1.1.3]

- + Chọn một trong những môn học sau:
 - [DE09037] Phong thủy -----2[1.1.3]
 - [DE09038] Ứng dụng kỹ thuật thể hiện tranh in đương đại -----2[1.1.3]
 - [DE09039] Phương pháp nhận diện ADN của thương hiệu -----2[1.1.3]
 - [DE19012] Phương pháp tìm ý trong TKSP -----2[1.1.4]

[DE13027] Đồ án tự chọn_TKSP -----2[1.1.3]

- + Chọn một trong những môn học sau:
 - [DE13030] Đồ án thiết kế giày dép -----2[1.1.3]
 - [DE13031] Đồ án thiết kế phương tiện giao thông -----2[1.1.3]

[DE13029] Đồ án tổng hợp_TKSP-----3[1.2.5]

- + Đồ án tổng hợp là đồ án cuối cùng trong hệ thống các đồ án chuyên ngành của sinh viên chuyên ngành Thiết kế sản phẩm. Sinh viên được khái quát lại tất cả các kiến thức, kỹ năng chuyên ngành một cách có hệ thống. Đồng thời, sinh viên thực hiện triển khai và hoàn thiện một dự án nghiên cứu và phát triển sản phẩm thiết kế thông qua chọn một đề tài theo lĩnh vực, đáp ứng nhu cầu thị trường và xu hướng xã hội. Đây là sự chuẩn bị cho đồ án tốt nghiệp triển khai theo đúng quy trình và kế hoạch phù hợp với năng lực và định hướng cá nhân.

Nhóm môn của chuyên ngành Thiết kế thời trang

[DE23023] Lịch sử thời trang-----2[1.1.3]

- + Lịch sử thời trang là môn học cung cấp kiến thức chuyên môn về lịch sử, quá trình hình thành và phát triển của trang phục. Thông qua đó người học sẽ nắm rõ các sự kiện lịch sử có liên quan tới trang phục và nhận thức ra ý nghĩa của các thể loại trang phục mang tính biểu trưng. Môn học còn cung cấp kiến thức quan trọng về sự hình thành của ngành công nghiệp Thời Trang (fashion industry) cùng với sự ra đời và phát triển của các xu hướng (trends) và phong cách thời trang (styles) theo các giai đoạn lịch sử mang tính cột mốc. Đây là những kiến thức đóng vai trò nền tảng trong việc hình thành tư duy và phong cách thiết kế cho người học sau này.

[DE29002] Mô tuýp và màu sắc trong TKTT -----3[1.2.5]

- + Màu sắc là nền tảng căn bản trong thiết kế . Môn học nhằm hướng trang bị những kiến thức nền tảng về quy tắc pha phối màu sắc, cách tạo nên mô tuýp và vận dụng vào chuyên môn TKTT.

[DE29006] Nguyên lý TKTT -----3[1.2.5]

- + Nguyên lý thiết kế trang phục là môn học lý thuyết có thực hành.
- + Môn học trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về nguyên lý TKTT, ngôn ngữ tạo hình trong thiết kế trang phục và các quy luật về bố cục, đường nét, hình dáng, chất liệu, màu sắc, ... trang phục, lịch sử ngành TKTT và nguyên lý thiết kế cho từng loại sản phẩm thời trang, đồng thời giúp sinh viên nắm vững và vận dụng tốt các yếu tố cơ bản trong TKTT, các phương pháp nghiên cứu, thảo luận, sưu tầm tư liệu, ... bước đầu giúp sinh viên thực hiện bản vẽ TKTT.

[DE09010] Hình họa chuyên ngành 1_TKTT -----3[1.2.4]

- + Môn học trang bị cho sinh viên lý thuyết và kỹ thuật cơ bản để vẽ người mẫu trong nhiều tư thế khác nhau, bằng các chất liệu cơ bản như bút chì, bút sắt, màu nước. Sinh viên được cung cấp kiến thức về giải phẫu tạo hình và thực hành làm quen với các bài vẽ tượng trước. Sau khi đã nắm bắt được những cấu trúc cơ bản về tỉ lệ, trục, hình khối cơ thể người, từ đó sinh viên sẽ có những cơ sở cần thiết để tập vẽ người thật. Việc liên tục vẽ với người mẫu thật nhằm phát triển kỹ năng quan sát cho người học, nâng cao sự hiểu biết về cơ thể người và kỹ năng hình họa.

[DE09015] Hình họa chuyên ngành 2_TKTT -----3[1.2.4]

- + Môn học cung cấp kiến thức cơ bản và kỹ năng về diễn họa thời trang, diễn họa trang phục. Thông qua môn học, sinh viên nắm được cách vẽ cơ thể người cách điệu theo tỉ lệ kéo dài, nghiên cứu phác họa cơ thể ở nhiều tư thế tạo dáng khác nhau, cách diễn tả trang phục, người mẫu mặc trang phục và kỹ thuật sử dụng chất liệu thường dùng trong diễn họa thời trang như bút chì, bút sắt, màu nước, chì màu, marker,... Kết thúc môn học, sinh viên hoàn thành một bộ sketch đáng để phục vụ cho mục đích thiết kế sau này.

[DE23027] Quy trình TKTT -----3[1.2.5]

- + Môn học giúp cho sinh viên hiểu rõ những kiến thức cơ bản từ việc chọn ý tưởng, viết đề cương, viết cơ sở luận, đề ra phương án, vẽ phác thảo, xử lý mẫu để có thể thể hiện một đồ án chuyên ngành thời trang một cách logic, hợp lý, và vận dụng các phương pháp nghiên cứu, trình bày ý tưởng thời trang đạt hiệu quả cao nhất.

[DE29004] Kỹ thuật mô hình thời trang 1 -----3[1.2.5]

- + Môn học cung cấp những kiến thức và kỹ năng về kỹ thuật phủ vải, nilon, giấy lên mannequin mẫu tạo nên những kiểu bóng trang phục cơ bản. Sau đó sáng tạo mẫu với những đường rã cúp bay bông, không giới hạn, triệt tiêu những đường ben đơn điệu, tạo khối, tạo những dạng dún, xếp, ... đặc biệt là kỹ thuật phẳng hóa những khối 3D thành những mảnh rập 2D để may mẫu thử, hoàn chỉnh mẫu thử và thực hiện sản phẩm thật

[DE29010] Kỹ thuật mô hình thời trang 2 -----3[1.2.5]

- + Môn học cung cấp những kiến thức và kỹ năng về kỹ thuật tạo hình, tạo khối nâng cao ngay trên cấu trúc trang phục, đặc biệt là kỹ thuật phẳng hóa những khối 3D. Với kỹ thuật làm rập 3D vải, giấy, nilon và tăng volum, sinh viên có nhiều sự biến hóa thích thú và sự chính xác khá hoàn hảo mà giấy (2D) và bút chì khó có thể tự thực hiện được, nó thoát khỏi những cách cắt may truyền thống, có khi triệt tiêu đường may.

[DE29007] Văn hóa và phong cách trong TKTT -----3[1.2.5]

- + Là môn học kết hợp giữa lý thuyết – thảo luận phản biện và thực hành. Qua môn học này sinh viên bước đầu tiếp cận và làm quen các khái niệm chuyên ngành như văn hóa, phong

cách, ... Vận dụng các phương pháp phát triển ý tưởng, xây dựng "câu chuyện" cho các thiết kế của mình từ đơn giản đến hoàn thiện.

[DE29009] Chất liệu và xử lý chất liệu TKTT -----3[1.2.5]

- + Vải là vật liệu chính trong TKTT. Môn học Chất liệu may mặc nhằm hướng trang bị cho sinh viên những kiến thức căn bản về chất liệu vải, từ cách thức nhận biết bề mặt cho đến tính chất của nhiều loại chất liệu vải khác nhau. Môn học cung cấp kiến thức nền tảng trong việc nhận biết và phân biệt chất liệu. Giúp sinh viên hình thành kỹ năng trong việc lựa chọn, xử lý và phối hợp chất liệu trong công việc thiết kế trang phục.

[DE29005] Kỹ thuật thể hiện đồ án thời trang (KT TKTT 2)-----3[1.2.5]

- + Nội dung học phần cung cấp kiến thức cơ bản về các lệnh, thao tác, quy trình làm việc với phần mềm Illustrator và Photoshop để vận dụng thực hiện ý tưởng TKTT, poster...

[DE23028] Tư duy sáng tạo TKTT -----2[1.1.3]

- + Môn học này tập trung vào việc áp dụng các nguyên tắc sáng tạo, khai phá tư duy, hướng đến sáng tạo ý tưởng và giải pháp để ứng dụng vào quá trình TKTT. Sinh viên sẽ học cách nhìn nhận vấn đề từ nhiều góc độ khác nhau, tạo ra các giải pháp độc đáo và thúc đẩy sự đổi mới trong tư duy thiết kế. Tư duy sáng tạo/Design Thinking còn là môn học khuyến khích người thiết kế trong việc tương tác với đối tượng sử dụng nhằm hiểu rõ hơn về nhu cầu của họ và tạo ra sản phẩm thời trang đáp ứng các yêu cầu đó.

[DE29003] Kỹ thuật cắt may 1 -----3[1.2.4]

- + Là môn học có trọng tâm là thực hành, rèn luyện kỹ năng. Môn học nhằm hướng trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cách lấy số đo, dụng cụ trong may mặc, phương pháp thiết kế rập, công nghệ may, ... Giúp sinh viên nắm vững và vận dụng tốt các kỹ thuật cơ bản trong cắt may thời trang nhằm hướng tới mỗi sinh viên đều có thể tự thực hiện các sản phẩm TKTT của mình. Môn học là nền tảng vững chắc trong việc thiết kế, ứng dụng trong các đồ án thực tế của những học kỳ sau.

[DE29008] Kỹ thuật cắt may 2 -----3[1.2.5]

- + Kỹ thuật cắt may 2 là môn học có trọng tâm là thực hành, rèn luyện kỹ năng. Môn học nhằm hướng trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cách lấy số đo, dụng cụ trong may mặc, phương pháp thiết kế rập, công nghệ may,... Giúp sinh viên nắm vững và vận dụng tốt các kỹ thuật cơ bản trong cắt may thời trang nhằm hướng tới mỗi sinh viên đều có thể tự thực hiện các sản phẩm TKTT của mình.

[DE29012] Đồ án Thiết kế trang phục trẻ em -----2[1.1.3]

- + Môn học giúp sinh viên nắm vững kỹ năng phân tích đối tượng trẻ em theo các nhóm tuổi khác nhau và xu hướng thời trang đương đại để từ đó kết hợp với ý tưởng của từng sinh viên và cho ra đời một bộ sưu tập thời trang trẻ em vừa đáp ứng được nhu cầu xã hội, vừa có tính thẩm mỹ và tính sáng tạo cao.

[DE29013] Đồ án thiết kế trang phục cho dáng người đặc biệt-----2[1.1.3]

- + Môn học trang bị cho sinh viên phương pháp làm việc có kế hoạch cụ thể trên cơ sở thực tế, phương pháp nghiên cứu đối tượng khách hàng, tìm tòi giải pháp thiết kế trang phục cho những người có dáng đặc biệt. Đồ án này còn giúp sinh viên nắm vững kỹ năng phân tích đặc điểm hình thể của đối tượng khách hàng, phân tích xu hướng thời trang đương đại để từ đó vận dụng yếu tố nguyên lý thị giác kết hợp với ý tưởng, xu hướng cho ra đời một bộ sưu tập trang phục nhằm tôn lên ưu điểm, hạn chế khuyết điểm của đối tượng sử dụng

[DE29014] Đồ án Thiết kế trang phục công sở -----2[1.1.3]

- + Môn học trang bị cho sinh viên phương pháp làm việc có kế hoạch cụ thể như thực tế yêu cầu, phương pháp nghiên cứu đối tượng khách hàng, tìm tòi giải pháp thiết kế trang phục công sở, đồng phục, ...

[DE29015] Đồ án Thiết kế trang phục nội y-----2[1.1.3]

- + Môn học trang bị cho sinh viên kiến thức về các phong cách thời trang nội y, kết cấu, chất liệu, phương pháp sáng tạo trang phục nội y ứng dụng và thể hiện ý tưởng. Đồng thời, môn học còn góp phần củng cố kiến thức cho sinh viên về kỹ thuật dựng hình thời trang và xử lý chất liệu. Từ đó, hỗ trợ sinh viên thực hiện hoàn chỉnh bộ sưu tập nội y.

[DE29016] Nghệ thuật trang điểm -----2[1.1.3]

- + Nghệ thuật trang điểm: điểm là một chuyên đề nghiên cứu của chuyên ngành TKTT. Môn học trang bị cho sinh viên kiến thức chung, những kỹ năng cơ bản, khả năng tư duy sáng tạo để thể hiện cụ thể các tác phẩm dựa trên nghiên cứu riêng của mỗi sinh viên. Ngoài ra, việc nghiên cứu chuyên đề còn giúp hình thành cho sinh viên kỹ năng trang điểm với các phong cách đa dạng trong lĩnh vực thời trang, giúp sinh viên kết hợp các phong cách trang điểm phù hợp với các ý tưởng thiết kế trang phục. Trang điểm đóng vai trò quan trọng trong việc làm tôn thêm vẻ đẹp và ý nghĩa truyền đạt ý tưởng của nhà thiết kế.

[DE23018] Đồ án Thiết kế trang phục lễ hội -----2[1.1.3]

- + Môn học trang bị cho sinh viên phương pháp làm việc có kế hoạch cụ thể như thực tế yêu cầu, phương pháp nghiên cứu đối tượng khách hàng, tìm tòi giải pháp thiết kế trang phục ứng dụng trong các dịp lễ, hội, carnival, ... Giúp sinh viên nắm vững và vận dụng tốt các yếu tố cơ bản trong TKTT, các phương pháp nghiên cứu, thảo luận, sưu tầm tư liệu, ... Ngoài ra, môn học còn giúp sinh viên nắm vững kỹ năng nghiên cứu, phân tích các dạng trang phục của các nền văn hóa khác nhau, kết hợp với việc phân tích xu hướng thời trang đương đại để ứng dụng vào thiết kế trang phục lễ hội đặc trưng của từng nền văn hóa.

[DE23019] Đồ án Thiết kế trang phục thể thao -----2[1.1.3]

- + Môn học nhằm hướng trang bị cho sinh viên những kiến thức về thiết kế trang phục thể thao và trang phục đạo phổ mang phong cách thể thao, phương pháp làm việc có kế hoạch cụ thể như thực tế yêu cầu, phương pháp nghiên cứu đối tượng khách hàng, tìm tòi giải pháp thiết kế trang phục thể thao.

[DE23017] Chuyên đề 1_TKTT-----2[1.1.3]

- + Chọn một trong những môn học sau:
 - [DE09024] Nghệ thuật trang trí công cộng -----2[1.1.3]
 - [DE09028] Xây dựng quy trình TKTT -----2[1.1.3]
 - [DE09030] Nghệ thuật bố cục trình bày -----2[1.1.3]
 - [DE09036] Nghệ thuật sắp đặt và trưng bày sản phẩm -----2[1.1.3]

[DE23020] Chuyên đề 2_TKTT-----2[1.1.3]

- + Chọn một trong những môn học sau:
 - [DE09033] Kỹ thuật mô hình TKTT nâng cao-----2[1.1.3]
 - [DE09035] Minh họa thời trang -----2[1.1.3]
 - [DE09039] Phương pháp nhận diện ADN của thương hiệu-----2[1.1.3]
 - [DE19012] Phương pháp tìm ý trong TKSP-----2[1.1.4]

[DE23022] Đồ án tự chọn_TKTT -----2[1.1.3]

- + Chọn một trong những môn học sau:
 - [DE23024] Đồ án thiết kế trang phục trình diễn ấn tượng-----2[1.1.3]
 - [DE23025] Tham gia thi TKTT -----2[1.1.3]
 - [DE23026] thiết kế phụ kiện -----2[1.1.3]

[DE23021] Đồ án tổng hợp_TKTT -----3[1.2.5]

- + Đây là đồ án tổng hợp, khái quát lại tất cả các bước cần thiết của một quy trình thiết kế trong đó tập trung nhiều vào nghiên cứu nhằm đưa sinh viên tiếp cận gần với thực tế thị trường thời trang một cách gần gũi và tổng quan hơn. Bên cạnh đó đồ án này sẽ phần nào tạo ra một bước đệm để sinh viên tiếp cận gần hơn với quy trình công việc của nhà thiết kế trên thực tế.

Nhóm môn của chuyên ngành Thiết kế đồ họa

[DE33029] Tư duy sáng tạo -----2[1.1.3]

- + Tư duy sáng tạo (Design Thinking) là quá trình suy nghĩ đưa ra ý tưởng sáng tạo và “hữu hình hóa” những ý tưởng trong đầu trở thành sản phẩm đồ họa cụ thể - tối ưu nó để phục vụ mục đích truyền tải hiệu quả thông điệp đến người xem.
- + Nhìn theo góc độ ý tưởng, tư duy thiết kế sẽ trải qua ba giai đoạn: Xác định và tìm ý tưởng (Identify Idea) => Nuôi dưỡng và phát triển ý tưởng (Nurturing & Expanding Idea) => Hiện thực hóa ý tưởng (Implementing Idea).

[DE33030] Lịch sử TKĐH -----2[2.0.4]

- + Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về lịch sử hình thành và phát triển của TKĐH. Từ những bức tranh trong hang động đến việc phát minh ra chữ viết, sự phát triển các bản khắc gỗ đến việc hình thành các phong cách thiết kế theo các giai đoạn lịch sử.
- + Giúp sinh viên nắm được tổng quan về khái niệm, định nghĩa các phong cách thiết kế đặc trưng giúp sinh viên hiểu và có cơ sở lý thuyết cho những môn học sau của ngành.

[DE33031] Mô hình đồ họa -----3[1.2.4]

- + Mô hình đồ họa là môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức giúp sinh viên hoàn thiện kỹ năng về khối thông qua các bài tập tương tác chất liệu trong ngành thiết kế đồ họa. Sinh viên sẽ phải nghiên cứu một trong các nền văn minh và nét văn hóa đặc trưng. Từ đó sinh viên xây dựng một sản phẩm mô hình window display mô tả sự kiện lễ hội của nền văn hóa đó. Thông qua môn học sinh viên hiểu sâu hơn những ứng dụng thực tế của lĩnh vực này trong công việc hiện tại của thị trường thiết kế đồ họa đang ngày càng mở rộng và cập nhật nhiều xu hướng thiết kế mới như: 3D Design, Decoration, ...

[DE33032] Mô tuýp và màu sắc trong TKĐH -----3[1.2.5]

- + Mô tuýp và màu sắc trong TKĐH là môn học trang bị kiến thức cho sinh viên về các nguyên tắc phối màu cơ bản màu, cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng về màu sắc và bố cục các dạng hình khối qua các bài học về màu sắc và tương tác chất liệu trong ngành TKĐH. Thông qua môn học sinh viên nắm rõ những khái niệm và chức năng của từng loại màu sắc, từng loại bố cục để ứng dụng một cách hiệu quả nhất cho các môn học, đề án tiếp theo của chuyên ngành đồ họa.

[DE09011] Hình họa chuyên ngành 1_TKĐH -----3[1.2.4]

- + Hình họa chuyên ngành 1 – TKĐH là môn học bước đầu vận dụng các kiến thức, kỹ năng ở hai học phần hình họa trước theo hướng phục vụ cho chuyên ngành (đặc biệt những đồ án thiết kế có sử dụng yếu tố tạo hình nhân vật). Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức về tỷ lệ cơ thể người; những kỹ năng đo đạc, dựng hình để có thể phác họa tư thế, dáng và chân dung người mẫu, chủ yếu ở chất liệu bút chì, bút sắt. Đồng thời, môn học cũng hướng đến việc rèn luyện cho sinh viên tính nghiêm túc, chịu khó, chủ động trong học tập.

[DE09016] Hình họa chuyên ngành 2_TKĐH -----3[1.2.4]

- + Hình họa chuyên ngành 2 – TKĐH là môn học nối tiếp với môn học Hình họa chuyên ngành 1 – TKĐH, với trọng tâm là tiếp tục nâng cao những kiến thức và kỹ năng của sinh

viên về phác họa cơ thể người, đặc biệt là kỹ năng dựng hình, bố cục người mẫu với các dáng tĩnh, động kèm theo không gian bối cảnh, ở nhiều góc nhìn khác nhau. Đồng thời, môn học cũng hướng đến việc rèn luyện kỹ năng thể hiện nhân vật bằng chất liệu màu và bước đầu triển khai ngôn ngữ cách điệu.

[DE33033] Quảng cáo đại cương -----3[2.1.4]

- + Quảng cáo đại cương là môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức về quảng cáo, tiếp thị, thương hiệu và truyền thông. thiết kế ứng dụng trong quảng cáo. Giúp sinh viên hiểu rõ những loại hình thiết kế trong tiếp thị, quảng cáo, thương hiệu và truyền thông, nắm rõ quy trình thực hiện các loại hình quảng cáo, cũng như những thiết kế ứng dụng trong từng loại hình quảng cáo.

[DE33034] Nguyên lý TKĐH -----2[1.1.4]

- + Nguyên lý TKĐH là môn học trang bị kiến thức cho sinh viên về những yếu tố và nguyên lý thiết kế, nguyên tắc hình ảnh trong thiết kế thông qua những bài tập sáng tạo nhằm khuyến khích sự trải nghiệm và phát triển theo cách thức riêng của từng cá nhân. Mục tiêu chính của môn học này là khuyến khích sinh viên phát triển và luyện tập thành thực những kỹ năng về tư duy và kỹ thuật đối với những yếu tố đồ họa cơ bản giúp phân biệt một nhà TKĐH với một kỹ thuật viên vi tính. Một Graphic Designer – người có thể giải quyết vấn đề một cách sáng tạo – là người được đào tạo để nghĩ ra, lên kế hoạch, và thể hiện thiết kế nhằm truyền đạt ý tưởng một cách giàu hình ảnh và trí tưởng tượng đến một số đối tượng người xem nhất định bằng bất cứ phương tiện truyền đạt nào. Để hình ảnh được truyền đạt hiệu quả đòi hỏi nhà TKĐH phải nắm vững cũng như vận dụng thành thạo các yếu tố và nguyên lý TKĐH.

[DE39006] Nghệ thuật chữ-----3[2.1.5]

- + Nghệ thuật chữ là môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức và khái niệm về nghệ thuật chữ, lịch sử hình thành và phát triển của chữ viết, cấu trúc và phân loại chữ viết theo bộ chữ Latin. Giới thiệu những ứng dụng của chữ trong thiết kế đồ họa, những trào lưu mới trong thiết kế chữ đương đại. Nắm rõ cách sử dụng các kiểu chữ hợp lý dựa trên nền tảng nghiên cứu và kiến thức. Hiểu rõ tầm quan trọng cũng như nét đặc trưng riêng của yếu tố chữ trong thiết kế.

[DE39008] Văn hóa và phong cách trong TKĐH-----3[1.2.5]

- + Văn hóa và phong cách trong TKĐH là môn học trang bị kiến thức cho sinh viên có cơ sở và phương pháp luận vững vàng khi thực hiện một sản phẩm TKĐH, designer cần hiểu rõ về văn hóa, nguồn gốc và các tính chất liên quan đến phong cách, xu thế của nền văn hóa đó. Môn văn hóa và phong cách cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các nền văn hóa, các nền văn hóa chính có liên quan và được sử dụng trực tiếp trong lịch sử TKĐH trên thế giới. Thông qua các bài tập ứng dụng chất liệu, sinh viên hiểu được nguyên nhân hình thành các nền văn hóa các trào lưu TKĐH chính. Từ đó vận dụng vào các đồ án chuyên ngành tiếp theo và các sản phẩm thiết kế của mình

[DE39002] Kỹ thuật thể hiện đồ án đồ họa 1 -----3[1.2.4]

- + Kỹ thuật thể hiện đồ án 1: là môn học thực hành kỹ năng sử dụng phần mềm thiết kế minh họa (Adobe Illustrator) và phần mềm thiết kế dàn trang (Adobe Indesign). Sinh viên sẽ được cung cấp và rèn luyện các kỹ năng phát triển đồ án theo từng bước từ phác thảo, tư duy đến hoàn thiện và thuyết trình giới thiệu sản phẩm.

[DE39004] Kỹ thuật thể hiện đồ án đồ họa 2 -----3[1.2.4]

- + Kỹ thuật thể hiện đồ án 2 là môn học tìm hiểu phần mềm đồ họa Photoshop và Flash và ứng dụng nó như công cụ triển khai ý tưởng cho đồ án chuyên ngành của sinh viên.

[DE33035] Kỹ thuật thể hiện đồ án đồ họa 3 -----3[1.2.5]

- + Adobe After Effect là một phần mềm xử lý, làm kỹ xảo, hiệu ứng cho video. Adobe After effect (hay còn gọi là AE) được tích hợp nhiều tính năng giúp chỉnh sửa hiệu ứng chuyển động, biên tập hình ảnh và âm thanh với các tệp video.

[DE33037] Kỹ thuật thể hiện đồ án đồ họa 4-----3[1.2.5]

- + Premiere là phần mềm được sử dụng để chỉnh sửa video. Chức năng chính của Premiere là để dựng phim, sắp xếp bố cục và lồng ghép các cảnh một cách hợp lý. Nó còn có thể chèn thêm văn bản, thêm âm thanh và một số hiệu ứng cơ bản.

[DE39009] Minh họa nhân vật-----2[1.1.3]

- + Minh họa nhân vật là môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản trong quy trình sáng tác, minh họa nhân vật. Các phong cách vẽ minh họa của các họa sỹ thế giới và Việt Nam. Cách sử dụng walcom và phát triển kỹ năng vẽ sketch, nắm bắt hình ảnh khái quát. Là cơ sở cho đồ án minh họa sau này.

[DE09029] Kỹ thuật in ấn -----2[1.1.3]

- + Kỹ thuật in ấn là môn học giúp học viên tìm hiểu quy trình và kỹ thuật hoàn thiện ấn phẩm sau khi thiết kế . Các thông số và tiêu chuẩn cần xác lập trong quá trình thiết kế .

[DE33036] Nguyên lý thiết kế bao bì-----2[1.1.4]

- + Nguyên lý thiết kế bao bì là môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tính công năng và thẩm mỹ của bao bì trong thiết kế 2D và 3D. Cách sử dụng chữ trên bao bì, cách gấp xếp tạo các mẫu bao bì. Nghiên cứu cấu trúc hình dáng không gian để phù hợp với sản phẩm bao gói và không ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm bên trong.

[DE39012] Đồ án Chữ và tín hiệu-----2[1.1.3]

- + Đồ án đồ họa chữ và tín hiệu là môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức dựa trên nền tảng bộ môn nghệ thuật chữ căn bản, đồ án chữ nhằm hướng dẫn sinh viên thực hiện những nghiên cứu sâu về tính ứng dụng của chữ trong TKĐH và giúp sinh viên khám phá Typography như một hình ảnh. Bằng những bài tập mang tính khơi gợi cảm xúc phát triển thế giới quan của mỗi sinh viên, giảng viên sẽ định hướng cho sinh viên thực hiện đồ án dựa trên năng lực và niềm yêu thích đối với bộ môn này.

[DE39013] Đồ án Đồ họa hệ thống -----2[1.1.3]

- + Đồ án đồ họa hệ thống là môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thương hiệu và thiết kế nhận dạng thương hiệu của một công ty, sản phẩm hay dịch vụ, bao gồm logo và bộ ứng dụng văn phòng. Thông qua đồ án sinh viên tìm tòi và trải nghiệm, rèn luyện năng lực tư duy, quan sát, khái quát, cách điệu, ước lệ hình ảnh. Sinh viên được khuyến khích tự do bày tỏ quan điểm, cảm xúc, và niềm yêu thích về lĩnh vực đề tài và cùng với giáo viên hướng dẫn định hướng phát triển hoàn thiện đồ án.

[DE39016] Đồ án Minh họa-----2[1.1.3]

- + Đồ án minh họa là môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quan về lịch sử của ngành Illustration. Những hiểu biết cần thiết trong quy trình sáng tác, minh họa. Rèn luyện tư duy và cái nhìn tổng quan trước khi bắt đầu công việc minh họa một sản phẩm, câu chuyện. Phát triển kỹ năng vẽ sketch, tạo lập câu chuyện, nắm bắt hình ảnh khái quát. Cập nhật các xu hướng và ứng dụng của ngành Illustration với nhu cầu xã hội, làm sao để trở thành một Illustrator chuyên nghiệp.

[DE39017] Đồ án Quảng cáo -----2[1.1.3]

- + Đồ án quảng cáo là môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức và phương pháp thiết kế ứng dụng trong quảng cáo. Thông qua môn học sinh viên nắm rõ những khái niệm và chức năng của từng sản phẩm thiết kế nhằm mục đích hỗ trợ bán hàng trong một chiến

dịch quảng cáo như poster, print ads, billboard, wobblers, leaflet, standee, banner, bandrole, hanging, ...

[DE33019] Đồ án Bao bì -----2[1.1.3]

- + Đồ án bao bì là môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức về bao bì. Sinh viên thực hiện bài tập dựa trên cơ sở bài giảng về các loại bao bì, thể loại hộp đựng, ... theo kiểu dáng hiện đại, đi cùng nhãn mác của bao bì và phần thể tích của bao đựng. Sinh viên phải thể hiện đầy đủ thông tin về hình ảnh, nội dung mà các loại bao bì phải có. Các bài thực tập có kích thước như thật, thành phẩm hoàn toàn như thật, ...

[DE33020] Đồ án Dàn trang -----2[1.1.3]

- + Đồ án dàn trang là môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức về headline, subheadline, intro, description, bodytext, quote, header & footer. Nhấn mạnh yêu cầu về bố cục, màu sắc, hình ảnh, guideline, font chữ. Hướng dẫn những tạp chí đạt chuẩn, mang tính thẩm mỹ cao qua các tạp chí. Về quy trình hình thành một tờ báo, tạp chí. Các kiến thức căn bản về biên tập nội dung, hình ảnh, cách sắp xếp và trình bày mangset của một tạp chí và các nội dung bên trong, ...

[DE33024] Kỹ thuật tranh khắc trong TKĐH -----2[1.1.3]

- + Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức về đồ họa truyền thống tranh khắc. Tìm hiểu các thể loại tranh khắc trên thế giới và Việt Nam như tranh Đông Hồ, Hàng Trống, Làng Sình, ... Sinh viên làm quen với kỹ thuật khắc, in thủ công và ứng dụng những kiến thức đã học để sáng tác ra những bộ tranh đa dạng, chủ đề phong phú.

[DE33018] Chuyên đề 1_TKĐH -----2[1.1.3]

- + Chọn một trong những môn học sau:
 - [DE09024] Nghệ thuật trang trí công cộng -----2[1.1.3]
 - [DE09028] Xây dựng quy trình TKTT -----2[1.1.3]
 - [DE09030] Nghệ thuật bố cục trình bày -----2[1.1.3]
 - [DE09036] Nghệ thuật sắp đặt và trưng bày sản phẩm -----2[1.1.3]

[DE33021] Chuyên đề 2_TKĐH -----2[1.1.3]

- + Chọn một trong những môn học sau:
 - [DE09037] Phong thủy -----2[1.1.3]
 - [DE09038] Ứng dụng kỹ thuật thể hiện tranh in đương đại -----2[1.1.3]
 - [DE09039] Phương pháp nhận diện ADN của thương hiệu -----2[1.1.3]
 - [DE19012] Phương pháp tìm ý trong TKSP -----2[1.1.4]

[DE33023] Đồ án tự chọn_TKĐH -----2[1.1.3]

- + Chọn một trong những môn học sau:
 - [DE33025] Đồ án Tổ chức sự kiện -----2[1.1.3]
 - [DE33026] Đồ án thiết kế web -----2[1.1.3]
 - [DE33027] Đồ án Quảng cáo tương tác -----2[1.1.3]

[DE33022] Đồ án tổng hợp_TKĐH -----3[1.2.5]

- + Đồ án tổng hợp là đồ án cuối cùng trong hệ thống Đồ án chuyên ngành của sinh viên chuyên ngành TKĐH. Đồ án này giúp sinh viên ôn luyện và thực hành lại tất cả các kiến thức, kỹ năng đã học trong các đồ án trước đó. Sinh viên phải học qua các kỹ năng ở đồ án trước như đồ án chữ tín hiệu, hệ thống, poster, minh họa, bao bì, dàn trang, ... Giới hạn lĩnh vực đề tài của sinh viên chọn trong nhóm đề tài về thương hiệu, sự kiện.

Nhóm môn của chuyên ngành TKNT

[DE43028] Cơ sở kiến trúc nội thất -----3[2.1.6]

- + Nội dung của học phần cung cấp kiến thức cơ bản về lịch sử kiến trúc – nội thất thế giới qua các thời kỳ từ cổ đại đến hiện đại. Sinh viên sẽ nắm được quá trình hình thành và phát triển của một số nền kiến trúc – nội thất tiêu biểu, sự tác động ảnh hưởng của nền văn hóa lên các phong cách kiến trúc – nội thất

[DE43029] Trang trí chuyên ngành 1-----3[2.1.5]

- + Môn “Trang trí chuyên ngành 1” giúp sinh viên hiểu rõ về những nguyên tắc phối màu, các loại bố cục, mô tuýp trang trí trong TKNT. Thông qua bài tập cụ thể, sinh viên sẽ ứng dụng những nguyên tắc đó để tạo ra các mẫu trang trí độc đáo đảm bảo tính chuyên nghiệp và hiệu quả cao trong việc tạo nên không gian nội thất ấn tượng.

[DE43030] Trang trí chuyên ngành 2-----3[2.1.5]

- + Môn "Trang trí chuyên ngành 2" giúp sinh viên tiếp cận khái niệm quan trọng trong lĩnh vực TKNT như văn hóa, phong cách, và xu hướng. Thông qua bài tập thực hành về trang trí màu, sinh viên học cách áp dụng các phương pháp tìm kiếm và phát triển ý tưởng sáng tạo, xây dựng một "câu chuyện" chặt chẽ về văn hóa, phong cách, hay xu hướng mới cho từng thiết kế của mình, từ những ý tưởng đơn giản đến sản phẩm hoàn thiện mang tính chuyên nghiệp.

[DE49003] Kỹ thuật thể hiện đồ án nội thất 1-----3[1.2.4]

- + Nội dung của học phần hướng dẫn kiến thức để sinh viên sử dụng các lệnh, thao tác làm việc với phần mềm Autocad từ cơ bản đến nâng cao. Sinh viên thực hành phần mềm Autocad, các tiêu chuẩn và quy ước của bản vẽ kỹ thuật, cách bố cục các thành phần trong bản vẽ để tạo hồ sơ TKNT một dự án cụ thể (nhà ở, quán café, văn phòng..)

[DE49007] Kỹ thuật thể hiện đồ án nội thất 2-----3[1.2.4]

- + Nội dung của học phần cung cấp kiến thức cơ bản về các lệnh, thao tác, quy trình làm việc với phần mềm 3DS Max và render Vray/ Corona để vận dụng thực hiện các ý tưởng thiết kế để vẽ không gian 3D Nội – Ngoại thất.

[DE49013] Kỹ thuật thể hiện đồ án nội thất 3-----3[1.2.4]

- + Nội dung học phần cung cấp kiến thức nâng cao về các lệnh dựng hình phức tạp, diễn họa vật liệu, ánh sáng chuyên sâu, xử lý hậu kỳ, ...với phần mềm 3DS Max và Vray/ Corona, Photoshop.. vận dụng thực hiện thiết kế 3D trang thiết bị, không gian 3D Nội – Ngoại thất.

[DE43031] Kỹ thuật thể hiện đồ án nội thất 4-----3[1.2.4]

- + Nội dung của học phần hướng dẫn sinh viên sử dụng các phần mềm công nghệ để trình bày ý tưởng thiết kế chuyên nghiệp hơn: dàn trang (indesign, photoshop..), render 360, phim 3d (3DsMax, sketchup, Lumion,..) Áp dụng kiến thức môn học, sinh viên thực hành hồ sơ thuyết minh concept TKNT/ ngoại thất 3D của 1 căn hộ / shop trưng bày/ quán café..(diện tích tối thiểu 50m2). Hồ sơ thuyết minh bao gồm tập hồ sơ dàn trang khổ A3, cùng 1 đoạn video diễn họa (tối thiểu 30s) một góc trong không gian đó

[DE09012] Hình họa chuyên ngành 1_TKNT-----3[1.2.4]

- + Hình họa chuyên ngành 1 – TKNT 1 là môn học cơ sở ngành, nhằm cung cấp những kiến thức và kỹ năng cơ bản, liên quan đến việc phác họa không gian cũng như diễn họa vật liệu trong TKNT. Thông qua môn học, sinh viên được thực hành phác họa không gian 1 điểm tụ, 2 điểm tụ. Ngoài ra, sinh viên được rèn luyện kỹ năng diễn tả một số vật liệu như: thủy tinh, kiếng, gỗ, đá, gạch... thông qua mẫu diễn họa tiêu biểu. Cuối học kỳ, sinh viên sẽ vận dụng kiến thức và kỹ năng có được để thể hiện bài diễn họa không gian thực tế kèm theo một vài sản phẩm nội thất thường gặp.

[DE09017] Hình họa chuyên ngành 2_TKNT-----3[1.2.4]

- + Hình họa chuyên ngành 2 – TKNT là môn học cơ sở ngành tiếp theo Hình họa chuyên ngành 1 – TKNT, tiếp tục đi sâu vào việc cung cấp kiến thức và kỹ năng liên quan đến việc diễn họa những không gian nội thất hoàn chỉnh ở cấp độ phức tạp hơn trên máy (digital). Thông qua môn học, sinh viên được thực hành phân tích và phác họa tổ hợp khối để dễ dàng phân tích tổ hợp cấu trúc của không gian nội thất ngoài thực tế. Ngoài ra, sinh viên sẽ tiếp tục được rèn luyện kỹ năng diễn tả những không gian nội thất cụ thể như nhà ở, văn phòng, dịch vụ giải trí... thông qua các mẫu diễn họa tiêu biểu. Cuối học kỳ, sinh viên sẽ vận dụng kiến thức và kỹ năng diễn họa có được để thể hiện bài diễn họa không gian nội thất cụ thể trên máy.

[DE49004] Nguyên lý TKNT-----3[2.1.5]

- + Môn học "Nguyên lý TKNT" tập trung vào khả năng hiểu và áp dụng các nguyên lý trong TKNT. Nó bao gồm nội dung về lịch sử ngành, các nguyên lý thiết kế, lối lưu thông, ánh sáng, màu sắc, bố trí, vật liệu... và thực hành thông qua việc nghiên cứu, seminar, và các bài tập thiết kế cho không gian cụ thể. Môn này còn giúp sinh viên phát triển kiến thức và kỹ năng cần thiết để tạo ra các không gian nội thất đảm bảo công năng và thẩm mỹ cao.

[DE49006] Vật liệu nội thất -----3[2.1.5]

- + Môn "Vật liệu Nội thất" đưa sinh viên vào hành trình trở thành những chuyên gia TKNT với kiến thức sâu rộng và sự hiểu biết sâu sắc về tính chất, hiệu suất, thẩm mỹ, chi phí, và nguồn cung cấp của từng loại vật liệu. Sinh viên cũng được tập trung vào việc nghiên cứu quá trình sản xuất vật liệu để có khả năng đưa ra lựa chọn và ứng dụng đầy sáng tạo trong TKNT.

[DE49017] Cấu tạo kiến trúc-----3[2.1.5]

- + Môn học "Cấu tạo Kiến trúc" tập trung vào việc nghiên cứu và hiểu sâu về nguyên tắc cơ bản của cấu trúc kiến trúc, cách kiến trúc được thiết kế, xây dựng và hoạt động. Hiểu về các yếu tố tác động lên kiến trúc và cách chúng ảnh hưởng đến không gian nội thất. Kiến thức môn học giúp sinh viên áp dụng để lựa chọn giải pháp TKNT phù hợp, hài hòa thống nhất với kiến trúc, đảm bảo tính ổn định, bền vững an toàn và thẩm mỹ cho công trình.

[DE49010] Cấu tạo nội thất -----3[2.1.5]

- + Môn học "Cấu tạo Nội thất" không chỉ giúp sinh viên hiểu sâu về cấu trúc, chi tiết liên kết, cấu tạo, qui cách gia công.. của không gian nội thất nói chung, đồ nội thất nói riêng mà còn phát triển kỹ năng thiết kế sáng tạo và kỹ thuật sản xuất. Môn học giúp sinh viên áp dụng triển khai hồ sơ thi công nội thất cụ thể, đảm bảo các thiết kế là đúng kỹ thuật, an toàn, sáng tạo và thẩm mỹ

[DE43032] Đồ án Ngoại thất sân vườn cảnh quan-----2[1.1.3]

- + "Đồ án Ngoại thất sân vườn công viên" hướng dẫn qui trình thiết kế không gian ngoại thất cho công trình cụ thể: sân vườn nhà ở, biệt thự, công viên, quán café, resort, khu vui chơi, không gian xanh... Sinh viên sẽ học cách phân tích đặc điểm tự nhiên, điều kiện khí hậu, diện tích, cảnh quan kiến trúc..để thực hành thiết kế các dự án ngoại thất phù hợp với chức năng và nhu cầu công trình đó. Sinh viên ứng dụng kiến thức môn học để thực hiện qui trình thiết kế một không gian ngoại thất tùy chọn (diện tích từ 500 – 3000m²), thể hiện hồ sơ thiết kế bằng bản vẽ tay hoặc máy trên 1 bảng A1 và mô hình mô phỏng không gian ngoại thất đó trên 1 bảng A1, tỉ lệ 1:100 đến 1:500

[DE49012] Đồ án Nội thất công trình nhà ở-----2[1.1.3]

- + Đồ án trang bị kiến thức chuyên ngành và hướng dẫn qui trình TKNT công trình nhà ở (Biệt thự, căn hộ, nhà phố...); tiêu chuẩn TKNT cơ bản cho các phòng chức năng trong nhà ở như phòng khách, phòng ngủ, bếp, phòng ăn, phòng tắm... bao gồm việc lựa chọn đồ đạc, màu sắc, vật liệu, và ánh sáng, phong cách thiết kế phù hợp. Sinh viên ứng dụng

để thực hiện qui trình thiết kế một không gian nội thất nhà ở cụ thể (diện tích tối thiểu 75m²), thể hiện hồ sơ thiết kế bằng bản vẽ tay hoặc máy trên 2 bảng A1.

[DE43033] Nghệ thuật chiếu sáng -----2[1.1.3]

+ Thiết kế chiếu sáng nội thất là một phần trong lĩnh vực nghiên cứu về chiếu sáng của kiến trúc và kỹ thuật công trình. Mục tiêu môn học đảm bảo cho công trình nội ngoại thất được chiếu sáng theo 3 tiêu chí:

- Vừa đảm bảo công năng chiếu sáng phù hợp loại công trình và mục đích sử dụng.
- Vừa thỏa mãn tính thẩm mỹ, ý đồ thiết kế .
- Vừa tiết kiệm về năng lượng và chi phí sử dụng.

+ Môn học đặc biệt nhấn mạnh vào tiêu chí thứ hai: mối quan hệ các thành phần trong chiếu sáng nội ngoại thất, cách sử dụng kết hợp các thành phần đó để tạo ra hiệu quả về thị giác, tâm lý khác nhau. Từ đó trang bị cho sinh viên có kiến thức và ý thức sử dụng ánh sáng như một thành phần trong thiết kế

[DE49014] Đồ án Nội thất công trình Trưng bày - Thương mại -----2[1.1.3]

+ Đồ án “ Nội thất công trình Trưng bày - Thương mại” trang bị kiến thức chuyên ngành, hướng dẫn qui trình TKNT công trình trưng bày và thương mại như cửa hàng, showroom, hay triển lãm. Sinh viên vận dụng kiến thức môn học, thực hành TKNT không gian trưng bày phù hợp với thông tin thương hiệu, phong cách, ngân sách mục tiêu trưng bày... và các yếu tố thẩm mỹ hấp dẫn, hiệu quả về mặt thương mại. Hồ sơ thiết kế thể hiện bằng máy (Autocad/ sketch up/ 3DsMax ...).

[DE49015] Đồ án Nội thất công trình văn phòng-----2[1.1.3]

+ Đồ án Nội thất công trình văn phòng trang bị kiến thức chuyên ngành, hướng dẫn qui trình TKNT công trình văn phòng, tiêu chuẩn thiết kế đồ nội thất văn phòng, nhu cầu làm việc, sơ đồ tổ chức, ngân sách, tiến độ.. Sinh viên vận dụng kiến thức môn học, thực hành TKNT không gian làm việc của một văn phòng cụ thể phù hợp nhu cầu, chức năng hoạt động của văn phòng đó đảm bảo hiệu quả về mặt làm việc, không gian thoải mái, ấn tượng. Hồ sơ thiết kế thể hiện bằng máy (Autocad/ sketch up/ 3DsMax ...).

[DE43019] Đồ án Nội thất công trình dịch vụ giải trí-----2[1.1.3]

+ Đồ án Nội thất công trình dịch vụ giải trí trang bị kiến thức chuyên ngành, hướng dẫn qui trình TKNT công trình dịch vụ (ăn uống, lưu trú, giải trí, chăm sóc sức khỏe, ...) tiêu chuẩn thiết kế phân loại theo sao phù hợp loại hình giải trí, phong cách thương hiệu, ngân sách. Sinh viên vận dụng kiến thức môn học, thực hành TKNT không gian dịch vụ phù hợp nhu cầu, chức năng hoạt động của công trình đó, đảm bảo khách hàng có không gian trải nghiệm giải trí tốt nhất. Hồ sơ thiết kế thể hiện bằng máy (Autocad/ sketch up/ 3DsMax ...).

[DE43020] Đồ án Nội thất công trình văn hóa giáo dục -----2[1.1.3]

+ "Đồ án Nội thất công trình Văn hóa giáo dục" là một phần quan trọng của chương trình đào tạo TKNT và tập trung vào việc hướng dẫn qui trình TKNT cho các công trình văn hóa và giáo dục như trường học, thư viện, bảo tàng, và các không gian văn hóa khác. Sinh viên sẽ học các tiêu chuẩn TKNT phù hợp với mục tiêu giáo dục và phong cách văn hóa của công trình. Áp dụng kiến thức môn học, sinh viên thực hành Áp dụng kiến thức môn học, sinh viên thực hành TKNT không gian văn hóa giáo dục, đưa ra các giải pháp TKNT tối ưu, thẩm mỹ và hỗ trợ mục tiêu giáo dục và văn hóa của công trình. Hồ sơ thiết kế thể hiện bằng máy (Autocad/ sketch up/ 3DsMax ...).

[DE43034] Dự toán Nội thất-----2[1.1.3]

+ "Dự toán Nội thất" cung cấp kiến thức cho sinh viên dự đoán và quản lý các khía cạnh tài chính của dự án nội thất. Môn học không chỉ giúp sinh viên biết cách xác định và phân

- loại các chi phí cụ thể trong dự án nội thất, mà còn phát triển kỹ năng dự toán và quản lý ngân sách cần thiết để thực hiện các dự án nội thất thành công và có lợi nhuận.
- + Áp dụng kiến thức môn học, sinh viên thực hành cách xây dựng bảng dự toán cho một dự án nội thất cụ thể: các yếu tố nội thất, bao gồm vật tư, nhân công, thiết bị, và chi phí liên quan khác. Bài báo cáo dự toán nội thất sinh viên thực hiện bằng phần mềm excel

[DE43035] Quản lý dự án Nội thất-----2[1.1.3]

- + Môn học "Quản lý dự án TKNT" đóng vai trò quan trọng trong việc đào tạo chuyên gia TKNT và quản lý dự án. Môn học giúp sinh viên hiểu vai trò, nhiệm vụ của người quản lý dự án, từ việc lập kế hoạch, quản lý nguồn lực đến việc giải quyết vấn đề liên quan và đảm bảo sự thành công của dự án nội thất. Áp dụng kiến thức môn học, sinh viên thực hành cách lên kế hoạch quản lý cho một dự án thiết kế , thi công nội thất: xác định công việc cần thực hiện, và ước tính thời gian và nguồn lực cần thiết, quản lý ngân sách, khối lượng và tiến độ. Bài báo cáo Quản lý dự án TKNT sinh viên thực hiện bằng phần mềm excel/ project.

[DE43017] Chuyên đề 1_TKNT -----2[1.1.3]

- + Chọn một trong những môn học sau:
 - [DE09024] Nghệ thuật trang trí công cộng -----2[1.1.3]
 - [DE09028] Xây dựng quy trình TKTT -----2[1.1.3]
 - [DE09030] Nghệ thuật bố cục trình bày -----2[1.1.3]
 - [DE09036] Nghệ thuật sắp đặt và trưng bày sản phẩm -----2[1.1.3]

[DE43021] Chuyên đề 2_TKNT -----2[1.1.3]

- + Chọn một trong những môn học sau:
 - [DE09037] Phong thủy -----2[1.1.3]
 - [DE09038] Ứng dụng kỹ thuật thể hiện tranh in đương đại -----2[1.1.3]
 - [DE09039] Phương pháp nhận diện ADN của thương hiệu -----2[1.1.3]
 - [DE19012] Phương pháp tìm ý trong TKSP-----2[1.1.4]

[DE43024] Đồ án tự chọn_TKNT-----2[1.1.3]

- + Chọn một trong những môn học sau:
 - [DE43025] Đồ án Sản phẩm tái chế -----2[1.1.3]
 - [DE43026] Đồ án Tổ chức sự kiện-----2[1.1.3]
 - [DE43027] Đồ án Trang thiết bị nội thất-----2[1.1.3]

[DE43023] Đồ án tổng hợp_TKNT-----3[1.2.5]

- + Mục tiêu chính của môn học là phát triển khả năng nghiên cứu và phân tích dữ liệu liên quan đến thiết kế nội thất. Môn học hướng dẫn qui trình nghiên cứu để sinh viên thực hiện một dự án thiết kế nội thất cụ thể, làm tiền đề cho đồ án tốt nghiệp. Sinh viên thu thập dữ liệu thiết kế để phân tích và đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến dự án. Dựa trên kết quả phân tích, sinh viên sẽ đề xuất trọng tâm tiêu chí thiết kế và ứng dụng vào bố trí mặt bằng thiết kế với giải pháp tối ưu nhất cho dự án đó. Hồ sơ nghiên cứu dự án thể hiện bằng máy (word/ indesign..).

Nhóm môn Bài thi tốt nghiệp

Thực tập tốt nghiệp----- 2[0.2.2]

- + Thực tập tốt nghiệp tạo điều kiện cho sinh viên được làm quen với môi trường làm việc thực tế, ứng dụng những kiến thức đã học vào công việc cụ thể tại một doanh nghiệp để khi ra trường có được một nền tảng kinh nghiệm nhất định. Đồng thời giúp cho sinh viên tiếp xúc trực tiếp với các doanh nghiệp, cơ sở thuộc chuyên môn để từ đó có được hướng lựa chọn nơi làm việc phù hợp sau khi tốt nghiệp.

- + Bên cạnh đó, Thực tập Tốt nghiệp được triển khai với mục đích khảo sát và lấy số liệu, dữ kiện từ thực tiễn nhằm hỗ trợ cho phần nghiên cứu của Đồ án tốt nghiệp.

Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp----- 7[0.7.7]

- + Sinh viên hoàn thành đồ án này sẽ chứng minh được khả năng tự đặt ra vấn đề liên quan đến ngành nghề và giải quyết vấn đề sao cho hiệu quả theo cách riêng của mình. Sinh viên tiếp tục nghiên cứu sâu hơn một trong những hướng phát triển từ đồ án nghiên cứu, đồ án tổng hợp và nghiên cứu chuyên đề từ đó thể hiện kiến thức tổng hợp, kỹ năng chuyên ngành và thái độ nghề nghiệp cho bài đồ án cuối cùng trước khi tốt nghiệp ra trường đủ chất lượng chuyên môn đáp ứng nhu cầu xã hội.
- + Sinh viên tự chọn đề tài nghiên cứu thông qua đề cương tốt nghiệp dưới sự hướng dẫn của giảng viên.
- + Sinh viên tự thực hiện đồ án tốt nghiệp cùng với sự hướng dẫn của giảng viên và khuyến khích sinh viên lựa chọn những đề tài gắn với thực tiễn xã hội. Sinh viên nộp bản in phần thuyết minh đề tài và bản vẽ thiết kế, ảnh, mô hình hoặc sản phẩm mẫu.

17. Chương trình đào tạo được rà soát, cập nhật và thông qua:

- + Cập nhật lần 01: -----Tháng 08/2017
- + Cập nhật lần 02 (thay đổi nhóm môn chính trị): -----Tháng 09/2019
- + Cập nhật lần 03 (hướng dẫn thực hiện) -----Tháng 09/2020
- + Cập nhật lần 04 (điều chỉnh chuyên ngành Thiết kế Sản phẩm) -----Tháng 10/2021
- + Cập nhật lần 06 (chuẩn đầu ra, hướng dẫn thực hiện) -----Tháng 09/2022
- + Cập nhật lần 07 (chuẩn đầu ra, nội dung CTĐT, nội dung các môn Tiếng Anh, cơ sở, chuyên ngành) -----Tháng 09/2023
- + Cập nhật lần 08 (Nội dung môn Giáo dục thể chất; đổi tên và cập nhật nội dung môn học chuyên ngành Thiết kế sản phẩm; Thiết kế thời trang, Thiết kế nội thất; Bổ sung môn học tự chọn của chuyên ngành Thiết kế đồ họa) -----Tháng 09/2024
- + Cập nhật lần 09 (Cập nhật Quy chế quản lý đào tạo; hiệu chỉnh Vị trí việc làm sau tốt nghiệp; bổ sung Phương pháp giảng dạy; Bổ sung Phương pháp Kiểm tra, đánh giá) -----Tháng 09/2025

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 09 năm 2025

BAN CHỦ NHIỆM KHOA

HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. Đỗ Lệnh Hùng Tú

PGS. TS. Cao Hào Thi

STT	HỌC KỲ	MSMH	TÊN MÔN HỌC	MÔN BẮT BUỘC HOẶC KIẾN THỨC	MÔN BẮT BUỘC HOẶC TƯ CHỌN	PHÂN BỐ SỐ TÍN CHỈ											PHÂN BỐ SỐ TIẾT									PHƯƠNG THỨC ĐÁNH GIÁ ĐIỂM THÀNH PHẦN, KIỂM TRA, THI						YÊU CẦU CHI TIẾT TRIỂN KHAI MÔN HỌC (NEU CÓ) phòng học hay địa điểm học	TỔ BỘ MÔN THUỘC KHOA BAN CHUYÊN MÔN
						MÔ TẢ TÍN CHỈ	TỔNG TÍN CHỈ	LÝ THUYẾT	BÀI TẬP	THẢO LUẬN	TỰ/TM/TH	ĐỒ ÁN/BTL	LUẬN ÁN	TỐT NGHIỆP	TỰ HỌC	TỔNG TIẾT	LÝ THUYẾT	BÀI TẬP	THẢO LUẬN	TỰ/TM/TH	ĐỒ ÁN/BTL	LUẬN ÁN	TỐT NGHIỆP	TỰ HỌC	% ĐIỂM THÀNH PHẦN			HÌNH THỨC K/TRA - THI		THỜI GIAN K/TRA - THI			
																									QUÁ TRÌNH	GIỮA KỲ	CUỐI KỲ	K/TRA GIỮA KỲ	THE CUỐI KỲ	K/TRA GIỮA KỲ	THE CUỐI KỲ		
01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34
01	HK1	DE09046	Tin học đại cương và thực hành	[1]	BB	3[1.2.4]	3	1	0	0	2	0	0	0	4	75	15	0	0	60	0	0	0	60	20	30	50	TH	TH	0	0	[PM]	[DE00]
02	HK1	GS19007	Tiếng Anh 1	[2]	BB	2[1.1.3]	2	1	0	1	0	0	0	0	3	45	15	0	30	0	0	0	0	45	10	20	70	VD	TN	15	75	[NN]	[GS01]
03	HK1	GS79005	Triết học Mác - Lênin	[2]	BB	3[3.0.6]	3	3	0	0	0	0	0	0	6	45	45	0	0	0	0	0	0	90	20	30	50	TL	TL	45	60	[LT]	[GS07]
04	HK1	GS79006	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	[2]	BB	2[2.0.4]	2	2	0	0	0	0	0	0	4	30	30	0	0	0	0	0	0	60	20	30	50	TL	TL	45	60	[LT]	[GS07]
05	HK1	DE09001	Design đại cương	[3]	BB	2[2.0.4]	2	2	0	0	0	0	0	0	4	30	30	0	0	0	0	0	0	60	10	30	60	TL	TL	15	75	[LT]	[DE00]
06	HK1	DE09002	Hình họa 1	[3]	BB	3[1.2.4]	3	1	0	0	1	1	0	0	4	90	15	0	0	30	45	0	0	60	20	30	50	TH	TH	0	0	[VE]	[DE00]
07	HK1	DE09003	Lược sử mỹ thuật Thế giới và Việt Nam	[3]	BB	3[3.0.6]	3	3	0	0	0	0	0	0	6	45	45	0	0	0	0	0	0	90	10	20	70	VD	TL	0	0	[LT]	[DE00]
08	HK1	DE09047	Nguyên lý thị giác	[3]	BB	3[2.1.5]	3	2	0	0	1	0	0	0	5	60	30	0	0	30	0	0	0	75	10	30	60	VD	TN	0	0	[LT]	[DE00]
09	HK2	GS93005	Giáo dục thể chất 1	[0.2]	BB	0[0.2.3]	0	0	1	0	1	0	0	0	3	45	0	15	0	30	0	0	0	45	30	0	70	0	0	0	0	[SA]	[GS09]
10	HK2	GS19008	Tiếng Anh 2	[2]	BB	2[1.1.3]	2	1	0	1	0	0	0	0	3	45	15	0	30	0	0	0	0	45	10	20	70	VD	TN	15	75	[NN]	[GS01]
11	HK2	DE09006	Hình họa 2	[3]	BB	3[1.2.4]	3	1	0	0	1	1	0	0	4	90	15	0	0	30	45	0	0	60	20	30	50	TH	TH	0	0	[VE]	[DE00]
12	HK2	DE09048	Vẽ kỹ thuật	[3]	BB	2[1.1.3]	2	1	0	0	1	0	0	0	3	45	15	0	0	30	0	0	0	45	10	20	70	BT	VE	0	0	[LT]	[DE00]
13	HK2	DE09008	Thực tập cơ sở	[3]	BB	1[0.1.1]	1	0	0	0	0	1	0	0	1	45	0	0	0	0	45	0	0	15	0	0	100	0	BC/TL	0	0	[NT]	[DE00]
14	HK2	DE19001	Kỹ thuật mô hình sản phẩm	[3]	BB	3[1.2.4]	3	1	0	0	2	0	0	0	4	75	15	0	0	60	0	0	0	60	10	40	50	TH	DA	0	0	[CD]	[DE01]
15	HK2	DE19003	Mô tuýp và màu sắc trong thiết kế sản phẩm	[3]	BB	3[1.2.4]	3	1	0	0	2	0	0	0	4	75	15	0	0	60	0	0	0	60	20	30	50	TH	TH	0	0	[LT]	[DE01]
16	HK2	DE19008	Nguyên lý thiết kế sản phẩm	[3]	BB	2[1.1.4]	2	1	1	0	0	0	0	0	4	30	15	15	0	0	0	0	0	60	20	30	50	VD	TH	0	0	[LT]	[DE01]
17	HK2	DE13033	Lịch sử thiết kế sản phẩm	[3]	BB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	10	30	60	VD	TL	0	0	[LT]	[DE01]
18	HK2	DE09005	Ergonomics	[3]	BB	2[1.1.3]	2	1	0	0	1	0	0	0	3	45	15	0	0	30	0	0	0	45	10	20	70	VD	TN	0	0	[LT]	[DE00]
19	HK3	GS93006	Giáo dục thể chất 2 (tự chọn)	[0.2]	BB	0[0.2.1]	0	0	1	0	1	0	0	0	1	45	0	15	0	30	0	0	0	15	30	0	70	0	0	0	0	[SA]	[GS09]
20	HK3	GS19009	Tiếng Anh 3	[2]	BB	2[1.1.3]	2	1	0	1	0	0	0	0	3	45	15	0	30	0	0	0	0	45	10	20	70	VD	TN	15	75	[NN]	[GS01]
21	HK3	GS79007	Chủ nghĩa xã hội khoa học	[2]	BB	2[2.0.4]	2	2	0	0	0	0	0	0	4	30	30	0	0	0	0	0	0	60	20	30	50	TL	TL	45	60	[LT]	[GS07]
22	HK3	DE09009	Hình họa chuyên ngành 1 TK Sản phẩm	[3]	BB	3[1.2.4]	3	1	0	0	1	1	0	0	4	90	15	0	0	30	45	0	0	60	20	30	50	TH	TH	0	0	[VE]	[DE00]
23	HK3	DE13034	Kỹ thuật thể hiện đồ án TKSP 1	[3]	BB	3[1.2.4]	3	1	0	0	2	0	0	0	4	75	15	0	0	60	0	0	0	60	10	40	50	TH	TH	0	0	[PM]	[DE01]
24	HK3	DE13035	Hình khối và chất liệu	[3]	BB	3[1.2.5]	3	1	1	0	0	1	0	0	5	75	15	15	0	0	45	0	0	75	20	30	50	TH	TH	0	0	[CD]	[DE01]
25	HK3	DE19006	Văn hóa và phong cách trong thiết kế sản phẩm	[3]	BB	3[1.2.4]	3	1	0	0	2	0	0	0	4	75	15	0	0	60	0	0	0	60	20	30	50	VD	TH	0	0	[LT]	[DE01]
26	HK3	DE19016	Tư duy thiết kế	[3]	BB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	10	30	60	TL	TL	0	0	[LT]	[DE01]
27	HK3	DE19018	Thực hành thiết bị	[4]	BB	2[0.2.3]	2	0	1	0	1	0	0	0	3	45	0	15	0	30	0	0	0	45	10	40	50	VD	TH	0	0	[TH]	[DE01]
28	HK4	MO3002	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	[0.1]	BB	0[6.3.16]	0	6	1	0	2	0	0	0	16	165	90	15	0	60	0	0	0	240	0	0	100	0	TH+TN	0	0	[QP]	[MI00]
29	HK4	GS93007	Giáo dục thể chất 3 (tự chọn)	[0.2]	BB	0[0.2.1]	0	0	1	0	1	0	0	0	1	45	0	15	0	30	0	0	0	15	30	0	70	0	0	0	0	[SA]	[GS09]
30	HK4	GS19010	Tiếng Anh 4	[2]	BB	2[1.1.3]	2	1	0	1	0	0	0	0	3	45	15	0	30	0	0	0	0	45	10	20	70	VD	TN	15	120	[NN]	[GS01]
31	HK4	GS79008	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	[2]	BB	2[2.0.4]	2	2	0	0	0	0	0	0	4	30	30	0	0	0	0	0	0	60	20	30	50	TL	TL	45	60	[LT]	[GS07]
32	HK4	DE09013	Nghệ thuật ảnh	[3]	BB	2[1.1.3]	2	1	0	0	1	0	0	0	3	45	15	0	0	30	0	0	0	45	10	20	70	VD	TH	0	0	[LT]	[DE00]
33	HK4	DE09014	Hình họa chuyên ngành 2 TK Sản phẩm	[3]	BB	3[1.2.4]	3	1	0	0	1	1	0	0	4	90	15	0	0	30	45	0	0	60	20	30	50	TH	TH	0	0	[VE]	[DE00]
34	HK4	DE13036	Kỹ thuật thể hiện đồ án TKSP 2	[3]	BB	3[1.2.6]	3	1	0	0	2	0	0	0	6	75	15	0	0	60	0	0	0	90	10	40	50	TH	TH	0	0	[PM]	[DE01]
35	HK4	DE19010	Vật liệu trong Thiết kế sản phẩm	[3]	BB	2[1.1.3]	2	1	0	0	1	0	0	0	3	45	15	0	0	30	0	0	0	45	10	30	60	VD	DA	0	0	[CD]	[DE01]
36	HK4	DE13039	Đồ án Thiết kế thiết bị cầm tay	[4]	BB	2[1.1.3]	2	1	0	0	0	1	0	0	3	60	15	0	0	0	45	0	0	45	10	30	60	VD	DA	0	0	[CD]	[DE01]
37	HK4	DE13040	Đồ án Thiết kế sản phẩm Gốm Sứ	[4]	BB	2[1.1.3]	2	1	0	0	0	1	0	0	3	60	15	0	0	0	45	0	0	45	10	30	60	VD	TH	0	0	[CD]	[DE01]
38	HK5	GS29001	Pháp luật Việt Nam đại cương	[2]	BB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	10	40	50	TN	TN	60	60	[LT]	[GS02]
39	HK5	GS79009	Tư tưởng Hồ Chí Minh	[2]	BB	2[2.0.4]	2	2	0	0	0	0	0	0	4	30	30	0	0	0	0	0	0	60	20	30	50	TL	TL	45	60	[LT]	[GS07]
40	HK5	DE19011	Thực tập chuyên ngành	[3]	BB	2[0.2.2]	2	0	0	0	0	2	0	0	2	90	0	0	0	0	90	0	0	30	0	0	100	0	BC/TL	0	0	[NT]	[DE01]
41	HK5	DE09018	Cơ sở văn hóa Việt Nam	[3]	BB	2[2.0.4]	2	2	0	0	0	0	0	0	4	30	30	0	0	0	0	0	0	60	10	20	70	VD	TL	0	0	[LT]	[DE00]
42	HK5	DE09020	Ảnh studio	[3]	BB	2[0.2.2]	2	0	0	0	2	0	0	0	2	60	0	0	0	60	0	0	0	30	10	40	50	VD	TH	0	0	[ST]	[DE00]
43	HK5	DE13037	Kỹ thuật thể hiện đồ án TKSP 3	[3]</																													

STT	HỌC KỲ	MSMH	TÊN MÔN HỌC	MÔN HỌC THUỘC KHỐI KIẾN THỨC	MÔN BẮT BUỘC HOẶC TỰ CHỌN	PHÂN BỐ SỐ TÍN CHỈ											PHÂN BỐ SỐ TIẾT									PHƯƠNG THỨC ĐÁNH GIÁ ĐIỂM THÀNH PHẦN, KIỂM TRA, THI						YÊU CẦU CHI TIẾT TRIỂN KHAI MÔN HỌC (NẾU CÓ) phòng học hay địa điểm học	TỔ BỘ MÔN THUỘC KHOA BAN CHUYÊN MÔN
						MÔ TẢ TÍN CHỈ	TỔNG TÍN CHỈ	LÝ THUYẾT	BÀI TẬP	THẢO LUẬN	T/TN/TH	ĐỒ ÁN/BTL	LUẬN ÁN	TỐT NGHIỆP	TỰ HỌC	TỔNG TIẾT	LÝ THUYẾT	BÀI TẬP	THẢO LUẬN	T/TN/TH	ĐỒ ÁN/BTL	LUẬN ÁN	TỐT NGHIỆP	TỰ HỌC	% ĐIỂM THÀNH PHẦN			HÌNH THỨC K/TRA - THI		THỜI GIAN K/TRA - THI			
																									QUÁ TRÌNH	GIỮA KỲ	CUỐI KỲ	K/TRA GIỮA KỲ	THE CUỐI KỲ	K/TRA GIỮA KỲ	THE CUỐI KỲ		
01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34
01	HK6_TC	GS09011	KHXHNV Tiếng Việt thực hành	[2]	TC	2[2.0.4]	2	2	0	0	0	0	0	0	4	30	30	0	0	0	0	0	0	60	0	0	0	0	0	0	0	[LT]	[GS00]
02	HK6_TC	GS09012	KHXHNV Kỹ năng giao tiếp	[2]	TC	2[1.1.3]	2	1	0	1	0	0	0	0	3	45	15	0	30	0	0	0	0	45	0	0	0	0	0	0	0	[LT]	[GS00]
03	HK6_TC	GS09021	KHXHNV Tiếng Anh chuyên ngành	[2]	TC	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	0	0	0	0	0	0	0	[LT]	[GS00]
04	HK6_TC	DE09024	Mỹ thuật trang trí công cộng	[3]	TC	2[1.1.3]	2	1	0	0	1	0	0	0	3	45	15	0	0	30	0	0	0	45	0	0	0	0	0	0	0	[LT] - [CD]	[DE00]
05	HK6_TC	DE09028	Xây dựng quy trình thiết kế thời trang	[3]	TC	2[1.1.3]	2	1	0	0	1	0	0	0	3	45	15	0	0	30	0	0	0	45	0	0	0	0	0	0	0	[LT] - [CD]	[DE00]
06	HK6_TC	DE09030	Nghệ thuật bố cục trình bày	[3]	TC	2[1.1.3]	2	1	0	0	1	0	0	0	3	45	15	0	0	30	0	0	0	45	0	0	0	0	0	0	0	[LT] - [CD]	[DE00]
07	HK6_TC	DE09036	Nghệ thuật sắp đặt và trưng bày sản phẩm	[3]	TC	2[1.1.3]	2	1	0	0	1	0	0	0	3	45	15	0	0	30	0	0	0	45	0	0	0	0	0	0	0	[LT] - [CD]	[DE00]
08	HK7_TC	DE09037	Phong thủy	[3]	TC	2[1.1.3]	2	1	0	0	1	0	0	0	3	45	15	0	0	30	0	0	0	45	0	0	0	0	0	0	0	[LT] - [CD]	[DE00]
09	HK7_TC	DE09038	Ứng dụng kỹ thuật thể hiện tranh in dương đại	[3]	TC	2[1.1.3]	2	1	0	0	1	0	0	0	3	45	15	0	0	30	0	0	0	45	0	0	0	0	0	0	0	[LT] - [CD]	[DE00]
10	HK7_TC	DE09039	Phương pháp nhận diện ADN của thương hiệu	[3]	TC	2[1.1.3]	2	1	0	0	1	0	0	0	3	45	15	0	0	30	0	0	0	45	10	40	50	VD	TH	0	0	[LT]	[DE00]
11	HK7_TC	DE19012	Phương pháp tìm ý trong thiết kế	[3]	TC	2[1.1.4]	2	1	1	0	0	0	0	0	4	30	15	15	0	0	0	0	0	60	0	0	0	0	0	0	0	[LT] - [CD]	[DE01]
12	HK7_TC	DE13030	Đồ án Thiết kế giấy dán	[4]	TC	2[1.1.3]	2	1	0	0	0	1	0	0	3	60	15	0	0	0	45	0	0	45	0	0	0	0	0	0	0	[CD]	[DE01]
13	HK7_TC	DE13031	Đồ án Thiết kế phương tiện giao thông	[4]	TC	2[1.1.3]	2	1	0	0	0	1	0	0	3	60	15	0	0	0	45	0	0	45	0	0	0	0	0	0	0	[CD]	[DE01]

QUY ƯỚC KÝ HIỆU:

CỘT [05] KHỐI KIẾN THỨC

[0] Kiến thức giáo dục chuyên biệt

[0.1] Giáo dục quốc phòng - an ninh

[0.2] Giáo dục thể chất

Kiến thức giáo dục đại cương

[1] Khoa học tự nhiên

[2] Khoa học xã hội nhân văn

Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

[3] Cơ sở ngành

[4] Chuyên ngành

[5] Nhóm môn bài thi tốt nghiệp

[5.1] Thực tập tốt nghiệp

[5.2] Bài thi tốt nghiệp - tự chọn

[5.3] Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp

[5.4] Thi tốt nghiệp

CỘT [06] MÔN HỌC BẮT BUỘC, TỰ CHỌN

BB Môn học bắt buộc

TC Môn học tự chọn

TN Nhóm môn tốt nghiệp - bắt buộc.

Sinh viên chọn hình thức thực hiện

CỘT [29] & [30] HÌNH THỨC KIỂM TRA, THI

[VD]

Thi vấn đáp

[TN]

Thi trắc nghiệm

[TL]

Thi tự luận

[TH]

Thi thực hành

[BC]

Nộp báo cáo / Báo cáo / Tiểu luận

[LA]

Luận án / Báo vệ Luận án

[DA]

Nộp đồ án / Bảo vệ đồ án môn học

[CH]

Thi trắc nghiệm và tự luận

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

Ngành: THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP chuyên ngành THIẾT KẾ THỜI TRANG [Mã ngành: 7210402]

STT	HỌC KỲ	MSMH	TÊN MÔN HỌC		MÔN HỌC THUỘC KHỐI KIẾN THỨC	MÔN BẮT BUỘC HOẶC TU CHỌN	PHÂN BỐ SỐ TÍN CHỈ										PHÂN BỐ SỐ TIẾT										PHƯƠNG THỨC ĐÁNH GIÁ ĐIỂM THÀNH PHẦN, KIỂM TRA, THI						YÊU CẦU CHI TIẾT MÔN HỌC (NEU CÓ) phòng học hay địa điểm học	TỔ BỘ MÔN THUỘC KHOA BAN CHUYÊN MÔN
							MÔ TẢ TÍN CHỈ	TỔNG TÍN CHỈ	LÝ THUYẾT	BÀI TẬP	THẢO LUẬN	TT/NT/TH	ĐỒ AN/TL	LUẬN AN	TỐT NGHIỆP	TU HỌC	TỔNG TIẾT	LÝ THUYẾT	BÀI TẬP	THẢO LUẬN	TT/NT/TH	ĐỒ AN/TL	LUẬN AN	TỐT NGHIỆP	TU HỌC	% ĐIỂM THÀNH PHẦN		HÌNH THỨC K/TRA - THI		THỜI GIAN K/TRA - THI				
																										QUẢ TRINH	GIỮA KỲ	CUỐI KỲ	K/TRA GIỮA KỲ	THE CUỐI KỲ	K/TRA GIỮA KỲ	THE CUỐI KỲ		
01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	
01	HK1	DE09046	Tin hoc đại cương và thực hành	[1]	BB	3[1,2.4]	3	1	0	0	2	0	0	0	4	75	15	0	0	60	0	0	0	0	60	20	30	50	TH	TH	0	0	[PM]	[DE00]
02	HK1	GS19007	Tiếng Anh 1	[2]	BB	2[1,1.3]	2	1	0	1	0	0	0	0	3	45	15	0	30	0	0	0	0	45	10	20	70	VD	TN	15	75	[NN]	[GS01]	
03	HK1	GS79005	Triết học Mác - Lênin	[2]	BB	3[3.0.6]	3	3	0	0	0	0	0	0	6	45	45	0	0	0	0	0	0	90	20	30	50	TL	TL	45	60	[LT]	[GS07]	
04	HK1	GS79006	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	[2]	BB	2[2,0.4]	2	2	0	0	0	0	0	0	4	30	30	0	0	0	0	0	0	60	20	30	50	TL	TL	45	60	[LT]	[GS07]	
05	HK1	DE09001	Design đại cương	[3]	BB	2[2,0.4]	2	2	0	0	0	0	0	0	4	30	30	0	0	0	0	0	0	60	10	30	60	TL	TL	15	75	[LT]	[DE00]	
06	HK1	DE09002	Hình họa 1	[3]	BB	3[1,2.4]	3	1	0	0	1	1	0	0	4	90	15	0	0	30	45	0	0	60	20	30	50	TH	TH	0	0	[VE]	[DE00]	
07	HK1	DE09003	Lược sử mỹ thuật Thế giới và Việt Nam	[3]	BB	3[3,0.6]	3	3	0	0	0	0	0	0	6	45	45	0	0	0	0	0	0	90	10	20	70	VD	TL	0	0	[LT]	[DE00]	
08	HK1	DE09047	Nguyên lý thị giác	[3]	BB	3[2,1.5]	3	2	0	0	1	0	0	0	5	60	30	0	0	30	0	0	0	75	10	30	60	VD	TN	0	0	[LT]	[DE00]	
09	HK2	GS93005	Giáo dục thể chất 1	[0,2]	BB	0[0,2.3]	0	0	1	0	1	0	0	0	3	45	0	15	0	30	0	0	0	45	30	0	70	0	0	0	0	[SA]	[GS09]	
10	HK2	GS19008	Tiếng Anh 2	[2]	BB	2[1,1.3]	2	1	0	1	0	0	0	0	3	45	15	0	30	0	0	0	0	45	10	20	70	VD	TN	15	75	[NN]	[GS01]	
11	HK2	DE09005	Ergonomics	[3]	BB	2[1,1.3]	2	1	0	0	1	0	0	0	3	45	15	0	0	30	0	0	0	45	10	20	70	VD	TN	0	0	[LT]	[DE00]	
12	HK2	DE09006	Hình họa 2	[3]	BB	3[1,2.4]	3	1	0	0	1	1	0	0	4	90	15	0	0	30	45	0	0	60	20	30	50	TH	TH	0	0	[VE]	[DE00]	
13	HK2	DE09048	Vẽ kỹ thuật	[3]	BB	2[1,1.3]	2	1	0	0	1	0	0	0	3	45	15	0	0	30	0	0	0	45	10	20	70	BT	VE	0	0	[LT]	[DE00]	
14	HK2	DE09008	Thực tập cơ sở	[3]	BB	1[0,1.1]	1	0	0	0	0	1	0	0	1	45	0	0	0	0	45	0	0	15	0	0	100	0	BC/TL	0	0	[NT]	[DE00]	
15	HK2	DE29006	Nguyên lý thiết kế thời trang	[3]	BB	3[1,2.5]	3	1	1	0	1	0	0	0	5	60	15	15	0	30	0	0	0	75	10	40	50	VD	TH	0	0	[LT]	[DE02]	
16	HK2	DE29002	Mô tuýp và màu sắc trong thiết kế thời trang	[3]	BB	3[1,2.5]	3	1	1	0	0	1	0	0	5	75	15	15	0	0	45	0	0	75	10	40	50	VD	TH	0	0	[LT]	[DE02]	
17	HK2	DE29003	Kỹ thuật cắt may 1	[4]	BB	3[1,2.4]	3	1	0	0	1	1	0	0	4	90	15	0	0	30	45	0	0	60	10	40	50	TH	TH	0	0	[CD]	[DE02]	
18	HK3	GS93006	Giáo dục thể chất 2 (tự chọn)	[0,2]	BB	0[0,2.1]	0	0	1	0	1	0	0	0	1	45	0	15	0	30	0	0	0	15	30	0	70	0	0	0	0	[SA]	[GS09]	
19	HK3	GS19009	Tiếng Anh 3	[2]	BB	2[1,1.3]	2	1	0	1	0	0	0	0	3	45	15	0	30	0	0	0	0	45	10	20	70	VD	TN	15	75	[NN]	[GS01]	
20	HK3	GS79007	Chủ nghĩa xã hội khoa học	[2]	BB	2[2,0.4]	2	2	0	0	0	0	0	0	4	30	30	0	0	0	0	0	0	60	20	30	50	TL	TL	45	60	[LT]	[GS07]	
21	HK3	DE09010	Hình họa chuyên ngành 1 TK Thời trang	[3]	BB	3[1,2.4]	3	1	0	0	1	1	0	0	4	90	15	0	0	30	45	0	0	60	10	40	50	TH	TH	0	0	[VE]	[DE00]	
22	HK3	DE29004	Kỹ thuật mô hình thời trang 1	[3]	BB	3[1,2.5]	3	1	1	0	0	1	0	0	5	75	15	15	0	0	45	0	0	75	10	40	50	TH	TH	0	0	[LT]	[DE02]	
23	HK3	DE23027	Quy trình thiết kế thời trang	[3]	BB	3[1,2.5]	3	1	1	0	1	0	0	0	5	60	15	15	0	30	0	0	0	75	10	40	50	TH	TH	0	0	[PM]	[DE02]	
24	HK3	DE29007	Văn hóa và phong cách trong thiết kế thời trang	[3]	BB	3[1,2.5]	3	1	1	0	0	1	0	0	5	75	15	15	0	0	45	0	0	75	10	40	50	TH	TH	0	0	[LT]	[DE02]	
25	HK3	DE29008	Kỹ thuật cắt may 2	[4]	BB	3[1,2.5]	3	1	1	0	0	1	0	0	5	75	15	15	0	0	45	0	0	75	10	40	50	TL	TH	0	0	[CD]	[DE02]	
26	HK4	M103002	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	[0,1]	BB	0[6,3.16]	0	6	1	0	2	0	0	0	16	165	90	15	0	60	0	0	0	240	0	0	100	0	TH+TN	0	0	[QP]	[M100]	
27	HK4	GS93007	Giáo dục thể chất 3 (tự chọn)	[0,2]	BB	0[0,2.1]	0	0	1	0	1	0	0	0	1	45	0	15	0	30	0	0	0	15	30	0	70	0	0	0	0	[SA]	[GS09]	
28	HK4	GS19010	Tiếng Anh 4	[2]	BB	2[1,1.3]	2	1	0	1	0	0	0	0	3	45	15	0	30	0	0	0	0	45	10	20	70	VD	TN	15	120	[NN]	[GS01]	
29	HK4	GS79008	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	[2]	BB	2[2,0.4]	2	2	0	0	0	0	0	0	4	30	30	0	0	0	0	0	0	60	20	30	50	TL	TL	45	60	[LT]	[GS07]	
30	HK4	DE09013	Nghệ thuật ảnh	[3]	BB	2[1,1.3]	2	1	0	0	1	0	0	0	3	45	15	0	0	30	0	0	0	45	10	20	70	VD	TH	0	0	[LT]	[DE00]	
31	HK4	DE09015	Hình họa chuyên ngành 2 TK Thời trang	[3]	BB	3[1,2.4]	3	1	0	0	1	1	0	0	4	90	15	0	0	30	45	0	0	60	10	40	50	TH	TH	0	0	[VE]	[DE00]	
32	HK4	DE29009	Chất liệu và xử lý chất liệu TK Thời trang	[3]	BB	3[1,2.5]	3	1	1	0	0	1	0	0	5	75	15	15	0	0	45	0	0	75	10	40	50	LT	TH	0	0	[CD]	[DE02]	
33	HK4	DE29010	Kỹ thuật mô hình thời trang 2	[3]	BB	3[1,2.5]	3	1	1	0	0	1	0	0	5	75	15	15	0	0	45	0	0	75	10	30	40	VD	TH	0	0	[CD]	[DE02]	
34	HK4	DE29012	Đồ án Thiết kế trang phục trẻ em	[4]	BB	2[1,1.3]	2	1	0	0	0	1	0	0	3	60	15	0	0	0	45	0	0	45	10	40	50	VD	DA	0	0	[CD]	[DE02]	
35	HK4	DE29013	Đồ án TK trang phục cho người đặc biệt	[4]	BB	2[1,1.3]	2	1	0	0	0	1	0	0	3	60	15	0	0	0	45	0	0	45	10	40	50	VD	DA	0	0	[CD]	[DE02]	
36	HK5	GS29001	Pháp luật Việt Nam đại cương	[2]	BB	3[2,1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	10	40	50	TN	TN	60	60	[LT]	[GS02]	
37	HK5	GS79009	Tư tưởng Hồ Chí Minh	[2]	BB	2[2,0.4]	2	2	0	0	0	0	0	0	4	30	30	0	0	0	0	0	0	60	20	30	50	TL	TL	45	60	[LT]	[GS07]	
38	HK5	DE29011	Thực tập chuyên ngành	[3]	BB	2[0,2.2]	2	0	0	0	0	2	0	0	2	90	0	0	0	0	90	0	0	30	0	0	0	100	0	BC/TL	0	0	[NT]	[DE02]
39	HK5	DE09018	Cơ sở văn hóa Việt Nam	[3]	BB	2[2,0.4]	2	2	0	0	0	0	0	0	4	30	30	0	0	0	0	0	0	60	10	20	70	VD	TL	0	0	[LT]	[DE00]	
40	HK5	DE29005	Kỹ thuật thể hiện đồ án thời trang (KTTKTT 2)	[3]	BB	3[1,2.5]	3	1	1	0	0	1	0	0	5	75	15	15	0	0	45	0	0	75	10	40	50	TH	TH	0	0	[PM]	[DE02]	
41	HK5	DE09020	Anh studio	[3]	BB	2[0,2.2]	2	0	0	0	2	0	0	0	2	60	0	0	0	60	0	0	0	30	10	40	50	VD	TH	0	0	[ST]	[DE00]	
42	HK5	DE29014	Đồ án Thiết kế trang phục công sở	[4]	BB	2[1,1.3]	2	1	0	0	0	1	0	0	3	60	15	0	0	0	45	0	0	45	10	40	50	VD	DA	0	0	[CD]	[DE02]	
43	HK5	DE29015	Đồ án Thiết kế trang phục nội y	[4]	BB	2[1,1.3]	2	1	0	0	0	1	0	0	3	60	15	0	0	0	45	0	0	45	10	40	50	VD	DA	0	0	[CD]	[DE02]	
44	HK5	DE29016	Nghệ thuật trang điểm	[4]	BB	2[1,1.3]	2	1	0	0	0	1	0	0	3	60	15	0	0	0	45	0	0	45	0	0	0	VD	TH	0	0	[CD]	[DE02]	
45	HK6	GS09010	Môn học tự chọn 1 KHXXNV	[2]	TC	2[2,0.4]	2	2	0	0	0	0	0	0	4	30	30	0	0	0	0	0	0	60	0	0	0	0	VD	0	0	0	[GS00]	
46	HK6	DE09019	Lịch sử văn minh thế giới	[3]	BB	3[3,0.6]	3	3	0	0	0	0	0	0	6	45	45	0	0	0	0	0	0	90	10	30	60	VD	BC/TL	0	0	[LT]	[DE00]	
47	HK6	DE23017	Chuyên đề 1 TK Thời trang	[3]	TC	2[1,1.3]	2	1	0	0	1	0	0	0	3	45	15	0	0	30	0	0	0	45	0	0	0	0	0	0	0	0	[LT]	[DE02]
48	HK6	DE23023	Lịch sử thời trang	[4]	BB	2[1,1.3]	2	1	0	0	1	0	0	0	3	45	15	0	0	30	0	0	0	45	10	40	50	VD	TL/TH	0	0	[LT]	[DE02]	
49	HK6	DE23018	Đồ án Thiết kế trang phục lễ hội	[4]	BB	2[1,1.3]	2	1	0	0	0	1	0	0	3	60	15	0	0	0	45	0	0	45	10	30								

STT	HỌC KỲ	MSMH	TÊN MÔN HỌC	MÔN HỌC THUỘC KHỐI KIẾN THỨC	MÔN BẮT BUỘC HOẶC TỰ CHỌN	PHÂN BỐ SỐ TÍN CHỈ											PHÂN BỐ SỐ TIẾT										PHƯƠNG THỨC ĐÁNH GIÁ ĐIỂM THÀNH PHẦN, KIỂM TRA, THI						YÊU CẦU CHI TIẾT TRIỂN KHAI MÔN HỌC (NẾU CÓ) phòng học hay địa điểm học	TỔ BỘ MÔN THUỘC KHOA BAN CHUYÊN MÔN
						MÔ TẢ TÍN CHỈ	TỔNG TÍN CHỈ	LÝ THUYẾT	BÀI TẬP	THẢO LUẬN	T/TN/TH	ĐỒ ÁN/BTL	LUẬN ÁN	TỐT NGHIỆP	TỰ HỌC	TỔNG TIẾT	LÝ THUYẾT	BÀI TẬP	THẢO LUẬN	T/TN/TH	ĐỒ ÁN/BTL	LUẬN ÁN	TỐT NGHIỆP	TỰ HỌC	% ĐIỂM THÀNH PHẦN			HÌNH THỨC K/TRA - THI		THỜI GIAN K/TRA - THI				
																									QUÁ TRÌNH	GIỮA KỲ	CUỐI KỲ	K/TRA GIỮA KỲ	THE CUỐI KỲ	K/TRA GIỮA KỲ	THE CUỐI KỲ			
01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	
02	HK6_TC	GS09012	KHXHNV_Kỹ năng giao tiếp	[2]	TC	2[1.1.3]	2	1	0	1	0	0	0	0	3	45	15	0	30	0	0	0	0	45	0	0	0	0	0	0	0	[LT]	[GS00]	
03	HK6_TC	GS09021	KHXHNV_Tiếng Anh chuyên ngành	[2]	TC	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	0	0	0	0	0	0	0	[LT]	[GS00]	
04	HK6_TC	DE09024	Nghệ thuật trang trí công cộng	[3]	TC	2[1.1.3]	2	1	0	0	1	0	0	0	3	45	15	0	0	30	0	0	0	45	0	0	0	0	0	0	0	[LT] - [CD]	[DE00]	
05	HK6_TC	DE09028	Xây dựng quy trình thiết kế thời trang	[3]	TC	2[1.1.3]	2	1	0	0	1	0	0	0	3	45	15	0	0	30	0	0	0	45	0	0	0	0	0	0	0	[LT] - [CD]	[DE00]	
06	HK6_TC	DE09030	Nghệ thuật bố cục trình bày	[3]	TC	2[1.1.3]	2	1	0	0	1	0	0	0	3	45	15	0	0	30	0	0	0	45	0	0	0	0	0	0	0	[LT] - [CD]	[DE00]	
07	HK6_TC	DE09036	Nghệ thuật sắp đặt và trưng bày sản phẩm	[3]	TC	2[1.1.3]	2	1	0	0	1	0	0	0	3	45	15	0	0	30	0	0	0	45	0	0	0	0	0	0	0	[LT] - [CD]	[DE00]	
08	HK7_TC	DE09033	Kỹ thuật mô hình thời trang năng cao	[3]	TC	2[1.1.3]	2	1	0	0	1	0	0	0	3	45	15	0	0	30	0	0	0	45	0	0	0	0	0	0	0	[LT] - [CD]	[DE00]	
09	HK7_TC	DE09035	Mình họa thời trang	[3]	TC	2[1.1.3]	2	1	0	0	1	0	0	0	3	45	15	0	0	30	0	0	0	45	0	0	0	0	0	0	0	[LT] - [CD]	[DE00]	
10	HK7_TC	DE09038	Ứng dụng kỹ thuật thể hiện tranh in đương đại	[3]	TC	2[1.1.3]	2	1	0	0	1	0	0	0	3	45	15	0	0	30	0	0	0	45	0	0	0	0	0	0	0	[LT] - [CD]	[DE00]	
11	HK7_TC	DE09039	Phương pháp nhận diện ADN của thương hiệu	[3]	TC	2[1.1.3]	2	1	0	0	1	0	0	0	3	45	15	0	0	30	0	0	0	45	10	40	50	VD	TH	0	0	[LT]	[DE00]	
12	HK7_TC	DE23024	Đồ án Thiết kế trang phục trình diễn ấn tượng	[4]	TC	2[1.1.3]	2	1	0	0	0	1	0	0	3	60	15	0	0	0	45	0	0	45	0	0	0	0	0	0	0	[CD]	[DE02]	
13	HK7_TC	DE23025	Tham gia thi thiết kế thời trang	[4]	TC	2[1.1.3]	2	1	0	0	0	1	0	0	3	60	15	0	0	0	45	0	0	45	0	0	0	0	0	0	0	[LT] - [CD]	[DE02]	
14	HK7_TC	DE23026	Thiết kế phụ kiện	[4]	TC	2[1.1.3]	2	1	0	0	0	1	0	0	3	60	15	0	0	0	45	0	0	45	0	0	0	0	0	0	0	[LT] - [CD]	[DE02]	

QUY ƯỚC KÝ HIỆU:

- CỘT [05] KHỐI KIẾN THỨC**
- [0] Kiến thức giáo dục chuyên biệt
- [0.1] Giáo dục quốc phòng - an ninh
- [0.2] Giáo dục thể chất
- Kiến thức giáo dục đại cương**
- [1] Khoa học tự nhiên
- [2] Khoa học xã hội nhân văn
- Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp**
- [3] Cơ sở ngành
- [4] Chuyên ngành
- [5] Nhóm môn bài thi tốt nghiệp
- [5.1] Thực tập tốt nghiệp
- [5.2] Bài thi tốt nghiệp - tự chọn
- [5.3] Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp
- [5.4] Thi tốt nghiệp

- CỘT [06] MÔN HỌC BẮT BUỘC, TỰ CHỌN**
- BB Môn học bắt buộc
- TC Môn học tự chọn
- TN Nhóm môn tốt nghiệp - bắt buộc.
- Sinh viên chọn hình thức thực hiện

- CỘT [29] & [30] HÌNH THỨC KIỂM TRA, THI**
- [VD] Thi vấn đáp
- [TN] Thi trắc nghiệm
- [TL] Thi tự luận
- [TH] Thi thực hành
- [BC] Nộp báo cáo / Báo cáo / Tiểu luận
- [LA] Luận án / Báo vệ Luận án
- [DA] Nộp đồ án / Báo vệ đồ án môn học
- [CH] Thi trắc nghiệm và tự luận

STT	HỌC KỲ	MSMH	TÊN MÔN HỌC	MÔN BẮT BUỘC HOẶC KIẾN THỨC	MÔN BẮC BUỘC HOẶC TƯ CHỌN	PHÂN BỐ SỐ TÍN CHỈ											PHÂN BỐ SỐ TIẾT											PHƯƠNG THỨC ĐÁNH GIÁ ĐIỂM THÀNH PHẦN, KIỂM TRA, THI								YÊU CẦU CHI TIẾT TRIỂN KHAI MÔN HỌC (NẾU CÓ) phòng học hay địa điểm học	TỔ BỘ MÔN THUỘC KHOA BAN CHUYÊN MÔN
																												% ĐIỂM THÀNH PHẦN				HÌNH THỨC K/TRA - THI		THỜI GIAN K/TRA - THI			
						MÔ TẢ TÍN CHỈ	TỔNG TÍN CHỈ	LÝ THUYẾT	BÀI TẬP	THẢO LUẬN	TỰ/TM/TH	ĐỒ ÁN/BTL	LUẬN ÁN	TỐT NGHIỆP	TỰ HỌC	TỔNG TIẾT	LÝ THUYẾT	BÀI TẬP	THẢO LUẬN	TỰ/TM/TH	ĐỒ ÁN/BTL	LUẬN ÁN	TỐT NGHIỆP	TỰ HỌC	QUÁ TRÌNH GIỮA KỲ	CUỐI KỲ	K/TRA GIỮA KỲ	THE CUỐI KỲ	K/TRA GIỮA KỲ	THE CUỐI KỲ							
01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34				
01	HK1	DE09046	Tin học đại cương và thực hành	[1]	BB	3[1.2.4]	3	1	0	0	2	0	0	0	4	75	15	0	0	60	0	0	0	60	20	30	50	TH	TH	0	0	[PM]	[DE00]				
02	HK1	GS19007	Tiếng Anh 1	[2]	BB	2[1.1.3]	2	1	0	1	0	0	0	0	3	45	15	0	30	0	0	0	0	45	10	20	70	VD	TN	15	75	[NN]	[GS01]				
03	HK1	GS79005	Triết học Mác - Lênin	[2]	BB	3[3.0.6]	3	3	0	0	0	0	0	0	6	45	45	0	0	0	0	0	0	90	20	30	50	TL	TL	45	60	[LT]	[GS07]				
04	HK1	GS79006	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	[2]	BB	2[2.0.4]	2	2	0	0	0	0	0	0	4	30	30	0	0	0	0	0	0	60	20	30	50	TL	TL	45	60	[LT]	[GS07]				
05	HK1	DE09001	Design đại cương	[3]	BB	2[2.0.4]	2	2	0	0	0	0	0	0	4	30	30	0	0	0	0	0	0	60	10	30	60	TL	TL	15	75	[LT]	[DE00]				
06	HK1	DE09002	Hình họa 1	[3]	BB	3[1.2.4]	3	1	0	0	1	1	0	0	4	90	15	0	0	30	45	0	0	60	20	30	50	TH	TH	0	0	[VE]	[DE00]				
07	HK1	DE09003	Lược sử mỹ thuật Thế giới và Việt Nam	[3]	BB	3[3.0.6]	3	3	0	0	0	0	0	0	6	45	45	0	0	0	0	0	0	90	10	20	70	VD	TL	0	0	[LT]	[DE00]				
08	HK1	DE09047	Nguyên lý thị giác	[3]	BB	3[2.1.5]	3	2	0	0	1	0	0	0	5	60	30	0	0	30	0	0	0	75	10	30	60	VD	TN	0	0	[LT]	[DE00]				
09	HK2	GS93005	Giáo dục thể chất 1	[0.2]	BB	0[0.2.3]	0	0	1	0	1	0	0	0	3	45	0	15	0	30	0	0	0	45	30	0	70	0	0	0	0	[SA]	[GS09]				
10	HK2	GS19008	Tiếng Anh 2	[2]	BB	2[1.1.3]	2	1	0	1	0	0	0	0	3	45	15	0	30	0	0	0	0	45	10	20	70	VD	TN	15	75	[NN]	[GS01]				
11	HK2	DE33029	Tư duy sáng tạo	[3]	BB	2[1.1.3]	2	1	1	0	0	0	0	0	3	30	15	15	0	0	0	0	0	45	10	20	70	VD	TN	0	0	[LT]	[DE03]				
12	HK2	DE09006	Hình họa 2	[3]	BB	3[1.2.4]	3	1	0	0	1	1	0	0	4	90	15	0	0	30	45	0	0	60	20	30	50	TH	TH	0	0	[VE]	[DE00]				
13	HK2	DE33030	Lịch sử thiết kế Đồ họa	[3]	BB	2[2.0.4]	2	2	0	0	0	0	0	0	4	30	30	0	0	0	0	0	0	60	10	20	70	BT	VE	0	0	[LT]	[DE03]				
14	HK2	DE09008	Thực tập cơ sở	[3]	BB	1[0.1.1]	1	0	0	0	0	1	0	0	1	45	0	0	0	0	45	0	0	15	0	0	100	0	BC/TL	0	0	[NT]	[DE00]				
15	HK2	DE33031	Mô hình đồ họa	[3]	BB	3[1.2.4]	3	1	0	0	1	1	0	0	4	90	15	0	0	30	45	0	0	60	10	40	50	TH	TH	0	0	[LT]	[DE03]				
16	HK2	DE39002	Kỹ thuật thể hiện đồ án đồ họa 1	[3]	BB	3[1.2.4]	3	1	0	0	2	0	0	0	4	75	15	0	0	60	0	0	0	60	20	30	50	TH	TH	0	0	[PM]	[DE03]				
17	HK2	DE33032	Mô tuýp và màu sắc trong thiết kế đồ họa	[3]	BB	3[1.2.5]	3	1	0	0	2	0	0	0	5	75	15	0	0	60	0	0	0	75	10	40	50	TH	TH	0	0	[LT]	[DE03]				
18	HK3	GS93006	Giáo dục thể chất 2 (tự chọn)	[0.2]	BB	0[0.2.1]	0	0	1	0	1	0	0	0	1	45	0	15	0	30	0	0	0	15	30	0	70	0	0	0	0	[SA]	[GS09]				
19	HK3	GS19009	Tiếng Anh 3	[2]	BB	2[1.1.3]	2	1	0	1	0	0	0	0	3	45	15	0	30	0	0	0	0	45	10	20	70	VD	TN	15	75	[NN]	[GS01]				
20	HK3	GS79007	Chủ nghĩa xã hội khoa học	[2]	BB	2[2.0.4]	2	2	0	0	0	0	0	0	4	30	30	0	0	0	0	0	0	60	20	30	50	TL	TL	45	60	[LT]	[GS07]				
21	HK3	DE09011	Hình họa chuyên ngành 1. TK Đồ họa	[3]	BB	3[1.2.4]	3	1	0	0	1	1	0	0	4	90	15	0	0	30	45	0	0	60	10	40	50	TH	TH	0	0	[VE]	[DE00]				
22	HK3	DE39004	Kỹ thuật thể hiện đồ án đồ họa 2	[3]	BB	3[1.2.4]	3	1	0	0	2	0	0	0	4	75	15	0	0	60	0	0	0	60	20	30	50	TH	TH	0	0	[LT]	[DE03]				
23	HK3	DE33033	Quảng cáo đại cương	[3]	BB	3[2.1.4]	3	2	1	0	0	0	0	0	4	45	30	15	0	0	0	0	0	60	10	40	50	TH	TH	0	0	[LT]	[DE03]				
24	HK3	DE39006	Nghệ thuật chữ	[3]	BB	3[2.1.5]	3	2	0	0	1	0	0	0	5	60	30	0	0	30	0	0	0	75	10	40	50	TH	TH	0	0	[CD]	[DE03]				
25	HK3	DE33034	Nguyên lý thiết kế đồ họa	[3]	BB	2[1.1.4]	2	1	0	0	1	0	0	0	4	45	15	0	0	30	0	0	0	60	10	40	50	VD	TH	0	0	[PM]	[DE03]				
26	HK3	DE39008	Văn hóa và phong cách trong thiết kế đồ họa	[3]	BB	3[1.2.5]	3	1	0	0	2	0	0	0	5	75	15	0	0	60	0	0	0	75	10	40	50	TH	TH	0	0	[LT]	[DE03]				
27	HK4	MJ03002	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	[0.1]	BB	0[6.3.16]	0	6	1	0	2	0	0	0	16	165	90	15	0	60	0	0	0	240	0	0	100	0	TH+TN	0	0	[QP]	[MJ00]				
28	HK4	GS93007	Giáo dục thể chất 3 (tự chọn)	[0.2]	BB	0[0.2.1]	0	0	1	0	1	0	0	0	1	45	0	15	0	30	0	0	0	15	30	0	70	0	0	0	0	[SA]	[GS09]				
29	HK4	GS19010	Tiếng Anh 4	[2]	BB	2[1.1.3]	2	1	0	1	0	0	0	0	3	45	15	0	30	0	0	0	0	45	10	20	70	VD	TN	15	120	[NN]	[GS01]				
30	HK4	GS79008	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	[2]	BB	2[2.0.4]	2	2	0	0	0	0	0	0	4	30	30	0	0	0	0	0	0	60	20	30	50	TL	TL	45	60	[LT]	[GS07]				
31	HK4	DE09013	Nghệ thuật ảnh	[3]	BB	2[1.1.3]	2	1	0	0	1	0	0	0	3	45	15	0	0	30	0	0	0	45	10	20	70	VD	TH	0	0	[LT]	[DE00]				
32	HK4	DE09016	Hình họa chuyên ngành 2. TK Đồ họa	[3]	BB	3[1.2.4]	3	1	0	0	1	1	0	0	4	90	15	0	0	30	45	0	0	60	10	40	50	TH	TH	0	0	[VE]	[DE00]				
33	HK4	DE39009	Mình họa nhân vật	[3]	BB	2[1.1.3]	2	1	0	0	0	1	0	0	3	60	15	0	0	45	0	0	0	45	15	25	60	VD	DA	0	0	[CD]	[DE03]				
34	HK4	DE33035	Kỹ thuật thể hiện đồ án đồ họa 3	[3]	BB	3[1.2.5]	3	1	1	0	1	0	0	0	5	60	15	15	0	30	0	0	0	75	20	30	50	VD	TL	0	0	[CD]	[DE03]				
35	HK4	DE39012	Đồ án Chữ và tín hiệu	[4]	BB	2[1.1.3]	2	1	0	0	0	1	0	0	3	60	15	0	0	0	45	0	0	45	15	25	60	VD	DA	0	0	[CD]	[DE03]				
36	HK4	DE39013	Đồ án Đồ họa hệ thống	[4]	BB	2[1.1.3]	2	1	0	0	0	1	0	0	3	60	15	0	0	0	45	0	0	45	15	25	60	VD	DA	0	0	[CD]	[DE03]				
37	HK5	GS29001	Pháp luật Việt Nam đại cương	[2]	BB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	10	40	50	TN	TN	60	60	[LT]	[GS02]				
38	HK5	GS79009	Tư tưởng Hồ Chí Minh	[2]	BB	2[2.0.4]	2	2	0	0	0	0	0	0	4	30	30	0	0	0	0	0	0	60	20	30	50	TL	TL	45	60	[LT]	[GS07]				
39	HK5	DE39011	Thực tập chuyên ngành	[3]	BB	2[0.2.2]	2	0	0	0	0	2	0	0	2	90	0	0	0	0	90	0	0	30	0	0	0	100	0	BC/TL	0	0	[NT]	[DE03]			
40	HK5	DE09018	Cơ sở văn hóa Việt Nam	[3]	BB	2[2.0.4]	2	2	0	0	0	0	0	0	4	30	30	0	0	0	0	0	0	60	10	20	70	VD	TL	0	0	[LT]	[DE00]				
41	HK5	DE09020	Ảnh studio	[3]	BB	2[0.2.2]	2	0	0	0	2	0	0	0	2	60	0	0	0	60	0	0	0	30	10	40	50	VD	TH	0	0	[ST]	[DE00]				
42	HK5	DE09029	Kỹ thuật in ấn	[3]	TC	2[1.1.3]	2	1	0	0	1	0	0	0	3	45	15	0	0	30	0	0	0	45	0	0	0	0	0	0	0	0	[LT] - [CD]	[DE00]			
43	HK5	DE33036	Nguyên lý thiết kế bao bì	[3]	BB	2[1.1.4]	2	1	0	0	1																										

STT	HỌC KỲ	MSMH	TÊN MÔN HỌC	MÔN HỌC THUỘC KHỐI KIẾN THỨC	MÔN BẮT BUỘC HOẶC TỰ CHỌN	PHÂN BỐ SỐ TÍN CHỈ											PHÂN BỐ SỐ TIẾT										PHƯƠNG THỨC ĐÁNH GIÁ ĐIỂM THÀNH PHẦN, KIỂM TRA, THI						YÊU CẦU CHI TIẾT TRIỂN KHAI MÔN HỌC (NẾU CÓ) phòng học hay địa điểm học	TỔ BỘ MÔN THUỘC KHOA BAN CHUYÊN MÔN
						MÔ TẢ TÍN CHỈ	TỔNG TÍN CHỈ	LÝ THUYẾT	BÀI TẬP	THẢO LUẬN	T/TN/TH	ĐỒ ÁN/BTL	LUẬN ÁN	TỐT NGHIỆP	TỰ HỌC	TỔNG TIẾT	LÝ THUYẾT	BÀI TẬP	THẢO LUẬN	T/TN/TH	ĐỒ ÁN/BTL	LUẬN ÁN	TỐT NGHIỆP	TỰ HỌC	% ĐIỂM THÀNH PHẦN			HÌNH THỨC K/TRA - THI		THỜI GIAN K/TRA - THI				
																									QUÁ TRÌNH	GIỮA KỲ	CUỐI KỲ	K/TRA GIỮA KỲ	THE CUỐI KỲ	K/TRA GIỮA KỲ	THE CUỐI KỲ			
01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	
01	HK6_TC	GS09011	KHXHNV Tiếng Việt thực hành	[2]	TC	2[2.0.4]	2	2	0	0	0	0	0	0	4	30	30	0	0	0	0	0	0	60	0	0	0	0	0	0	0	[LT]	[GS00]	
02	HK6_TC	GS09012	KHXHNV Kỹ năng giao tiếp	[2]	TC	2[1.1.3]	2	1	0	1	0	0	0	0	3	45	15	0	30	0	0	0	0	45	0	0	0	0	0	0	0	[LT]	[GS00]	
03	HK6_TC	GS09021	KHXHNV Tiếng Anh chuyên ngành	[2]	TC	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	0	0	0	0	0	0	0	[LT]	[GS00]	
04	HK6_TC	DE09024	Nghệ thuật trang trí công cộng	[3]	TC	2[1.1.3]	2	1	0	0	1	0	0	0	3	45	15	0	0	30	0	0	0	45	0	0	0	0	0	0	0	[LT] - [CD]	[DE00]	
05	HK6_TC	DE09028	Xây dựng quy trình thiết kế thời trang	[3]	TC	2[1.1.3]	2	1	0	0	1	0	0	0	3	45	15	0	0	30	0	0	0	45	0	0	0	0	0	0	0	[LT] - [CD]	[DE00]	
06	HK6_TC	DE09030	Nghệ thuật bố cục trình bày	[3]	TC	2[1.1.3]	2	1	0	0	1	0	0	0	3	45	15	0	0	30	0	0	0	45	0	0	0	0	0	0	0	[LT] - [CD]	[DE00]	
07	HK6_TC	DE09036	Nghệ thuật sắp đặt và trưng bày sản phẩm	[3]	TC	2[1.1.3]	2	1	0	0	1	0	0	0	3	45	15	0	0	30	0	0	0	45	0	0	0	0	0	0	0	[LT] - [CD]	[DE00]	
08	HK6_TC	DE09049	Vẽ kỹ thuật số (Digital Painting)	[3]	TC	2[1.1.3]	2	1	0	0	1	0	0	0	3	45	15	0	0	30	0	0	0	45	0	0	0	0	0	0	0	[LT] - [CD]	[DE00]	
09	HK7_TC	DE09037	Phong thủy	[3]	TC	2[1.1.3]	2	1	0	0	1	0	0	0	3	45	15	0	0	30	0	0	0	45	0	0	0	0	0	0	0	[LT] - [CD]	[DE00]	
10	HK7_TC	DE09038	Ứng dụng kỹ thuật thể hiện tranh in đương đại	[3]	TC	2[1.1.3]	2	1	0	0	1	0	0	0	3	45	15	0	0	30	0	0	0	45	0	0	0	0	0	0	0	[LT] - [CD]	[DE00]	
11	HK7_TC	DE09039	Phương pháp nhận diện ADN của thương hiệu	[3]	TC	2[1.1.3]	2	1	0	0	1	0	0	0	3	45	15	0	0	30	0	0	0	45	10	40	50	VD	TH	0	0	[LT]	[DE00]	
12	HK7_TC	DE19012	Phương pháp tìm ý trong TK sản phẩm	[3]	TC	2[1.1.4]	2	1	1	0	0	0	0	0	4	30	15	15	0	0	0	0	0	60	0	0	0	0	0	0	0	[LT] - [CD]	[DE01]	
13	HK7_TC	DE33025	Đồ án Tổ chức sự kiện	[4]	TC	2[1.1.3]	2	1	0	0	0	1	0	0	3	60	15	0	0	0	45	0	0	45	0	0	0	0	0	0	0	[CD]	[DE03]	
14	HK7_TC	DE33026	Đồ án Thiết kế web	[4]	TC	2[1.1.3]	2	1	0	0	0	1	0	0	3	60	15	0	0	0	45	0	0	45	0	0	0	0	0	0	0	[CD]	[DE03]	
15	HK7_TC	DE33027	Đồ án Quảng cáo tương tác	[4]	TC	2[1.1.3]	2	1	0	0	0	1	0	0	3	60	15	0	0	0	45	0	0	45	0	0	0	0	0	0	0	[CD]	[DE03]	

QUY ƯỚC KÝ HIỆU:

CỘT [05] KHỐI KIẾN THỨC

- [0] Kiến thức giáo dục chuyên biệt
[0.1] Giáo dục quốc phòng - an ninh
[0.2] Giáo dục thể chất

Kiến thức giáo dục đại cương

- [1] Khoa học tự nhiên
[2] Khoa học xã hội nhân văn
Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp
[3] Cơ sở ngành
[4] Chuyên ngành
[5] Nhóm môn bài thi tốt nghiệp
[5.1] Thực tập tốt nghiệp
[5.2] Bài thi tốt nghiệp - tự chọn
[5.3] Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp
[5.4] Thi tốt nghiệp

CỘT [06] MÔN HỌC BẮT BUỘC, TỰ CHỌN

- BB Môn học bắt buộc
TC Môn học tự chọn
TN Nhóm môn tốt nghiệp - bắt buộc.
Sinh viên chọn hình thức thực hiện

CỘT [29] & [30] HÌNH THỨC KIỂM TRA, THI

- [VD] Thi vấn đáp
[TN] Thi trắc nghiệm
[TL] Thi tự luận
[TH] Thi thực hành
[BC] Nộp báo cáo / Báo cáo / Tiểu luận
[LA] Luận án / Bảo vệ Luận án
[DA] Nộp đồ án / Bảo vệ đồ án môn học
[CH] Thi trắc nghiệm và tự luận

STT	HỌC KỲ	MSMH	TÊN MÔN HỌC	MÔN HỌC BẮT BUỘC HOẶC KIẾN THỨC	MÔN BẮC BUỘC HOẶC TƯ CHỌN	PHÂN BỐ SỐ TÍN CHỈ											PHÂN BỐ SỐ TIẾT									PHƯƠNG THỨC ĐÁNH GIÁ ĐIỂM THÀNH PHẦN, KIỂM TRA, THI						YÊU CẦU CHI TIẾT TRIỂN KHAI MÔN HỌC (NẾU CÓ) phòng học hay địa điểm học	TỔ BỘ MÔN THUỘC KHOA BAN CHUYÊN MÔN
						MÔ TẢ TÍN CHỈ	TỔNG TÍN CHỈ	LÝ THUYẾT	BÀI TẬP	THẢO LUẬN	TỰ/TM/TH	ĐỒ ÁN/BTL	LUẬN ÁN	TỐT NGHIỆP	TỰ HỌC	TỔNG TIẾT	LÝ THUYẾT	BÀI TẬP	THẢO LUẬN	TỰ/TM/TH	ĐỒ ÁN/BTL	LUẬN ÁN	TỐT NGHIỆP	TỰ HỌC	% ĐIỂM THÀNH PHẦN			HÌNH THỨC K/TRA - THI		THỜI GIAN K/TRA - THI			
																									QUÁ TRÌNH	GIỮA KỲ	CUỐI KỲ	K/TRA GIỮA KỲ	THE CUỐI KỲ	Ở CUỐI KỲ			
01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34
01	HK1	DE09046	Tin học đại cương và thực hành	[1]	BB	3[1.2.4]	3	1	0	0	2	0	0	0	4	75	15	0	0	60	0	0	0	60	20	30	50	TH	TH	0	0	[PM]	[DE00]
02	HK1	GS19007	Tiếng Anh 1	[2]	BB	2[1.1.3]	2	1	0	1	0	0	0	0	3	45	15	0	30	0	0	0	0	45	10	20	70	VD	TN	15	75	[NN]	[GS01]
03	HK1	GS79005	Triết học Mác - Lênin	[2]	BB	3[3.0.6]	3	3	0	0	0	0	0	0	6	45	45	0	0	0	0	0	0	90	20	30	50	TL	TL	45	60	[LT]	[GS07]
04	HK1	GS79006	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	[2]	BB	2[2.0.4]	2	2	0	0	0	0	0	0	4	30	30	0	0	0	0	0	0	60	20	30	50	TL	TL	45	60	[LT]	[GS07]
05	HK1	DE09001	Design đại cương	[3]	BB	2[2.0.4]	2	2	0	0	0	0	0	0	4	30	30	0	0	0	0	0	0	60	10	30	60	TL	TL	15	75	[LT]	[DE00]
06	HK1	DE09002	Hình họa 1	[3]	BB	3[1.2.4]	3	1	0	0	1	1	0	0	4	90	15	0	0	30	45	0	0	60	20	30	50	TH	TH	0	0	[VE]	[DE00]
07	HK1	DE09003	Lược sử mỹ thuật Thế giới và Việt Nam	[3]	BB	3[3.0.6]	3	3	0	0	0	0	0	0	6	45	45	0	0	0	0	0	0	90	10	20	70	VD	TL	0	0	[LT]	[DE00]
08	HK1	DE09047	Nguyên lý thị giác	[3]	BB	3[2.1.5]	3	2	0	0	1	0	0	0	5	60	30	0	0	30	0	0	0	75	10	30	60	VD	TN	0	0	[LT]	[DE00]
09	HK2	GS93005	Giáo dục thể chất 1	[0.2]	BB	0[0.2.3]	0	0	1	0	1	0	0	0	3	45	0	15	0	30	0	0	0	45	30	0	70	0	0	0	0	[SA]	[GS09]
10	HK2	GS19008	Tiếng Anh 2	[2]	BB	2[1.1.3]	2	1	0	1	0	0	0	0	3	45	15	0	30	0	0	0	0	45	10	20	70	VD	TN	15	75	[NN]	[GS01]
11	HK2	DE09005	Ergonomics	[3]	BB	2[1.1.3]	2	1	0	0	1	0	0	0	3	45	15	0	0	30	0	0	0	45	10	20	70	VD	TN	0	0	[LT]	[DE00]
12	HK2	DE09006	Hình họa 2	[3]	BB	3[1.2.4]	3	1	0	0	1	1	0	0	4	90	15	0	0	30	45	0	0	60	20	30	50	TH	TH	0	0	[VE]	[DE00]
13	HK2	DE09048	Vẽ kỹ thuật	[3]	BB	2[1.1.3]	2	1	0	0	1	0	0	0	3	45	15	0	0	30	0	0	0	45	10	20	70	BT	VE	0	0	[LT]	[DE00]
14	HK2	DE09008	Thực tập cơ sở	[3]	BB	1[0.1.1]	1	0	0	0	0	1	0	0	1	45	0	0	0	0	45	0	0	15	0	0	100	0	BC/TL	0	0	[NT]	[DE00]
15	HK2	DE43028	Cơ sở kiến trúc nội thất	[3]	BB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	10	40	50	VD	TH	0	0	[LT]	[DE04]
16	HK2	DE43029	Trang trí chuyên ngành 1	[3]	BB	3[2.1.5]	3	2	0	0	1	0	0	0	5	60	30	0	0	30	0	0	0	75	10	40	50	TH	TH	0	0	[LT]	[DE04]
17	HK2	DE49003	Kỹ thuật thể hiện đồ án nội thất 1	[3]	BB	3[1.2.4]	3	1	0	0	2	0	0	0	4	75	15	0	0	60	0	0	0	60	10	30	60	TH	TH	0	0	[PM]	[DE04]
18	HK3	GS93006	Giáo dục thể chất 2 (tự chọn)	[0.2]	BB	0[0.2.1]	0	0	1	0	1	0	0	0	1	45	0	15	0	30	0	0	0	15	30	0	70	0	0	0	0	[SA]	[GS09]
19	HK3	GS19009	Tiếng Anh 3	[2]	BB	2[1.1.3]	2	1	0	1	0	0	0	0	3	45	15	0	30	0	0	0	0	45	10	20	70	VD	TN	15	75	[NN]	[GS01]
20	HK3	GS79007	Chủ nghĩa xã hội khoa học	[2]	BB	2[2.0.4]	2	2	0	0	0	0	0	0	4	30	30	0	0	0	0	0	0	60	20	30	50	TL	TL	45	60	[LT]	[GS07]
21	HK3	DE09012	Hình họa chuyên ngành 1. TK Nội thất	[3]	BB	3[1.2.4]	3	1	0	0	1	1	0	0	4	90	15	0	0	30	45	0	0	60	10	40	50	TH	TH	0	0	[VE]	[DE00]
22	HK3	DE49004	Nguyên lý thiết kế nội thất	[3]	BB	3[2.1.5]	3	2	0	0	1	0	0	0	5	60	30	0	0	30	0	0	0	75	10	30	60	TH	TH	0	0	[LT]	[DE04]
23	HK3	DE43030	Trang trí chuyên ngành 2	[3]	BB	3[2.1.5]	3	2	0	0	1	0	0	0	5	60	30	0	0	30	0	0	0	75	10	30	60	TH	TH	0	0	[LT]	[DE04]
24	HK3	DE49007	Kỹ thuật thể hiện đồ án nội thất 2	[3]	BB	3[1.2.4]	3	1	0	0	1	1	0	0	4	90	15	0	0	30	45	0	0	60	10	30	60	VD	DA	0	0	[PM]	[DE04]
25	HK3	DE49006	Vật liệu nội thất	[4]	BB	3[2.1.5]	3	2	0	0	1	0	0	0	5	60	30	0	0	30	0	0	0	75	10	30	50	TH	TH	0	0	[CD]	[DE04]
26	HK3	DE49017	Cầu tạo kiến trúc	[4]	BB	3[2.1.5]	3	2	0	0	1	0	0	0	5	60	30	0	0	30	0	0	0	75	10	30	60	TH	TH	0	0	[CD]	[DE04]
27	HK4	MJ03002	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	[0.1]	BB	0[6.3.16]	0	6	1	0	2	0	0	0	16	165	90	15	0	60	0	0	0	240	0	0	100	0	TH+TN	0	0	[QP]	[MJ00]
28	HK4	GS93007	Giáo dục thể chất 3 (tự chọn)	[0.2]	BB	0[0.2.1]	0	0	1	0	1	0	0	0	1	45	0	15	0	30	0	0	0	15	30	0	70	0	0	0	0	[SA]	[GS09]
29	HK4	GS19010	Tiếng Anh 4	[2]	BB	2[1.1.3]	2	1	0	1	0	0	0	0	3	45	15	0	30	0	0	0	0	45	10	20	70	VD	TN	15	120	[NN]	[GS01]
30	HK4	GS79008	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	[2]	BB	2[2.0.4]	2	2	0	0	0	0	0	0	4	30	30	0	0	0	0	0	0	60	20	30	50	TL	TL	45	60	[LT]	[GS07]
31	HK4	DE09013	Nghệ thuật ánh	[3]	BB	2[1.1.3]	2	1	0	0	1	0	0	0	3	45	15	0	0	30	0	0	0	45	10	20	70	VD	TH	0	0	[LT]	[DE00]
32	HK4	DE09017	Hình họa chuyên ngành 2. TK Nội thất	[3]	BB	3[1.2.4]	3	1	0	0	1	1	0	0	4	90	15	0	0	30	45	0	0	60	10	40	50	TH	TH	0	0	[VE]	[DE00]
33	HK4	DE49013	Kỹ thuật thể hiện đồ án nội thất 3	[3]	BB	3[1.2.4]	3	1	0	0	2	0	0	0	4	75	15	0	0	60	0	0	0	60	10	30	60	VD	TH	0	0	[PM]	[DE04]
34	HK4	DE49010	Cầu tạo nội thất	[4]	BB	3[2.1.5]	3	2	0	0	1	0	0	0	5	60	30	0	0	30	0	0	0	75	10	30	60	VD	TH	0	0	[CD]	[DE04]
35	HK4	DE43032	Đồ án Ngoại thất sân vườn cảnh quan	[4]	BB	2[1.1.3]	2	1	0	0	0	1	0	0	3	60	15	0	0	0	45	0	0	45	10	20	70	VD	DA	0	0	[CD]	[DE04]
36	HK4	DE49012	Đồ án Nội thất công trình nhà ở	[4]	BB	2[1.1.3]	2	1	0	0	0	1	0	0	3	60	15	0	0	0	45	0	0	45	10	20	70	VD	DA	0	0	[CD]	[DE04]
37	HK5	GS29001	Pháp luật Việt Nam đại cương	[2]	BB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	10	40	50	TN	TN	60	60	[LT]	[GS02]
38	HK5	GS79009	Tư tưởng Hồ Chí Minh	[2]	BB	2[2.0.4]	2	2	0	0	0	0	0	0	4	30	30	0	0	0	0	0	0	60	20	30	50	TL	TL	45	60	[LT]	[GS07]
39	HK5	DE49009	Thực tập chuyên ngành	[3]	BB	2[0.2.2]	2	0	0	0	0	2	0	0	2	90	0	0	0	0	90	0	0	30	0	0	100	0	BC/TL	0	0	[NT]	[DE04]
40	HK5	DE09018	Cơ sở văn hóa Việt Nam	[3]	BB	2[2.0.4]	2	2	0	0	0	0	0	0	4	30	30	0	0	0	0	0	0	60	10	20	70	VD	TL	0	0	[LT]	[DE00]
41	HK5	DE09020	Ảnh studio	[3]	BB	2[0.2.2]	2	0	0	0	2	0	0	0	2	60	0	0	0	60	0	0	0	30	10	40	50	VD	TH	0	0	[ST]	[DE00]
42	HK5	DE43031	Kỹ thuật thể hiện đồ án nội thất 4	[3]	BB	3[1.2.4]	3	1	0	0	2	0	0	0	4	75	15	0	0	60	0	0	0	60	10	30	60	VD	TL	0	0	[PM]	[DE04]
43	HK5	DE49014	Đồ án Nội thất công trình Trung bày - Thương mại	[4]	BB</																												

STT	HỌC KỲ	MSMH	TÊN MÔN HỌC	MÔN HỌC THUỘC KHỐI KIẾN THỨC	MÔN BẮT BUỘC HOẶC TỰ CHỌN	PHÂN BỐ SỐ TÍN CHỈ										PHÂN BỐ SỐ TIẾT										PHƯƠNG THỨC ĐÁNH GIÁ ĐIỂM THÀNH PHẦN, KIỂM TRA, THI						YÊU CẦU CHI TIẾT TRIỂN KHAI MÔN HỌC (NẾU CÓ) phòng học hay địa điểm học	TỔ BỘ MÔN THUỘC KHOA BAN CHUYÊN MÔN
																										% ĐIỂM THÀNH PHẦN		HÌNH THỨC K/TRA - THI		THỜI GIAN K/TRA - THI			
						MÔ TẢ TÍN CHỈ	TỔNG TÍN CHỈ	LÝ THUYẾT	BÀI TẬP	THẢO LUẬN	TỰ/TM/TH	ĐỒ ÁN/BTL	LUẬN ÁN	TỐT NGHIỆP	TỰ HỌC	TỔNG TIẾT	LÝ THUYẾT	BÀI TẬP	THẢO LUẬN	TỰ/TM/TH	ĐỒ ÁN/BTL	LUẬN ÁN	TỐT NGHIỆP	TỰ HỌC	QUÁ TRÌNH	GIỮA KỲ	CUỐI KỲ	K/TRA GIỮA KỲ	THE CUỐI KỲ	K/TRA GIỮA KỲ	THE CUỐI KỲ		
01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34
01	HK6_TC	GS09011	KHXHNV Tiếng Việt thực hành	[2]	TC	2[2.0.4]	2	2	0	0	0	0	0	0	4	30	30	0	0	0	0	0	0	60	0	0	0	0	0	0	0	[LT]	[GS00]
02	HK6_TC	GS09012	KHXHNV Kỹ năng giao tiếp	[2]	TC	2[1.1.3]	2	1	0	1	0	0	0	0	3	45	15	0	30	0	0	0	0	45	0	0	0	0	0	0	0	[LT]	[GS00]
03	HK6_TC	GS09021	KHXHNV Tiếng Anh chuyên ngành	[2]	TC	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	0	0	0	0	0	0	0	[LT]	[GS00]
04	HK6_TC	DE09024	Nghệ thuật trang trí công cộng	[3]	TC	2[1.1.3]	2	1	0	0	1	0	0	0	3	45	15	0	0	30	0	0	0	45	0	0	0	0	0	0	0	[LT] - [CD]	[DE00]
05	HK6_TC	DE09028	Xây dựng quy trình thiết kế thời trang	[3]	TC	2[1.1.3]	2	1	0	0	1	0	0	0	3	45	15	0	0	30	0	0	0	45	0	0	0	0	0	0	0	[LT] - [CD]	[DE00]
06	HK6_TC	DE09030	Nghệ thuật bố cục trình bày	[3]	TC	2[1.1.3]	2	1	0	0	1	0	0	0	3	45	15	0	0	30	0	0	0	45	0	0	0	0	0	0	0	[LT] - [CD]	[DE00]
07	HK6_TC	DE09036	Nghệ thuật sắp đặt và trưng bày sản phẩm	[3]	TC	2[1.1.3]	2	1	0	0	1	0	0	0	3	45	15	0	0	30	0	0	0	45	0	0	0	0	0	0	0	[LT] - [CD]	[DE00]
08	HK7_TC	DE09037	Phong thủy	[3]	TC	2[1.1.3]	2	1	0	0	1	0	0	0	3	45	15	0	0	30	0	0	0	45	0	0	0	0	0	0	0	[LT] - [CD]	[DE00]
09	HK7_TC	DE09038	Ứng dụng kỹ thuật thể hiện tranh in đương đại	[3]	TC	2[1.1.3]	2	1	0	0	1	0	0	0	3	45	15	0	0	30	0	0	0	45	0	0	0	0	0	0	0	[LT] - [CD]	[DE00]
10	HK7_TC	DE09039	Phương pháp nhận diện ADN của thương hiệu	[3]	TC	2[1.1.3]	2	1	0	0	1	0	0	0	3	45	15	0	0	30	0	0	0	45	10	40	50	VD	TH	0	0	[LT]	[DE00]
11	HK7_TC	DE19012	Phương pháp tìm ý trong TK sản phẩm	[3]	TC	2[1.1.4]	2	1	1	0	0	0	0	0	4	30	15	15	0	0	0	0	0	60	0	0	0	0	0	0	0	[LT] - [CD]	[DE01]
12	HK7_TC	DE43025	Đồ án Sản phẩm tái chế	[4]	TC	2[1.1.3]	2	1	0	0	0	1	0	0	3	60	15	0	0	0	45	0	0	45	0	0	0	0	0	0	0	[CD]	[DE04]
13	HK7_TC	DE43026	Đồ án Tổ chức sự kiện	[4]	TC	2[1.1.3]	2	1	0	0	0	1	0	0	3	60	15	0	0	0	45	0	0	45	0	0	0	0	0	0	0	[CD]	[DE04]
14	HK7_TC	DE43027	Đồ án Tạo dáng sản phẩm nội thất	[4]	TC	2[1.1.3]	2	1	0	0	0	1	0	0	3	60	15	0	0	0	45	0	0	45	0	0	0	0	0	0	0	[CD]	[DE04]

QUY ƯỚC KÝ HIỆU:

CỘT [05] KHỐI KIẾN THỨC

[0] Kiến thức giáo dục chuyên biệt

[0.1] Giáo dục quốc phòng - an ninh

[0.2] Giáo dục thể chất

Kiến thức giáo dục đại cương

[1] Khoa học tự nhiên

[2] Khoa học xã hội nhân văn

Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

[3] Cơ sở ngành

[4] Chuyên ngành

[5] Nhóm môn bài thi tốt nghiệp

[5.1] Thực tập tốt nghiệp

[5.2] Bài thi tốt nghiệp - tự chọn

[5.3] Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp

[5.4] Thi tốt nghiệp

CỘT [06] MÔN HỌC BẮT BUỘC, TỰ CHỌN

BB

Môn học bắt buộc

TC

Môn học tự chọn

TN

Nhóm môn tốt nghiệp - bắt buộc.

Sinh viên chọn hình thức thực hiện

CỘT [29] & [30] HÌNH THỨC KIỂM TRA, THI

[VD]

Thi vấn đáp

[TN]

Thi trắc nghiệm

[TL]

Thi tự luận

[TH]

Thi thực hành

[BC]

Nộp báo cáo / Báo cáo / Tiểu luận

[LA]

Luận án / Bảo vệ Luận án

[DA]

Nộp đồ án / Bảo vệ đồ án môn học

[CH]

Thi trắc nghiệm và tự luận